

PHẬT PHÁP

BOUDDHADHARMA

Số/N. 28-08/2007

Mùa Vu Lan báo hiếu/Piété filiale-Ullumbana

Đĩa
Ngọc
Chứng
Không
Thệ
Không
Trần
Phật



Chứng
Sinh
Độ
Hạt
Mối
Chứng
Bồ
Đề

Bọt huyễn đồng không ngại
Sao lại không tỏ ngộ
Rõ pháp ở lên trong
Chẳng nay cũng chẳng xưa.

Tây thiên tổ thứ hai mươi một Bà Tu Bàn Đầu

*Écume et illusion toutes semblables
Pourquoi ne pas pénétrer
Le dharma derrière cela
Éternel dharma ni actuel ni ancien.*

Vingt et unième Patriarche de l'Inde Vasubandhu

Phật pháp/Bouddhadharma 28

□ Tờ Phật pháp / La Revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ ba tháng / Edition Trimestrielle.

□ Chủ Nhiệm : Vén. Thích Minh Định.

□ Đánh máy : Ngô Trí Tuệ, Trần Xuân Tiến, Giác Lâm ...

□ Le correcteur des textes en français :

Lý Thị Minh Nguyệt, Phan Ngọc Anh.

□ Ban phát hành: Thích Nữ Đàm Như, Anh chị Phạm Tấn Lộc, cô Vi, cô Hồng, cô Giác Hạnh, cô Giác Hiền, cô Diệu Hải, cô Đồng Thu, chú Giác Lâm, cô Giác Xuân, Anh chị Thanh Bạch và Bạch Lê, Cô Giác Thủy, Cô Giác Thanh, Cô Giác Hảo, Cô Giác Hoa,

□ Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên tờ Phật pháp do ban phiên dịch Chùa Kim Quang/Les Sutras publiés dans la revue Bouddhadharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang.

□ Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú của Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng.

□ La revue Bouddhadharma publie principalement les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la voie du Bouddha.

□ Hoan nghênh tất cả bài viết về Phật pháp, giáo dục..., của tất cả quý vị, và sự phát tâm đóng góp phiên dịch, đánh máy tiếng Việt/Pháp xin liên lạc về chùa.

□ Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, ngân phiếu xin đề Pagode Kim Quang.

□ Mọi chi tiết xin liên liên lạc về :

Chùa/Pagode Kim Quang

75, Allée Circulaire

93600 Aulnay Sous Bois

France

Tel./fax : 01.48.69.01.24

ou tel. : 06.25.05.03.89.

e-mail: kimquangtu@hotmail.com

Trong số này/Sommaire

<i>Kinh hoa niêm giảng giải</i>	3
<i>Kinh pháp hoa giảng giải</i>	6
<i>Chú lãnq niêm giảng giải</i>	9
<i>Kinh bát nhã</i>	11
<i>Đại trí độ luận</i>	13
<i>Pháp ngữ thiền sư hui vân</i>	15
<i>Hăm sơn đại sư từ tuyên</i>	16
<i>Ý nghĩa đạo đức và thực tiễn</i>	18
<i>Chúng ta phải học mô phạm ...</i>	20
<i>Biết ơn và báo ơn</i>	22
<i>Chuyện nàng corimati</i>	24
<i>Tam bộ nhất bái</i>	25
<i>Le sutra du dharmya du lotus</i>	27
<i>Le sutra shurangama</i>	29
<i>Le mantra shurangama</i>	32
<i>Le mantra grand compassion</i>	34
<i>Le sutra du vajra prajna paramita</i>	36
<i>Le bouddha parle le sutra d'amitabha</i>	38
<i>Le sutra quarante deux chapitres</i>	40
<i>Le sutra du sixième fondateur</i>	41
<i>Gardez et dépensez ses richesses</i>	43
<i>Prosternons-nous du fond du coeur</i>	44
<i>Nous devons apprendre ...</i>	47
<i>Une prostration tous les trois pas</i>	50



Kinh hoa niêm Đại phương quang Phật

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Hán dịch: Thập Xoa Nan Đà
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Dục vọng của loài súc sinh : Vừa có lòng tham ngu si và điên đảo. Sở thích của chúng là không làm mà muốn có đồ ăn, không phấn đấu sinh hoạt. Chúng ta người tu đạo phải học tinh thần loài ong. Chúng hút mật trăm loài hoa về tụ tập một chỗ, meo lên mà thành mật ong, không những lợi mình mà cũng lợi người.

Dục vọng của loài ngựa quý là muốn ăn đồ vật, nhưng chẳng có vật gì để ăn; dù uống nước, nước cũng biến thành lửa. Vì nghiệp chướng quá nặng, cổ họng nhỏ như kim, bụng thì to như trống, không có khi nào ăn no, thật đáng thương !

Dục vọng của loài địa ngục là tâm sân hận, luôn luôn muốn nóng giận, chẳng có tâm từ bi. Chúng sinh nóng giận như lửa thì chịu sự khổ lửa đốt thân; chúng sinh nóng giận như đao thì chịu sự khổ cắt thịt. Nóng giận như thế nào thì có phiền não như thế đó.

Các pháp giới chúng sinh đều có lòng tham muốn của họ. Phạm là chúng sinh có lòng tham muốn, thì vĩnh viễn lưu chuyển trong biển sinh tử, ngóc đầu lên lại chìm xuống, sinh rồi lại chết, chết rồi lại sinh, luân hồi trong lục đạo không khi nào ngừng. Đó gọi là biển sinh tử.

Vị Thiên Vương này hiểu rõ đạo lý này, cho nên tùy thuận chúng sinh lưu chuyển trong biển sinh tử, khiến cho chúng sinh giác ngộ, mà ra khỏi biển sinh tử đắc được giải thoát. Vị này đắc được môn giải thoát này.

Tịnh Niệm Nhân Thiên Vương được môn giải thoát, nghĩ nhớ hạnh Như Lai điều phục chúng sinh.

Vị Thanh Tịnh Nhân Thiên Vương này nhờ công đức niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, mà đắc được mất thanh tịnh. Và còn đắc được nghĩ nhớ định lực của Như Lai. Nghĩ nhớ tức là không quên. Không quên ai ? Không quên Như Lai. Cho nên chúng ta là người tu đạo, phải bỏ



Hình lưu niệm với các Phật tử vùng tây bắc Đức 3.2007

vọng tồn chân. Khử sạch tâm vọng, chỉ tồn tâm chân thành. Yêu thích cõi nước chư Phật, phát nguyện vãng sanh, đó là nghĩ nhớ. Nghĩ nhớ pháp thân của Phật, nghĩ nhớ hóa cảnh của Phật, nghĩ nhớ Tam Bảo thì hàng phục được các hạnh của chúng sinh.

Chúng sinh trong thế giới Ta Bà không dễ gì điều phục được, trong Kinh Địa Tạng có nói: “ Chúng sinh cõi Nam Diêm Phù Đề căn tính khó điều phục.” Chúng sinh thế giới này chấp trước ngã kiến, ngã mạn, cho nên khó điều phục. Họ không chịu nghe, dù có bạn tốt thầy hiền khéo dụ khiến cho họ phát Bồ đề tâm, lợi mình lợi người, nhưng họ không tin, không nghe dạy bảo. Cho nên chúng sinh thường làm chúng sinh, không siêu thoát được.

Vị Thiên Vương này điều phục được chúng sinh hạnh. Điều là điều hòa, giống như nước hòa với sữa, lập tức điều hòa thành một thể. Phục là điều phục, giống như cọp, xem con người là thức ăn. Hòa Thượng Hư Vân khiến cho cọp quy y Tam Bảo, không ăn thịt mà ăn chay đó là điều phục. Chúng sinh không giữ quy cụ mà dạy họ giữ được quy cụ, đó là điều phục chúng sinh hạnh. Vị Thiên Vương này đặc được môn giải thoát này.

Khả Ái Lạc Phổ Chiếu Thiên Vương được môn giải thoát, phổ môn chảy ra từ biển Đà La Ni.

Vị Khả Ái Lạc Phổ Chiếu Thiên Vương này, bất cứ là người ở trên trời, hoặc người ở tại nhân gian, ai thấy được vị này đều sinh tâm hoan hỷ và ái hộ. Vì quang minh của vị này chiếu khắp tất cả chúng sinh, thì tất cả đều có nhân duyên. Vị này đặc được pháp tam muội phổ môn Đà la ni hải.

Phổ môn là gì ? Tức là do một môn mà sinh ra vô lượng môn, từ vô lượng môn trở về một môn, là môn viên dung vô ngại khắp cùng pháp giới.

Đà la ni là gì ? Dịch là tổng trì. Tổng là tổng tất cả pháp, trì là trì vô lượng nghĩa. Tóm lại, tổng thân, khẩu, ý ba nghiệp thanh tịnh. Trì giới, định, huệ ba học viên minh.

Biển tổng trì là gì ? Tức là từ trong một tổng trì sinh ra vô lượng vô biên tổng trì. Trong mỗi tổng trì lại sinh ra bất khả thuyết, bất khả thuyết tổng trì. Sự biến hóa nhiều này giống như biển cả, cho nên gọi là biển tổng trì.

Tuy nhiên có biển tổng trì nhiều như thế, nhưng dùng chấp trước. Không chấp trước thì viên dung vô ngại. Chẳng giống như chúng ta, có một thì chấp một, có hai thì chấp hai, có ba thì chấp ba, cho đến có vô lượng thì chấp vô lượng. Phải rời tất cả chấp trước tướng, thì biển tổng trì cũng chẳng có. Nếu không bỏ sự chấp trước tướng, thì chẳng bao giờ được giải thoát. Vị Thiên Vương này được môn giải thoát này.

Thế Gian Tụ Tại Chủ Thiên Vương được môn giải thoát, khiến cho

chúng sinh gặp được Phật thì sinh tín tạng.

Vị Thế Gian Tụ Tại Chủ Thiên Vương này, tức là Thiên Chúa, hoặc là Thượng Đế mà một số người tin. Vị này tuy nhiên làm Chúa Trời nhưng vẫn không tri túc. Lại đến nhân gian để làm Tụ Tại Chủ, dạy người nhân gian khởi tâm tham, tâm sân, tâm si, dạy người nhân gian tin mình, tín ngưỡng mình, sùng bái mình, còn phán giáo nói rằng:

1. Tin ta thì được cứu, không tin ta thì không được cứu. Người có tâm tham, nghe rồi thì nghĩ rằng ta sẽ được cứu bèn tin Thượng đế.

2. Người nào tin ta thì được sinh về nước Chúa, ai không tin thì đọa địa ngục. Tóm lại, bất cứ có bao nhiêu tội lỗi, chỉ cần tin Thượng đế thì sẽ được sinh lên thiên đường. Bất cứ có bao nhiêu thiện nghiệp, nếu không tin Thượng đế thì sẽ đọa vào địa ngục. Người có tâm sân hận nghe rồi thì muốn nổi nóng, tạo ra nhiều nghiệp, bây giờ tin Thượng đế thì sẽ được cứu cho nên liền tin.

3. Tin ta thì là con của Thượng đế, không tin ta thì là quyến thuộc của ma quỷ. Người có tâm si mê, nghe rồi thì một lòng muốn làm con của Thượng đế, tôi phải sinh về đất Chúa, do đó bèn tin Thượng đế.

Người ngu si thì bất cứ ai nói điều gì họ đều tin là thật. Nếu có ai nói : ‘Trúng gà đẻ ở trên cây’ họ cũng sẽ tin. Tại sao ? Vì họ chẳng có năng lực biện rõ thị phi, đó tức là mê tín.

Cho nên vị Thế Gian Tụ Tại Chủ ở tại nhân gian lập giáo mà hành đại đạo, đến khắp nơi dùng quan hệ tình cảm để thuyết giáo, dạy người tin Chúa trời, Chúa trời là thần vạn năng, sáng được thế giới, tạo vạn vật, xét đoán tội người, nhưng không công bằng, là giáo đồ thì có quyền ưu tiên thăng lên thiên đường, chẳng phải giáo đồ thì không thể tha thứ, còn phải chịu tội.

Nói về vị Chúa trời này bây giờ đã phản tỉnh. Vị này đã kiểm thảo lại những gì đã làm trong quá khứ, biết phạm sự sai lầm, cho nên bây giờ sám hối nói : ‘Tin ta thì nương tựa không vững, chết rồi tuy nhiên sinh lên thiên đường, nhưng khi hưởng hết phước trời thì vẫn phải chịu sinh tử,

chẳng phải pháp cứu kính. Chỉ có tin Phật pháp mới chân chánh được cứu, vĩnh viễn chấm dứt sinh tử.”

Vị Thiên Vương này khiến chúng sinh gặp được Phật thì sinh tín tạng. Phật là vô thượng chánh đẳng chánh giác, bất cứ Thần, Thánh, Chúa trời đều không thể so sánh được trí huệ của Phật. Vì Phật có đại trí huệ không thể sánh được. Vị Thiên Vương này đắc được môn giải thoát này.

Quang Diệm Tự Tại Thiên Vương được môn giải thoát, khiến cho tất cả chúng sinh nghe pháp tin vui mà ra khỏi tam giới.

Vị Quang Diệm Tự Tại Thiên Vương này, có trí huệ quang minh giống như lửa ngọn. Vị này đắc được sự giác ngộ, khiến cho chúng sinh trong chín pháp giới nghe pháp mà sinh tín tâm và còn hoan thiên hỷ địa tín thọ. Như vậy mới ra khỏi tam giới, ra khỏi luân hồi, ra khỏi đời ác năm trước. Vị Thiên Vương đắc được môn giải thoát này.

Tam giới là gì ? Tức là dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Dục giới thì có dục (tham muốn) nam nữ, tham muốn về vật chất và tư tưởng tham muốn. Cho nên gọi là dục giới. Sắc giới chẳng còn tham muốn nam nữ, nhưng có sự tham muốn vật chất và tư tưởng tham muốn, cho nên gọi là sắc giới. Vô sắc giới chẳng còn tham muốn nam nữ, cũng chẳng có tham muốn vật chất, chỉ có tư tưởng tham muốn, tức là thức, cho nên gọi là vô sắc giới.

Luân hồi là gì ? Tức là bánh xe sinh tử, chạy trong vòng lục đạo, bị nghiệp lực sở cảm chi phối. Lúc sinh tiền thực hành thượng phẩm mười điều lành, giữ năm giới, thì được sinh về cõi trời. Lúc sinh tiền thực hành trung phẩm mười điều thiện, giữ năm giới, thì sinh về cõi người. Lúc sinh tiền thực hành hạ

phẩm mười điều lành, giữ năm giới, thì sinh về cõi A Tu La. Lúc sinh tiền thực hành hạ phẩm mười điều ác, không giữ năm giới, thì sinh về đường súc sinh. Lúc sinh tiền thực hành trung phẩm mười điều ác, không giữ năm giới, thì sinh về ngạ quỷ. Lúc sinh tiền thực hành thượng phẩm mười điều ác, không giữ năm giới, thì đọa vào địa ngục.

Đời ác năm trước là gì ? Thế giới này chúng ta đang ở, có năm thứ cấu nhiễm :

1. Kiếp trước : Đến thời đại mạt pháp, tuổi thọ con người đến lúc thấp nhất thì thành diệt kiếp, có ba tai nạn lớn.
2. Kiến trước : Trong tâm con người đầy đầy tư tưởng năm thứ kiến tức là thân kiến, biên kiến, giới thủ kiến, kiến thủ kiến, tà kiến.
3. Phiền não trước : Trong tâm con người đầy đầy năm thứ ngu độn tức là tham dục, sân khuể, ngu si, ngã mạn, nghi hoặc.

4. Chúng sinh trước : Sinh mạng của chúng sinh là do năm uẩn giả hợp mà thành, phải chịu sinh già bệnh chết, đủ sự thống khổ và phiền não, vĩnh viễn luân hồi trong lục đạo.

5. Mạng trước : Sinh mạng của chúng sinh khổ nhiều vui ít, thọ mạng như sương buổi sáng, khoảng nháy mắt quý vô thường đến thì sinh mạng sẽ chấm dứt.

Thân chúng sinh dễ được, nhưng thân người khó được, vì người là thông minh nhất trong các loại chúng sinh, cho nên được thân người chẳng phải dễ. Cổ đức nói :

“Thân người khó được, Phật pháp khó nghe,
Nước lớn khó sinh, bạn hiền khó gặp.”
(còn tiếp)



Kinh hành niệm Phật

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng

Hán dịch : Pháp sư Cưu Ma La Thập

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

Bậc đại giác ngộ còn chẳng kiêu ngạo, hà huống là phàm phu chúng ta ! Cho nên chỉ có người ngu mới khởi tâm kiêu mạn mà khinh mạn người khác.

Lại thấy người chẳng cười nói cầu thả và xa lìa quyến thuộc ngu si: Tâm sân cái là do vô minh chẳng hiểu nhân quả. Sự nóng giận có hại cho thân nhất, cũng khiến cho người mất đi lý trí, mà phạm đủ thứ lỗi lầm và rất nhiều tội ác phát sinh, cho đến



Hãy tu mau kéo trễ

giết người, đều do một niệm sân khởi lên, cho nên sân là đáng sợ nhất, khiến cho người tạo ra những hành vi ngu si và mười điều ác, năm tội ngũ nghịch, đủ thứ tội mà gieo xuống nhân địa ngục, ngã quỷ và súc sinh.

"Gần gũi bậc trí huệ": Nếu cải ác hướng thiện, gần gũi thiện tri thức, thì từ từ sẽ thay đổi trong sự ẩn tàng, trừ khử tập khí ác, bỏ tà theo chánh, đó là gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Như hiện nay tại Vạn Phật Thành mỗi ngày đều có pháp hội, đó tức là gần gũi bậc trí huệ, vì nghe nhiều Phật pháp, thì khiến cho trí huệ của con người tăng trưởng.

Nếu nhất tâm trừ loạn thì trừ khử được tham cái. Không tham thì tự nhiên chẳng phạm ngũ giới thập thiện. Tham sẽ khiến cho người đưng việc thì hôn mê, ràng buộc tâm mà chướng ngại đạo nghiệp. Rõ là người thế gian nhiều tham dục, vì lợi mà quên mình, suốt ngày vì kiếm tiền mà bất chấp thủ đoạn, chẳng nhận lục thân quyến thuộc, tổn người lợi mình. Những nghiệp ác này chẳng những hại người, cũng thương hại đến tự tánh của chính mình, làm cho trí huệ vốn có bị che lấp, mà gây tạo ra biết bao tội lỗi. Cho nên, chỉ có đoạn trừ tâm tham dục thì mới khiến cho tự tánh quang minh hiển hiện.

"Nhiếp niệm ở núi rừng": Mười pháp giới không lìa một tâm niệm. Thiên đường, địa ngục, hoặc nhân gian, chẳng lìa niệm hiện tại này. Cho nên muốn thành Phật, Bồ Tát, A La Hán, đều do một niệm này sinh ra. Một niệm của con người tuy đạt được một vạn tám ngàn dặm, nhưng hoàn toàn chẳng có quang minh, chỉ có tướng luồng hào quang trắng của Phật thông đạt được một vạn tám ngàn dặm, và còn thấy biết hết vạn sự vạn vật tận hư không viên dung vô ngại. Nhiếp niệm tức là thu hồi tâm tán loạn lại, mà an trụ tại một niệm, đó là pháp môn lấy độc trị độc. Buông xả vạn duyên, chỉ tồn tại một niệm, tốt nhất là đạt được cảnh giới vô niệm, thì đại giác Phật tánh viên minh tự nhiên sẽ hiện tiền. Cho nên nhiếp niệm ở núi rừng, là trừ khử thù cái (ngủ). Thù cái là chướng ngại cho người tu hành vì ở trong mộng chẳng dễ gì trừ giới, tự nhiên sẽ bị cảnh mộng lay chuyển, mà ma vương thích nhất là nhiễu loạn định lực của người tu hành ở trong mộng, khiến cho họ phạm giới mà khởi tâm niệm tham, sân, si, mà che lấp tự tánh. Do đó Bồ Tát này, xả bỏ được ba độc và năm dục vô minh phiền não mà yên tâm tu đạo, vĩnh viễn không thoái chuyển.

Lại thấy Bồ Tát dùng thức ăn thượng hạng, y áo, giường nệm và thuốc thang, hoặc nhà báu bằng gỗ chiên đàn, vườn rừng thanh tịnh, hoa quả sum sê, suối chảy ao tắm .v.v... hàng ngàn vạn thứ đem bố thí cúng dường Phật Pháp Tăng.

**Lại thấy có Bồ Tát
Đang nói pháp tịch diệt
Đủ thứ sự giáo hóa
Độ vô số chúng sinh.
Hoặc thấy có Bồ Tát
Quán sát các pháp tánh
Đều chẳng có hai tướng
Giống như là hư không.
Lại thấy có Phật tử
Tâm chẳng có chấp trước
Lấy đó làm diệu huệ
Cầu chứng vô thượng đạo.**

Hoặc thấy Bồ Tát đang nói pháp tịch diệt. Pháp tịch diệt vốn không thể nói ra, nhưng vì lòng từ bi, dùng đủ thứ pháp phương tiện để giáo hóa vô số chúng sinh.

Hoặc thấy có Bồ Tát, dùng trí huệ quán sát thể tánh của các pháp vô hình vô tướng, chẳng dài ngắn vuông tròn, cũng chẳng xanh vàng đỏ trắng đen .v.v... giống như hư không, không có gì cả, nhưng tất cả hình tướng lại chẳng lìa khỏi hư không mà có. Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Nếu đào đất ra một thước thì có một thước hư không, nếu đào một trượng thì có một trượng hư không. Nhưng trước khi chưa đào, cũng có một thước hư không như thế, chưa từng có tăng giảm. Do đó, tuy có hình tướng nhưng hình tướng chẳng thể bao hàm hư không, mà hư không bao hàm hết tất cả hình tướng. Do đó có câu :

"Tự tánh như hư không,
Chân vọng đều trong đó."

Chân không chẳng ngại diệu hữu, diệu hữu chẳng ngại chân không. Trong Chúng Đạo Ca của đại sư Vĩnh Gia có nói : "Chân bất lập, vọng bản không, hữu vô câu di bất không không." Các pháp vốn chẳng phân biệt thật giả, sự phân biệt này dựa trên danh tướng, chỉ bất quá tâm chúng sinh phân biệt

đang tác quái. Cho nên tự tánh vốn không, tức cũng là thật tướng của các pháp. Song, nếu nói như thế thì có những người chẳng minh bạch ! Gì cũng đều chẳng có, vậy tôi chẳng phải là không chẳng ? Gì cũng đều chẳng có mới là thật có. Nếu chẳng có quái ngại, chẳng chấp trước, thì tất cả sơn hà đại địa, cho đến sâm la vạn tượng, chẳng có một vật nào mà chẳng bao hàm ở trong tự tánh của bạn. Nhưng nếu còn tồn tại một tơ hào chấp trước quái ngại, thì không thể thừa thọ pháp vi diệu thù thắng này, bằng không bạn sẽ là một pháp tài vĩ sĩ, tận hư không biến pháp giới đều bao hàm ở trong tự tánh. Cho nên ngộ triệt bản lai thể, một thông tất cả đều thông, ba thân, bốn trí, năm nhãn, sáu thông, đều là của báu trong nhà vốn có, hà tất tìm cầu bên ngoài ? Do đó, hiện tại tôi nói pháp mà chẳng có một pháp để nói, mà bạn cũng chẳng có một pháp để nghe, đó mới là Bát Nhã diệu huệ chân chánh !

Lại thấy có Phật tử, con của đấng Pháp Vương, tâm nơi các duyên mà chẳng chấp trước, cho nên trí huệ và tự tánh quang minh hiển hiện. Nếu chẳng buông xả được bất cứ vật gì, xả bỏ chẳng sạch, thì đừng nói đến thành Phật, dù diệu huệ cũng chẳng có. Do đó, người tu hành chân chính, nhất là đệ tử xuất gia, nên đừng chấp trước vào bất cứ vật gì, tức là:

"Lạnh chết chẳng van xin,
Đói chết chẳng cầu xin,
Nghèo chết chẳng cầu cạnh,
Tùy duyên chẳng thay đổi,
Chẳng thay đổi mà tùy duyên,
Xả thân làm Phật sự,
Tạo mạng làm việc chánh,
Nuôi mạng chân chánh, làm việc Tăng,
Thấu việc rõ lý, rõ lý thấu việc".

Dùng Bát Nhã diệu huệ này hoằng pháp lợi sinh, thấp nổi đèn sáng Phật pháp, dùng để cho mạng pháp tồn tại, chỉ để cho chánh pháp tồn tại lâu dài, bằng không thì người xuất gia chỉ làm những chuyện viển vông mà chẳng tu hành, chẳng làm việc Tăng, hoặc thân tâm nhiễm trước công danh lợi dưỡng. Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói rằng : "Thế nào là kẻ tặc, là kẻ giả y phục của ta, làm bại hoại Như Lai, tạo ra đủ thứ nghiệp, đều nói lời Phật pháp, mà chẳng phải xuất gia, đầy đủ giới Tỳ Kheo, mà vì đạo tiểu thừa, là do nghi

ngờ làm lẫn, vô lượng chúng sinh, đọa vào ngục vô gián." Người xuất gia nếu chẳng tinh tấn tu tập thiền định, tụng kinh trì chú, giữ gìn giới luật, mà y lại Phật ăn cơm mặc áo, tất sẽ đọa vào tam đồ. Người xưa nói rằng :

"Hột gạo thí chủ cho,
Nặng như núi Tu Di,
Ăn xong chẳng tu đạo,
Mang sừng đội lông trả."

Những người tu hành phải quý trọng giới luật. Trong Kinh Phạm Võng nói rằng : "Nếu Phật tử tín tâm xuất gia, thọ chánh giới của Phật, nếu khởi tâm phạm giới, thì không được thọ tất cả sự cúng dường của tín thí, cũng chẳng được đi trên đất của quốc vương, chẳng được uống nước của quốc vương, năm ngàn đại quý thường che ở trước họ, nói là đại tặc. Nếu vào trong phòng xá thành ấp, thì quý lại quét dấu chân của họ, tất cả người thế tục đều mắng rằng : "Tặc ở trong Phật pháp !" Tất cả chúng sinh đều chẳng muốn nhìn. Người phạm giới giống như súc sinh chẳng khác, như khúc gỗ chẳng khác. Nếu người cố ý phạm giới thì phạm khinh cấu tội." Đoạn văn này nói về giới này, đủ mượn làm gương cho chúng ta.

Tông chỉ của tôi lập ra là: Dù rét chết chẳng van xin, dù đói chết chẳng cầu xin, dù nghèo chết chẳng cầu cạnh. Cho nên năm đầu tiên tôi đến Hương Cảng do Quách Khoang Bồ giới thiệu ở trong động Quan Âm núi Phù Dung. Ở trong đó ngoài bốn vách tường ra chẳng có cái gì hết, mà còn rất ẩm ướt, tôi ngồi thiền ở trên mặt tấm đá bằng trơn. Ba ngày sau, đôi chân bắt đầu tê dại, khó chịu đựng vô cùng, tưởng đâu sẽ thối tâm, nhưng nghĩ lại, thà tu hành mà chết, chứ chẳng trộm đồ của họ mà sống, hưởng gì họ có ý tốt giới thiệu, sao lại bỏ dở giữa chừng ? Do đó, nán ở lại nửa tháng nữa, đôi chân đã khôi phục lại bình thường. Mỗi ngày đều xuống núi, đến Trúc Lâm Thiên Tự khất thực. Vì trong động đá quá ẩm ướt, trở ngại cho sự tu hành, một năm sau tôi làm túp lều tranh nhỏ ở ngoài động, khiến cho vị sư ở gần đó ganh ghét. Ông ta cứ bóp méo sự thật, nói tôi có sức làm lều tranh, thì cũng có sức lo việc ăn uống, do đó ông ta xúi giục vị trụ trì Trúc Lâm Thiên Tự, dùng cho tôi thức ăn nữa. Chẳng có cơm ăn càng tốt ! Tôi bế quan dụng công ngồi thiền cả mấy ngày chưa cảm thấy đói, thì có nữ cư sĩ Quỳnh Khoang

Thắng, vì chân của bà ta bị chó dữ cắn bị thương, đã lâu mà chẳng lành, thuốc men đã hết cách, cầu đảo cũng chẳng linh. Trong lúc bàng hoàng lo lắng cả mấy ngày, thì một đêm nọ bà nằm mộng thấy Bồ Tát Vi Đà nói với bà rằng: "Nếu muốn hết bệnh, thì hãy cúng dường vị pháp sư An Từ ở tại động Quan Âm, và hiện tướng mạo ra cho bà ta thấy". Bà ta hoan hỉ vô cùng, bèn chuẩn bị đồ cúng dường mang đến động Quan Âm. Ai biết vị sư ở gần đó thấy trai chủ họ đến, thì đi trước ra nghinh tiếp và tự xưng là trụ trì, muốn đồ vật của thí chủ. Nhưng bà Quỳnh Khoang Thắng nói chẳng phải là người mà bà ta gặp ở trong mộng, kiên quyết không cho. Do đó, hai người khởi sự tranh chấp ồn ào. Tôi bèn ra khỏi động tức bà ta thấy tôi, thì lập tức nhận ra và nói: "Vị này mới là pháp sư An Từ", rồi đem toàn bộ thực phẩm đưa cho tôi. Tôi bèn chia ra một nửa đưa cho vị sư kia, song ông ta chẳng vừa lòng, phần nộ nói với bà ta rằng: "Lần sau bà đến đây, thì phải đưa hết thực phẩm cúng dường cho tôi !" Chân của bà Quỳnh Khoang Thắng bỗng nhiên hết bệnh, thì tin tức truyền đi, có rất nhiều trai chủ đến, mỗi lần tôi cũng đều chia một nửa cho vị sư kia, nhưng vẫn chẳng giảm bớt sự ông ta coi tôi như kẻ thù, và phá hoại phỉ báng tôi đủ thứ.

Chẳng bao lâu, tôi dọn đến vùng đất hoang ở hòn đảo Lan Tao, thành lập chùa Tây Lạc Viên rồi, thì bỗng nhiên có mạch nước tự đến, còn tụ thành ao nước, chẳng bao giờ khô cạn. Và nghe nói mạch nước ở động Quan Âm mà tôi đã từng ở qua, đột nhiên khô cạn. Cho nên, rất nhiều người cho rằng đó là chuyện lạ, và còn cho rằng tôi dời mạch nước đó đi.

Người xuất gia nếu chẳng cầu danh văn lợi dưỡng, tùy duyên chẳng đổi, chẳng thay đổi mà tùy duyên, thọ trì giới Phật, thành tựu oai nghi, nghiêm tịnh trì ni, hoàng phạm tam giới, thì tự nhiên trời, rồng, loài người, đều cung kính cúng dường, mười phương chư Phật Bồ Tát đều hộ trì, hoan hỉ tán thán, đó mới là hành vi đại trượng phu đầu đội trời chân đạp đất, chẳng mất bản sắc của Tăng Bảo vậy. (còn tiếp)

Chú lạng nghiêm

giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

73. Bát la bà la xà gia.

Kê : Đại tài Bát Nhã trí huệ quang
Phổ chiếu pháp giới tánh trung vương
Bất động đạo tràng Quán Tự Tại
Tịch diệt vi lạc lộ đường đường.

Tạm dịch :

*Đại tài Bát Nhã trí huệ quang
Chiếu khắp pháp giới tính trung vương
Bất động đạo tràng Quán Tự Tại
Tịch diệt là vui lộ đường đường.*

Giảng giải : Bát La Bà tức là "trí huệ quang minh". Đây là nói "Đại tài Bát Nhã trí huệ quang - Chiếu khắp pháp giới tính trung vương." Tính trung vương tức là bản thể của Phật. "Bất động đạo tràng Quán Tự Tại." Đạo tràng luôn luôn bất động, không động bản tòa mà giáo hóa mười phương rất tự tại. "Tịch diệt là vui lộ đường đường." Phật dùng tịch diệt làm vui, cho nên Kinh Niết Bàn nói :

“ Các hành vô thường,
Là pháp sinh diệt,
Sinh diệt diệt rồi
Tịch diệt là vui.”

Lộ đường đường là lộ ra bản thể tự tánh quang minh.

74. Đa tha già đa gia.

Kê : Xưng tán Như Lai lễ môn nhân
Quảng tu cúng dường biến sát trần
Sám hối nghiệp chướng hằng tinh tấn
Tùy hỷ công đức cánh ân cần.

Tạm dịch :

Khen ngợi Như Lai lễ môn đồ

*Rộng tu cúng dường khắp các cõi
Sám hối nghiệp chướng luôn tinh tấn
Tùy hỷ công đức không giải đãi.*

Giảng giải : Ý nghĩa Đa Tha Già Đa Gia là "đánh lễ hết thầy môn nhân của Phật", tức cũng là đệ tử của Phật. Vậy câu này cũng bao quát bạn, tôi và tất cả hết thầy Phật giáo đồ. "Khen ngợi Như Lai lễ môn đồ." Chúng ta lạy Phật kính Tăng. Tại sao phải cung kính Tam Bảo ? Vì bạn tin Phật thì phải cung kính Phật, cung kính Phật thì phải tu tập Phật pháp, pháp nhờ Tăng truyền, Phật pháp nằm trong tay người xuất gia, người xuất gia nắm đạo lý Phật giáo, do đó phải cung kính Tam Bảo, chúng ta bây giờ là người tin Phật, đều phải xưng tán Như Lai, lễ môn đồ của Như Lai. Xưng tán tức là dùng những ngôn ngữ để tán dương Phật, kính lễ môn đồ của Phật, đệ tử, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni. "Rộng tu cúng dường khắp các cõi." Rộng tu cúng dường là một trong mười đại nguyện vương của Bồ Tát Phổ Hiền. Thế nào gọi là nguyện vương ? Là vua trong các lời nguyện. Rộng tu cúng dường, không phải là cúng dường một vị Phật, hai vị Phật, ba vị Phật, mà là cúng dường tất cả chư Phật, nhiều như số hạt bụi trong pháp giới. Chúng ta đều phải cúng dường, tất cả các đại Bồ Tát và đệ tử của Phật. Rộng tu cúng dường khắp các cõi là khắp hết các phương tận hư không biến pháp giới, đều cúng dường không còn sót. "Sám hối nghiệp chướng luôn tinh tấn." Rộng tu cúng dường rồi lại phải sám hối nghiệp chướng, chúng ta sám hối tội nghiệp và nghiệp chướng đã tạo ra trong quá khứ, thường thường phải tinh tấn, không giải đãi lười biếng. "Tùy hỷ công đức không giải đãi." Phải tùy hỷ hết thầy công đức, tùy hỷ hết thầy công đức là vui vẻ hoan hỷ những việc tốt, thiện, công đức mà người khác làm được, như chính mình làm không khác, không

sinh tâm đố kỵ, không sinh tâm chướng ngại, phải tùy hỷ những công đức mà người khác làm. Tức là tùy hỷ tất cả công đức của chư Phật, tùy hỷ tất cả công đức của các Bồ Tát, tùy hỷ công đức của tất cả chúng sinh. Không giải đãi tức là luôn luôn phải tùy hỷ. Bạn phải y chiếu mười nguyện vương của Bồ Tát Phổ Hiền mà tu hành, thì sớm sẽ thành Phật, y chiếu mười đại nguyện vương tu hành thì không đi sai đường, nhất định là đúng đắn.

75. Nam mô bà già bà đẽ.

Kê :

Cụ nhất thiết trí viên mãn giác
Xuất quang trường thiệt phá mê đảo
Thuyết thành thật ngôn tinh lung quý
Y giáo phụng hành tri đa thiêu.

Tạm dịch :

*Đủ nhất thiết trí giác viên mãn
Hiện lười rộng dài phá mê tối
Nói lời thành thật tinh mù điếc
Y giáo phụng hành biết bao nhiêu.*

Giải thích : Nam Mô Bà Già Bà Đẽ vẫn ý nghĩa là "Bạt Già Phạm". Bất Già Phạm là một danh từ riêng của Phật, đầy đủ tất cả trí huệ, đặc được đại giác viên mãn, giác hạnh viên mãn. Tu hành cũng tu viên mãn, trí huệ cũng viên mãn, phước báu cũng viên mãn, hết thầy hết thầy đều viên mãn. "Hiện lười rộng dài phá mê tối." Ngài luôn luôn dùng lười rộng dài phá tất cả điên đảo chấp trước của chúng sinh. Mê tối của chúng sinh không dễ gì phá. Thần thông của chư Phật, Bồ Tát lớn như thế, muốn phá mê tối của chúng sinh, có lúc cũng rất khó. "Nói lời thành thật tinh mù điếc." Những gì nói ra đều là lời thành thật. Chúng ta giống như kẻ điếc, gì cũng không hiểu, hồ đồ trong sự hồ đồ. "Y giáo phụng hành biết bao nhiêu." Phật từ bi giáo hóa chúng sinh, nhưng chân chánh hiểu biết, y Phật phụng hành có được bao nhiêu ? Mê thì nhiều, giác ngộ thì ít, nghe thì nhiều, hành thì ít. Người nghe Phật pháp thì nhiều, nhưng người tu thì ít. Giống như các bạn học Phật pháp tại đây, học đi học lại vẫn điên đảo như thế, vẫn vô tri thức, vẫn gây chuyện thị phi, khêu chọc ly gián, tà tri tà kiến một chút

cũng không hiểu. Như vậy thì bạn biết đạo Phật giáo hóa chúng sinh cũng là như thế, không dễ gì giáo hóa, thật y giáo phụng hành rất ít lại ít. Cho nên các bạn từ điểm này có thể hiểu nhân loại không dễ gì giáo hóa. Bạn dạy họ đi đường tà, thì họ rất thích đi, bạn dạy họ đi trên con đường chánh, thì họ hoài nghi điều này, hoài nghi điều kia, có thật hay chẳng. Ví như nói giả dối, khi bạn nói thì họ tin, còn nói thật thì dù bạn nói thế nào họ cũng không tin, còn người thường là như thế, là một loài động vật kỳ quái, nhưng qua rồi họ lại hối hận, biết mình sai, thật là đáng thương xót. Chúng ta nghe Phật pháp phải cung hành thực tiễn, phải theo con đường chánh mà làm, như thế mới có lợi ích. Bây giờ nói về hai vị tam bộ nhất bái có thể nói là rất khó được, nhưng bạn phải nghiên cứu tử tế, hai vị đó thô cảm tuy nhiên đã đoạn, nhưng tế cảm vẫn còn, trần sa hoặc không dễ gì thu thập sạch sẽ được, cho nên tu hành chẳng phải lười thôi mà tu thành được, phải nhận chân tu hành mới có thể thành tựu.

(còn tiếp)

cảnh giới của Phật

Trong Kinh Tứ Thập Lục có nói: Cảnh giới của Phật có mười thứ :

- 1). Tất cả chư Phật ngồi kiết già đầy khắp mười phương vô lượng thế giới.
- 2). Tất cả chư Phật nói một câu nghĩa, đều khai thị tất cả Phật pháp.
- 3). Phóng một luồng quang minh đều chiếu khắp tất cả thế giới.
- 4). Trong một thân đều thị hiện tất cả thân.
- 5). Ở trong một nơi mà thị hiện tất cả thế giới.
- 6). Ở trong một trí mà thấu rõ tất cả các pháp chẳng có quái ngại.
- 7). Ở trong một niệm mà đến khắp mười phương thế giới.
- 8). Ở trong một niệm mà hiện vô lượng oai đức của Như Lai.
- 9). Ở trong một niệm mà duyên khắp Phật ba đời và tâm chúng sinh chẳng tạp loạn.
- 10). Ở trong một niệm đến đi khiến tất cả chư Phật thể đồng không hai. Đó là cảnh giới của Phật.

Kinh bát nhã

Hoà Thượng Tuyên Hoá lược giảng
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

Chư vị biết mặc đồ, ăn uống, ngủ nghỉ, sao chẳng biết không? Nếu chư vị hiểu rõ sắc thân này được hình thành như thế nào thì chư vị sẽ hiểu rõ tánh không của nó. Vì vậy nên giảng về chân không tích pháp, cũng là pháp phân tích. Thân này là tổng tướng của sắc. Đất nước gió lửa là biệt tướng (tướng riêng) của sắc. Thân thể của chúng ta do đất nước gió lửa hợp thành. Xương cốt thịt thà chính là đất. Nước mắt, nước mũi, máu, tiểu tiện, mồ hôi, là nước. Thân thể được ấm áp là nhờ có lửa. Vận động hô hấp nhờ thân thể có gió. Bốn đại hòa hợp thì thân thể còn. Chúng phân tán thì thân thể mất. Đất trở về đất đá. Nước trở về nước. Gió trở về gió. Lửa trở về lửa. Mỗi đại đều trở về cội gốc, nên không thật có. Vì thế, mọi người chấp trước vào thân thể, tự cho là có, thật là sai lầm. Sao thân thể không phải là mình? Thân thể không phải là mình. Mình là gì? Có thể giữ gìn thân thể, có thể thấy, nghe, ngửi, biết, nhận thức bằng tri giác. Tri giác này cũng là mình. Thân thể là gì? "Thân thể chính là mình, mình là thân thể".

Không thể cho rằng thân thể chính là mình được, vì thân thể chỉ giống như nhà ở. Chư vị không thể cho rằng nhà mình ở chính là mình. Chư vị gọi nhà ở chính là mình thì sợ rằng người ngoài cười cho. Nhưng nói thân thể chính là mình thì không ai cười cả. Sao không ai cười chư vị? Vì ai cũng cho rằng thân thể chính là mình, tức là chấp nhà ở chính là mình. Thấy, nghe, ngửi, nếm, giác, biết đều là Phật tánh. Phật tánh cũng chính là tự tánh của chư vị. Thân thể bất quá chỉ do nhân duyên hòa hợp. Nhân duyên ly biệt thì thân thể phân tán. Thế nên, chư vị đừng cho rằng thân thể chính là mình. Mình ở trong nhà, những việc bên ngoài không thể biết. Thế nên đừng chấp trước nhà ở chính là mình.

Bàn về sắc, chư vị hãy phân tích rõ, nó cũng là không. Do từ không mà biến thành sắc pháp. Đất nước gió lửa hợp thành thân thể mà có người lại nói rằng thượng đế tạo ra người. Dùng gì để tạo ra? Cũng dùng đất nước gió lửa mà tạo thành. Chúng ta cũng có thể dùng một chút đất, nước, gió, lửa để tạo ra thân người. Ai ai cũng đều tạo ra người khác được. Con người do nhân duyên hòa hợp tạo thành. Nhân duyên ly biệt thì thân thể phân tán. Thế nên đừng gọi thân thể là mình.



Thọ Bát Quan Trai là gieo duyên xuất gia

Sắc tức là không. Chư vị nếu hiểu rõ sắc tức là không thì không chấp trước thân thể là mình. Tất cả vật dụng thuộc về mình, mình đều bảo tồn, phụ trợ. Đó là làm nô lệ cho thân mình. Tâm của chư vị chính là tánh tri giác. Chư vị phải hiểu rõ thân thể là sắc pháp, là giả hợp, đừng nên chấp trước. Nếu không chấp trước thân thể tức là phá được sắc uẩn. Khi phá được sắc uẩn rồi thì nó biến thành không.

Thọ nạp như thế. Thọ uẩn cũng giống như sắc uẩn, là không thật có.

"Vọng tưởng quyện lưu hạnh nghiệp an bài, (vọng tưởng chuyển lưu, nghiệp an bài)".

Vọng tưởng là tưởng uẩn. Quyện lưu tức là hành uẩn. Hành nghiệp an bài là hành uẩn được an bài cùng hành nghiệp.

"Thức nãi liễu biệt ngũ âm cụ, (thức cũng liễu biệt đủ năm âm)".

Liễu biệt là thức uẩn. Phân biệt đầy đủ năm âm. Năm âm là sắc thọ tưởng hành thức.

"Cảnh hoa thủy nguyệt liễu trần ai, (hoa gương trăng nước tụyệt bụi trần)".

Năm âm: Sắc, thọ, tướng, hành, thức, giống như hoa hiện trong gương, như trăng hiện trên mặt nước. Tuyệt bụi trần tức là không còn một vết ô nhiễm bụi trần. Nói lên ý nghĩa là năm uẩn đều không.

"Không khi bắt không minh đại dụng, (không mà chẳng không rõ đại dụng)".

Chư vị phải hiểu rõ năm uẩn đều không. Lúc không hiểu rõ năm uẩn là không thì có nhiều phiền não, vọng tưởng. Hiểu rõ được thì chuyển thức thành trí. Khi ấy đắc đại diệu dụng phi thường. Hiểu rõ diệu dụng này tức thấy mà như chưa thấy thì an lạc sung sướng.

"Kiến do vị kiến lạc khoái tai, (thấy như chưa thấy, vui vô vẩn)".

Nơi chân không xuất sanh ra diệu hữu, cùng đại dụng. Khi ấy chư vị thấy rõ mà cũng đồng như chưa thấy. Không bị cảnh giới chuyển. Có thể, chư vị mới đắc được an lạc chân chánh. Vì vậy nói rằng vui vẻ vô vẩn.

Độ nhất thiết khổ ách, (vượt tất cả khổ ách).

"Độ qua khổ ải xuất luân hồi
Vũ tế thanh tịnh nguyệt chánh huy
Khôn nguyên đạo thể nhân trung thánh
Bất hoại kim khu thể thượng hy
Thoát sanh hà thuận thiên niên lạc
Chứng diệt khởi thị vạn kiếp kỳ
Nhị tử vĩnh vong ngũ trụ tận
Tiêu diêu pháp giới nhập đồng tây

Dịch:

*Vượt qua cửa khổ thoát luân hồi
Mưa tịnh trời trong trăng sáng hiện
Cần nguyên thể đạo thánh giữa người
Vàng chẳng hoại diệt thể gian hiểm
Thoát sanh từ cần chi thuốc tiên
Chứng diệt đợi chi muôn kỳ kiếp
Hai chết mất hẳn năm trụ tận
Đạo chơi pháp giới khắp đồng tây".*

Vượt qua tất cả khổ ách. Độ tức là độ thoát. Tất cả là bao quát hết mọi khổ ách. Khổ thật khó thọ nhận, mà lại gia tăng thêm cái ách nữa thì thật rất khó lãnh thọ.

Độ, sao gọi là độ? Độ thoát, sao gọi là độ thoát? Tức là xa khổ đau đắc được an lạc, nên gọi là độ thoát, cũng là giải thoát. Tại sao không gọi là giải thoát tất cả khổ ách, mà là độ thoát tất cả khổ ách? Vì tiếp theo câu trên "Soi thấy năm uẩn đều không", mà nói. Ý nói là độ cho những người tu hành. Chư vị tuy thấy năm uẩn đều không nhưng

phải tu hành. Tu hành mới độ thoát được tất cả khổ ách. Nếu chư vị không tu hành mà chỉ đơn giản thấy năm uẩn là không thì có dụng ích chi? Soi thấy chúng đều không thì mới biết rõ tánh không, hay giác ngộ chúng là không, nhưng phải nên tu hành. Vì vậy, tuy đốn ngộ lý mà sự thì phải tiệm tu (tu dần dần). Hiểu rõ lý rồi thì phải tu hành mới độ thoát được tất cả khổ ách. Nếu chỉ biết chúng là không mà chẳng chịu tu hành thì cái không đó chẳng có ích lợi gì. Vì thế, chư vị phải nên tu hành, thật tiến tu hành. Độ cũng là cung hành thật tiến, thật thật tại tại tu hành, thật thật tại tại mà làm. Không nên dùng khẩu đầu thiền, nói khai ngộ, đắc được A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Đã khai ngộ. Vậy khai ngộ gì, đắc được gì? Chứng đắc a nậu đa la tam miệu tam bồ đề như thế nào? Nói thì rất dễ mà hành thì rất khó. Nói là pháp, mà hành là đạo. Thế nên, chư vị nói được thì phải hành được. Hiểu rõ chúng là không thì phải tu. Dùng cái không mà tu cái có. Dùng chân không mà tu diệu hữu.

Độ thoát tất cả khổ ách. Tất cả khổ ách là không phải một việc khổ mà nói bao quát hết mọi khổ ách. Khổ tựu chung có ba loại khổ, tám khổ, vô lượng khổ. Ba loại khổ là khổ khổ, hoại khổ, hành khổ. Lại gọi ba thọ tức thọ khổ, thọ lạc, thọ không khổ không lạc, cũng là khổ thọ, lạc thọ, không khổ không lạc thọ. Sao gọi là thọ? Thọ nghĩa là tiếp thọ. Tiếp thọ khổ, lạc, và không khổ không lạc. Khổ khổ tức là khổ thọ. Hoại khổ tức là lạc thọ. Đừng cho rằng hưởng lạc mà không có khổ trong đó. Trong an lạc có hoại. Hoại rồi thì có hoại khổ. Không khổ không lạc gọi là hành khổ.

Tám khổ là gì? Tức là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, thương mà xa lìa khổ, oán ghét mà gần nhau khổ, cầu mà không được khổ, năm ấm hầy hùng khổ. Ai mà không được cha mẹ sanh ra? Có sanh tức có khổ vì sanh. Ai không già yếu. Có người nói rằng trẻ thơ chưa già mà chết. Tuy chưa già nhưng vốn chưa có tri giác. Trẻ em chưa già nhưng vẫn có khổ vì bệnh, khổ vì chết, cũng gọi là khổ vì già. Sao bảo trẻ em khổ vì già? Ngày em bé chết chính là ngày em đã già. Nếu không già thì sao lại chết. Chư vị bảo trẻ em cũng biến thành già sao? Vì em chết nên cũng gọi là già. Vì thọ mạng của em không được dài lâu. Thời gian từ sanh đến chết rất ngắn ngủi. Khi chết cũng là đã già rồi. Nếu không già thì sao lại chết? Thế nên, không thể thoát khỏi khổ vì già. (còn tiếp)

Đại trí độ luận

Tác giả : Bồ Tát Long Thọ

Việt dịch : Hoà thượng Thích Trung Quán

Tiếp theo kỳ trước

Hỏi : Với từ bi lực, vậy trong tất cả chúng sinh nên đấng niệm, chẳng nên đấng quán là sao ? Bồ Tát hành thực đạo, không điên đảo, như pháp tướng; tại sao người lành, người không lành, người đại nhân, tiểu nhân và súc sinh đều coi bằng như một? Trong người bất thiện thực có tướng bất thiện, trong người lành thực có tướng lành; đại nhân, tiểu nhân, người và súc sinh cũng thế! Như tướng trâu thì trụ ở trong con trâu, tướng ngựa thì trụ ở trong con ngựa; tướng trâu không ở trong con ngựa, tướng ngựa không ở trong trâu; Ngựa không làm trâu, chúng sinh mỗi mỗi đều có tướng riêng, làm sao xem bằng như một, mà không đọa vào điên đảo ?

Đáp : Nếu tướng thiện, bất thực là thực thì Bồ Tát đọa điên đảo. Tại sao ? Phá các pháp vậy. Bởi các pháp chẳng thực có tướng thiện, bất thiện, tướng nhiều, tướng ít, chẳng phải người, chẳng phải súc sinh, chẳng một, chẳng phải khác. Cho nên câu vấn hỏi chẳng phải. Như kệ nói các tướng của sự vật (pháp):

Chẳng sinh, chẳng diệt,
Chẳng đoạn, chẳng thường,
Chẳng một, chẳng khác,
Chẳng đi, chẳng lại,
Nhân duyên sinh pháp.
Khéo diệt hý luận,
Phật hay nói thế.
Nay con kính lễ.

Lại nữa, với tất cả chúng sinh không chấp trước hết thấy tướng, tướng chúng sinh, tướng không, tất cả không khác. Quán như thế chỉ thấy chúng sinh mà tâm chẳng không ngại thì nhập thẳng bất thoái, gọi là được đấng nhãn. Bậc đấng nhãn Bồ Tát với tất cả chúng sinh không sân, không não, như mẹ từ yêu con; như kệ nói:

Quán thanh như tiếng vang,
Thân hành như bóng gương,
Như thế được quán người,
Làm sao mà không nhãn?

Ây gọi là chúng sinh đấng nhãn.

Thế nào gọi là pháp đấng nhãn?

Pháp thiện, bất thiện, hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi .v.v... đều vào pháp môn không hai (không có đối đãi), vào pháp môn thực tướng. Vào xong, vào sâu thực tướng của các pháp, tâm nhãn vào thẳng không cãi, không ngại, gọi là pháp đấng nhãn, như kệ nói:

Các pháp không sinh không diệt,
Chẳng phải chẳng sinh, chẳng phải chẳng sinh
diệt,
Cũng chẳng sinh diệt, chẳng phải chẳng sinh diệt,
Cũng chẳng phải chẳng sinh diệt, chẳng chẳng
phải chẳng sinh diệt.

Đã được giải thoát, không, chẳng phải không, ấy là xả hết, diệt các hý luận, lời nói năng dứt, vào sâu Phật-pháp, tâm thông vô ngại, không động, không lùi, gọi là vô sinh nhãn; ấy là cửa sơ khởi trợ Phật đạo, nên nói đã được đấng nhãn.

KINH: Đắc vô ngại đà la ni.

LUẬN :

Tại sao có phiền não ? Vì có sự chấp trước.

Chấp trước nhiều thì phiền não nhiều.

Chấp trước ít thì phiền não ít.

Không còn chấp trước, thì không còn phiền não !

Hỏi:
Trước đã nói các Bồ Tát được đà la ni, nay sau lại nói được vô ngại

đà la ni ?

Đáp: Vô ngại đà la ni là lớn nhất như trong các tam muội thì tam muội vương là lớn nhất, như vua trong loài người, như vô ngại giải thoát trong các giải thoát. Lại nữa trước nói đà la ni của các Bồ Tát được mà không nói đà la ni gì; có tiểu đà la ni, chuyển luân thánh vương và các tiên nhân được; văn trì đà la ni, phân biệt chúng sinh đà la ni, quy mệnh cứu hộ bất xả đà la ni, .v.v... như thế tiểu đà la ni, người khác cũng có. Ngoại đạo, Thanh Văn, Bích chi Phật, tân học Bồ Tát đều

không thể đắc vô ngại đà la ni, chỉ có bậc Bồ Tát có vô lượng phúc đức, trí tuệ, đại lực mới có. Thế nên nói riêng.

Lại nữa, các Bồ Tát ấy tự lợi đã đầy đủ, những muốn ích lợi cho người thuyết pháp giáo hóa vô tận lấy vô ngại đà la ni làm căn bản.

KINH : Tất thị ngũ thông.

LUẬN.

Như ý : Thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm trí, tự biết túc mệnh.

Thế nào là như ý ? Như ý thông có ba chủng : hay đến, chuyển biến và thánh như ý. « Hay đến » có bốn thứ :

1. Thân hay phi hành như chim vô ngại.
2. Rời xa lại gần, không đi mà đến.
3. Lặn nơi này, ra nơi kia.
4. Một niệm thì đến.

« Chuyển biến » : Lớn có thể làm thành nhỏ, nhỏ có thể làm thành lớn; một có thể làm ra nhiều, nhiều có thể làm thành một; hết thấy các vật đều có thể chuyển biến. Ngoại đạo chứng chuyển biến, cực lâu chẳng qua bảy ngày. Chư Phật và đệ tử chuyển biến tự tại không có lâu gần. « Thánh như ý » : Với sáu trần ở ngoài không yêu đắm; với vật bất tịnh có thể quán khiến cho thanh tịnh; với vật thanh tịnh đáng yêu có thể quán thành bất tịnh. Pháp thánh như ý này duy chỉ một mình Phật có.

Như ý thông từ tứ-như-ý-túc sinh ra, duyên sắc nên tuân tự sinh chẳng thể được ngay một lúc.

Thiên nhãn thông. Với con mắt được sắc giới, tự đại tạo sắc thanh tịnh nên gọi là thiên nhãn. Thiên nhãn coi thấy chúng sinh, và các vật từ đất cho đến dưới đất, trong sáu nẻo hoặc gần hoặc xa, hoặc thô hoặc tế, hề có sắc không chỗ nào không thấy. Thiên nhãn có hai thứ : Do quả báo và do tu mà được. Trong năm thần thông, thiên nhãn do tu mà được không phải do báo mà được, vì thường ức niệm hết thấy quang minh mà có. Có người nói : Các vị Bồ Tát được lực vô sinh pháp nhẫn, trong sáu thông không nhiếp vì giáo hóa chúng sinh lấy pháp thân hiện ở trong mười phương ba cõi; Bồ Tát nếu chưa được pháp thân, thì hoặc tu mà được, hoặc do báo mà được.

Hỏi : Công đức của các Bồ Tát hay hơn A la hán, Bích chi Phật, sao lại ca ngợi thiên nhãn của hàng phàm phu ít công đức, mà không ca ngợi tuệ nhãn của bậc Bồ Tát ?

Đáp : Có ba thứ thiên : Giả hiệu thiên, sinh thiên và thanh tịnh thiên. Chuyển luân thánh vương và các vua chư hầu là giả hiệu thiên; Sinh từ cõi trời Tứ Thiên Vương đến cõi trời Hữu Đỉnh là sinh thiên; Chư Phật, pháp thân Bồ Tát, Bích chi Phật, A la hán là thanh tịnh thiên. Thanh tịnh thiên tu mà được thiên nhãn, ấy là thiên nhãn thông. Phật, pháp thân Bồ Tát là thanh tịnh thiên nhãn; tất cả ly dục ngũ thông phàm phu thì không được; Thanh Văn, Bích chi Phật cũng không được. Tại sao ? Tiểu A la hán ít dụng tâm, thấy nhất thiên thế giới thì đại dụng tâm, thấy nhị thiên thế giới thì đại A la hán tiểu dụng tâm. Tương tự, thấy nhị thiên thế giới thì đại dụng tâm, thấy tam thiên đại thiên thế giới bậc Bích chi Phật cũng như vậy. Ấy gọi là thiên nhãn thông.

Thiên nhĩ thông. Ở cõi sắc, do tứ đại tạo thành, tịnh sắc có thể nghe được tất cả các thứ tiếng : Tiếng trời, tiếng người, tiếng ở ba đường ác. Thiên nhĩ thông do tu mà được, là do thường ức niệm hết thấy tiếng ấy.

Thế nào là biết túc mạng thông ?

Vốn việc thường ức niệm : Ngày tháng năm cho đến trong bào thai, cả đến trong đời quá khứ, một đời, mười đời, trăm đời, ngàn vạn ức đời. Đại A la hán, Bích chi Phật biết được đến tám vạn đại kiếp; chư đại Bồ Tát và Phật biết vô lượng kiếp.

Thế nào là trí tha tâm thông ?

Biết tâm người, ô nhiễm hay không, tự quán tâm sinh, trụ, diệt, thường ức niệm nên được. Lại nữa, quán người ta, tướng vui, tướng giận, tướng sợ, tướng hãi. Thấy tướng ấy rồi sau đó biết tâm, gọi là cửa đầu tiên có trí biết tâm người khác (tha tâm trí)

KINH. Nói tắt tin nhận.

LUẬN. Trời, người, rồng, A tu la .v.v... và tất cả đại nhân đều tin nhận lời ấy là báo không nói đơm đặt. Các ý ngữ báo tuy có lời nói thực, song tất cả mọi người không tin nhận, như kệ nói :

Có đọa trong ngã quý
Lửa nóng từ miệng ra
Bón bẻ phát tiếng lớn
Ấy là báo miệng lỗi!
Tuy có nhiều kiến văn
Ở giữa chúng nói pháp
Bởi nghiệp chẳng thành tín
Người đều không tin nhận.
Nếu muốn rộng học nhiều
Làm người ta tin nhận
Tất phải nên chí thành
Không nên nói đơm đặt.

(còn tiếp)

pháp ngữ của thiền sư Hư Vân

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

VI. Khai thị tại chùa Từ Vân ở Trùng Khánh vào ngày mười chín tháng giêng, năm 1943

Chư Bồ Tát! Trong pháp hội này, Hư Vân tôi thật không biết tự lượng sức mình, lại không biết quý vị lên chánh điện, đến tổ đường, làm việc Phật sự, khổ nhọc muôn phần. Tối đến, lại thỉnh quý vị ra niệm Phật, nghe khai thị. Tôi có thật cản trở sự tu hành của quý vị không? Trong lòng tôi còn vài việc, chưa thổ lộ được. Có một số cư sĩ tại pháp hội này, muốn nghe khai thị. Chư Phật và chư Bồ Tát khó làm mãn nguyện chúng sanh.

Tối hôm qua, tôi đã nói về sự khác biệt giữa bái sám và hành Phật thất, nhưng chưa bàn về những điểm then chốt. Quý cư sĩ đó phát tâm thật khó ai bì được. Hiện tại, tôi không phải là Hư Vân mà trở thành Hư Danh; thật tình thổ lộ không ra lời. Tôi đã từng nói với thầy trụ trì rằng kỳ pháp hội này, quý vị thọ khổ rất nhiều. Ngày ngày,

ai ai cũng tự tu đạo và tạo công đức, như dự các tịnh thất và làm công quả, nên không có thời gian nghỉ ngơi. Nơi ngôi chùa này, không có một mảnh ruộng, miếngगी. Nếu không làm Phật sự thì không thể thành công. Tuy nhiên, nếu làm Phật sự thì không thể dụng công, đã Thiền thất. Vì Phật sự quá bận rộn, nên đến tối mới làm lễ Phóng Diệm Khẩu tại đại điện. Thế nên, tại nơi đây tôi thiết phương tiện giảng kinh thuyết pháp trong ban ngày, để quý vị cư sĩ có thể băng sông, trở về nhà sớm. Trên đàn sám có bốn mươi chín người bái sám. Họ không thể dừng lại nửa chừng để nghỉ ngơi, mà phải cần có người khác đến luân

phiên. Thường trụ lại quá bận rộn, nên hai mươi bốn người không thể xuống đàn.

Bàn về chữ khai thị. Khai tức là khai khái. Thị nghĩa là biểu thị, tức giảng giải việc thiện ác của con người, cùng khai mở bốn lai diện mục của mọi người. Tuy nhiên, sắc tướng vốn không có tướng lớn nhỏ, vuông tròn, phạm thánh, nam nữ, v.v... Phạm tất cả tướng đều là hư vọng. Nếu thấy tướng mà không phải tướng, tức là thấy Như Lai. Đẹp hết tình phạm, thật không có giải thoát của chư thánh. Người học đạo phải chân thật, chớ treo đầu dê mà bán thịt chó. Phải tự tâm cầu bên trong, chớ tìm tòi bên ngoài. Lời nói không có nghĩa chân thật, đều giả dối. Hành trì mới là chân thật. Nếu được như thế thì triển chuyển đây chuyển, từ một người đến nhiều người, từ một nhà đến một quốc gia, từ một quốc gia đến nhiều quốc gia, toàn thế giới không cần trị mà an.

Không luận tu học pháp môn nào, phải lấy việc trì giới làm căn bản. Nếu không trì giới mà trí huệ lại tinh xảo, thì tất cả việc làm đều là việc ma. Hai mươi lăm pháp môn trong kinh Lăng Nghiêm đều có thể tu chứng viên thông. Vì vậy bảo rằng

phương tiện thì nhiều pháp môn, nhưng quy về cội nguồn thì không hai.

Tự mình chọn lấy một pháp môn làm chánh hạnh, còn những hạnh khác thì chỉ làm phụ. Phải tu cả hai phước và huệ. Nếu chỉ tu phước thì sẽ hưởng phước hữu lậu ở cõi trời người.



Trong Chánh Điện Chùa Kim Quang mới.

Nếu chỉ lo tu trí huệ thì sẽ thành trí huệ

khô khan. Tu hành mà không đoạn trừ tâm giết hại, đời sau nếu không làm thành hoàng thì sẽ làm thổ địa. Tôi thấy rất nhiều người, nửa ăn chay nửa ăn mặn. Tu học Mật tông lại ăn thịt. Thật rất đau lòng vì hoàn toàn trái ngược với tâm từ bi. Mạnh Tử nói:

- Nghe âm thanh, không nhẫn ăn thịt của chúng.

Mạnh Tử còn nói như thế, huống hồ gì chúng ta đã là Phật Tử! Cướp giật sanh mạng của loài vật để thỏa lòng mình sao? Miệng chỉ hưởng được chút ít vị ngon, mà tạo vô biên nghiệp ác. Gì là

giữ và gì là xả? Gì là nhẹ và gì là nặng? Tôi thấy không ít các người Thích Tử xuất gia thường ăn thịt. Miệng mồm tôi không được hay, nên mỗi lần thấy những việc như thế thì không thể chẳng nói được. Xin quý vị hãy cố gắng tu hành!

VII. Khai thị tại chùa Kiềm Minh, Quý Dương, vào mồng một tháng hai, năm 1943

Hư Vân tôi lại y theo lời thỉnh mời của thủ tướng chánh phủ cùng quý đại cư sĩ để đến đây giảng thuyết và chủ trì pháp hội Đại Bi Hộ Quốc Tiêu Tai. Vì thời gian có hạn, nên không thể đến các đạo tràng khác bái kiến vấn đáp. Xin hãy niệm tình bỏ qua!

Quý vị đều là các bậc thượng tọa tu hành lâu năm. Đối với Phật pháp đã từng nghiên cứu tu học thâm sâu, đâu cần nghe nhiều lời của tôi. Tuy nhiên, vì quý vị nhất định muốn tôi ra thuyết giảng, nên không thể chẳng nói vài lời.

Hiện tại, các nước trên thế giới đang gây chiến tranh, giết hại lẫn nhau. Nhân dân đang sống trong cảnh dầu sôi lửa bỏng. Vì vậy nói: "Nhân dân không biết nương đâu mà sống".

Nơi đây may mắn có hòa thượng Quảng Diệu đang hoằng dương Phật pháp, độ khắp chúng sanh.

"Một bát cơm ngàn nhà
Thân chơi muôn dặm xa
Chỉ vì việc sinh tử
Giáo hoá độ người qua."

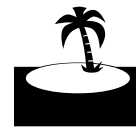
Hôm nay,
Hư Vân
tôi cùng
quý vị
hợp mặt
tại chánh
điện này

thật chẳng phải là nhân duyên ngẫu nhiên. Tuy nhiên, bất quá Hư Vân tôi chỉ lớn tuổi hơn quý vị đôi chút, còn những việc khác thì chẳng hay ho chút nào.

Sau khi thành lập Dân Quốc, chánh phủ vốn đã chấp thuận cho tự do tín ngưỡng. Lời di chúc của Quốc Phụ (Tôn Trung Sơn) đã được ban bố rõ ràng. Nhận thấy những tôn giáo khác như Thiên Chúa giáo, Gia Tô giáo, Hồi Giáo đều được chánh phủ bảo hộ. Tuy nhiên, việc phá chùa đuổi tăng lại xảy ra trong toàn quốc. Bị oan ức, sao chẳng có nơi giải bày? Việc này quý vị hãy suy nghĩ đôi chút. Họ phá chùa đuổi tăng cố nhiên là không đúng. Nhưng vì vật tự thúỉ rửa, nên mới sanh ra trùng. Hiện tại, các Phật tử phần nhiều bỏ bê trách nhiệm, không biết rằng nếu là người Phật

tử thì phải luôn làm Phật sự. Phật sự là gì? Phật sự tức giới định huệ, là việc mà Phật tử phải tu hành. Nếu nhận chân tu trì, thì tự nhiên sẽ biết cách cảm hóa bọn ác ma, chuyển chúng thành những người hộ trì Phật pháp.

Ngày nay, các tăng ni phạm luật pháp thế gian, khiến làm lụy đến chư Phật. Chánh quyền chiếm chùa miếu, đuổi tăng ni. Họ không biết chùa chiền đâu có can hệ chi với những tăng ni bất hảo! Một đảng viên bất hảo, đâu có can hệ gì với toàn đảng. Nếu một tăng ni bất hảo thì đi phá chùa chiền, còn nếu một đảng viên bất hảo thì có nên hủy diệt toàn đảng không? Lý này, tôi hy vọng mọi người đều nên hiểu rõ. Mọi người hãy giúp một tay, lật đổ bọn cát này. Chớ nên bảo người Quý Châu chỉ lo Phật pháp ở Quý Châu. Phải nên biết Phật giáo là một hợp nhất. Mọi người không nên phân biệt oán thù hay thân thuộc, như đất chẳng phân biệt biên cương. Phải nên vì chủ nghĩa đại đồng chân chánh. Phải tự nhớ rằng sanh tử là việc lớn. Từ văn tự tu, nhập tam ma địa. Mọi người phải tự tinh tấn tiến bước. Chớ để một đời trôi qua vô ích. (còn tiếp)



Hư Vân Đại Ni
tự truyện

Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

gày nọ, vào năm mười một tuổi, đang chơi trước sân nhà, Ngài chợt thấy có vài vị tăng hành khát, mặc y trăm mảnh, điếm đạm đi đến từng nhà trong thành khát thực.

"Mô Phật! Xin tiểu thí chủ từ bi bố thí cho tăng nhân hành khát!"

Vì đã từng tới lui chùa viện học hành cùng luôn được bà mẹ hun đúc ý niệm xuất gia, nên đối với tăng sĩ, Ngài có cảm tình đặc biệt. Tuy đáp y phục giống như chư tăng ở các tự viện vùng lân

cận, nhưng trên gương mặt của họ hiện ra những nét khổ hạnh. Thấy họ, Ngài không biết phải xưng hô đối đãi như thế nào, nên chạy thẳng vào nhà báo tin cho bà mẹ biết. Ngài thưa: "Thưa mẹ! Có các lão hòa thượng từ xa, đứng trước nhà mình, không biết họ muốn gì?"

Bà mẹ đáp: "Họ là những vị du tăng, đều có học vấn cao. Để mẹ ra ngoài xem sao."

Thấy bà từ nhà bước ra, các vị du tăng liền để nón xuống bên cạnh gốc cây trước nhà, chào nói: "Mô Phật! Xin nữ thí chủ từ bi bố thí vài chén cơm."

Bà đáp: "Xin thỉnh quý thầy vào nhà."

Nói xong bà liền dẫn họ vào nhà khách, rồi pha trà, cúng dường cơm nước. Ngài đứng bên cạnh xem xét từng cử chỉ của khách tăng, thấy họ chấp tay cung kính tụng niệm một loạt bài kinh, rồi mới dùng cơm. Những cử chỉ hành động thư thả nhẹ nhàng trầm lặng của họ, khiến Ngài rất thích thú. Dùng cơm nước xong, họ cáo từ chuẩn bị tiếp tục lên đường. Ra đến ngoài sân, vị tăng dẫn đầu chấp tay ra dạng cảm ơn. Thấy thế, bà Thái Hồng Thị chột núp sau cánh cửa, quỳ lạy thưa: "Xin thỉnh quý thầy chớ nói lời cảm ơn."

Cử chỉ của bà, đối với khách tăng thật là bình thường, nên họ không còn chấp tay thi lễ, chỉ đi thẳng ra đường lộ. Thấy họ đã đi xa, Ngài ngờ ngờ hỏi bà mẹ: "Thưa mẹ! Tại sao các khách tăng kia quá lạ kỳ? Ăn cơm của nhà mình xong rồi, chẳng thèm cảm ơn, lại đi tuốt mất."

Bà Thái Hồng Thị nghe thế, liền lấy tay bịt miệng Ngài lại, bảo: "Con chẳng biết rằng chư tăng hành khát đến nhà mình hóa duyên, đó là cơ hội tạo phước cho gia đình mình. Nếu vừa rồi mẹ nhận lời cảm ơn của họ thì phước đức sẽ mất hết."

Tuy chẳng hiểu lý lẽ trên, nhưng Ngài vẫn gật đầu. Từ đó, hình ảnh chư tăng hành khát luôn

hiển hiện trong tâm tư của Ngài. Ý tưởng xuất gia làm tăng của Ngài, ngày một mạnh mẽ.

Năm mười hai tuổi, khác với bạn bè đồng lứa chỉ biết đùa giỡn, Ngài đã quyết chí xuất gia. Ngài trở thành một thiếu niên lão thành niệm Phật, khiến cho ông cha ưu sầu. Việc bà vợ thường lễ bái chư Phật, cúng dường chư tăng, ông Thái Ngạn Cao không phản đối. Biết ý con mình muốn làm hòa thượng, ông chỉ cười đùa. Dần dà ông nhận biết ý tưởng xuất gia của con mình ngày một mạnh mẽ qua những cử chỉ hành động, ra dáng làm hòa thượng của Ngài. Càng ngày, Ngài càng làm biếng, trễ nãi học "Tứ Thư", "Ngũ Kinh" cho việc khoa cử. Thấy thế, ông vội đi khắp nơi, định tìm con gái nhà khuê các để gả cho thằng con, hầu mong ngăn chặn ý tưởng xuất gia của nó. Phong tục tập quán của người Tàu là tìm vợ cho con trai sớm chừng nào thì được phước thọ nhiều chừng đó. Vì là gia đình đại phú hộ, cộng thêm danh tiếng thiếu niên hiếu học lão thành, nên việc cầu hôn cho Ngài rất dễ dàng. Tuy nhiên, Ngài tỏ vẻ thái độ kiên quyết khước từ phản đối. Theo quan niệm "tam cương ngũ

thường", "đạo đức nhân luân", Ngài thật bất hiếu với cha mình. Tuy vậy, nhờ sự tán trợ của bà mẹ, cha Ngài phải miễn cưỡng ngưng việc cầu hôn. Biết rõ ý định của người cha muốn cầu hôn cho mình, Ngài luôn luôn lo sợ không ngừng, suy nghĩ tìm cách xuất gia. Xuất thân từ gia đình giàu



Lễ Phật Đản tại Chùa Kim Quang mới

có, Ngài tự định lập chí hướng cao cả, khác hẳn với những kẻ đi tu chỉ vì muốn nương nhờ chùa viện ban cho miếng cơm manh áo. Do nhớ rõ những lời giảng dạy của vị hòa thượng trụ trì thuở xưa, Ngài quyết chí xuất gia làm Tổ, thành Phật. Muốn được toại nguyện, đầu tiên Ngài phải thân cận các vị hòa thượng đạo cao đức trọng. Lần nọ, Ngài hỏi thăm một vị hòa thượng từ Nam Kinh đến, được bảo rằng tại chùa Báo Ân ở Kim Lăng, tức Nam kinh, có một vị hòa thượng đạo cao đức trọng, tên là Tây Lâm. Nghe qua danh tiếng, Ngài tự nhủ thăm rằng hòa thượng Tây Lâm chính là thầy của mình. Tối đến, Ngài trình trọng cầu xin

người cha cho phép đến chùa Báo Ân ở Kim Lăng học hành. Biết rõ ý của con mình là muốn xuất gia chứ chẳng phải vì việc học hành, nên cha Ngài cố tình bỏ lơ, khiến tình cha con ngày một cách xa. Khi ấy, tuy chỉ mười hai tuổi, Ngài đã kiên quyết hướng về cửa Phật, nên phải xung đột trực diện với người cha. Ngài bắt đầu đóng cửa phòng, nhịn ăn, nhịn uống, không nói năng với ai, kiên quyết muốn đạt được mục đích xuất gia. Người trong nhà không biết cố sự gì cả. Để biểu hiện ảnh hưởng quyền thế trong gia đình, mẹ Ngài nói với người cha: "Làm quan hay làm hòa thượng đều do duyên phận. Không nên cưỡng cam ép quýt. Thằng nhỏ nhà mình do Bồ Tát Quán Âm trong mộng bông đến. Biết đâu nó có duyên phận thành Phật. Tuy nuôi con, nhưng phải để cho nó tự lập chí. Ông hãy để cho nó đi Kim Lăng học hành. Cưỡng ép nó ở nhà rồi khiến sanh bệnh, hối hận chẳng kịp."

Cha Ngài chẳng đối đáp được, nên phải đồng ý. Nhờ bà mẹ trợ giúp, tháng mười năm đó, Ngài được toại ý nguyện, đi từ Toàn Tiêu đến Kim Lăng, diện kiến hòa thượng Tây Lâm. Lúc ấy, thuộc đời Minh, triều Gia Thanh thứ ba mươi sáu (1557). (còn tiếp)

"Đạo sinh ra tôi,
Đức nuôi lớn tôi".

Đạo đức là chánh khí của trời đất, là cơ sở tính ưu phẩm nhất của nhân loại, đó là đức tính vốn đầy đủ của mỗi người. Chương thứ nhất trong Đạo Đức Kinh có nói :

"Đạo khả đạo, phi thường đạo,

Danh khả danh, phi thường danh.

Vô danh, thiên địa chi thủy,
Hữu danh vạn vật chi mẫu.

Cố thường vô dục dĩ quán kỳ
diệu,

Thường hữu dục dĩ quán kỳ
triệt.

- Tại sao đau khổ ? Vì kiếp trước đã từng làm cho người khác đau khổ.
Bây giờ không làm cho người khác đau khổ, thì tương lai sẽ hết đau khổ.
- Lấy từ bi thương xót kẻ thù của chính mình, thì vĩnh viễn sẽ chấm dứt đau khổ !

Kỳ lưỡng giả, đồng xuất nhi dị danh đồng vị chi huyền. Huyền chi hựu huyền, chúng diệu chi môn".

Đây là cái diệu vô danh tức là phỏng chiếu theo đạo. Đạo chân chánh không thể gọi là hình trạng, cho nên Thái Thượng Lão Quân lại nói :

"Đại đạo vô hình, sinh dục thiên địa ;

Đại đạo vô tình, vận hành nhật nguyệt ;

Đại đạo vô danh, trưởng dưỡng vạn vật,

Ngô bất tri kỳ danh, cường danh viết đạo".

Mẹ của vạn vật không có pháp để đặt tên, tuy miễn cưỡng gọi là "Đạo", nhưng cũng là bản tính của mọi người, nương vào đây thì có thể tu thành Phật. Cho nên Đức Phật nói :

"Hết thầy chúng sinh,

Đều có Phật tính,

Đều có thể thành Phật".

"Đạo năng sinh ngã,

Đức năng trưởng ngã"

Nghĩa là :

Ý nghĩa đạo đức và thực tiễn

H.T Tuyên Hoá

giảng tại Đàn Hoa Tự Hạ Uy Di ngày 22/07/89

Luân lý tư tưởng đạo đức Trung Quốc, hoàn toàn bao quát ở trong đạo. Cho nên :

Kết cấu chữ "Đạo", phía trên có hai điểm (' ') là chữ người biến thành. Hiền nhân tạo tự, thật là áo diệu. Hai điểm này cũng là âm dương, tức là vô cực sinh thái cực, chiếu âm dương trong thái cực đồ. Trên thân người có hai con mắt, trên trời có nhật nguyệt. Cho nên trong Kinh Dịch có nói :

"Một âm một dương là đạo,

Lệch âm lệch dương là tật".

Đạo thì vô cùng vô tận, ngũ hành bát quái đều do đạo mà diễn biến ra. Gạch kẻ dưới là chữ nhất (一). Gốc là số 0. Số 0 là gốc của vạn hữu. Nó không có số mục, nhưng nó là bản thể của tất cả số mục, không lớn không nhỏ không trong ngoài, tuần hoàn vô đoạn. Bên cạnh số 0 thêm số 1 thì thành 10. 10 thêm số 0 thì thành 100. 100 thêm số 0 thì thành 1000. 1000 thêm số 0 thì thành 10000. Nếu cứ thêm mãi thì vô cùng vô tận. Cho nên :

"Một gốc tán làm vạn thù,
Vạn thù lại quy về một
gốc".

Nếu không thêm nữa thì trở về bản hữu số 0. Tức là một số mục cũng chẳng có. Số 0 này tức là vô cực, từ vô cực sinh thái cực, từ thái cực tiếp tục sinh trời đất vạn vật.

Số 0 này nếu triển khai ra thì thành chữ nhất (一)
. Cho nên :

"Trời được một là thanh,

Đất được một là yên,

Người được một là Thánh".

Làm thế nào để được chữ nhất (一) ?

1. Đầu tiên phải cách vật, từ cách vật mới có thể tu thành nhất (一), lại từ nhất (一) biến trở lại số 0. Số 0 này trong Phật giáo gọi là đại quang minh tạng. Cách vật tức là cách trừ vật dục, như tài sắc danh ăn ngủ nằm dục, đều phải cách trừ, mới có

thể khôi phục linh minh giác tính vốn có, trở về cội nguồn.

2. Chí tri : Vật dục hết sạch thì trí huệ hiện tiền ; có thể xúc loại bàng thông, cũng giống như tắm gương, vật đến thì ứng, vật đi thì lạng.

3. Thành ý : Đối người tiếp vật phải chí kính tồn thành, khẩn thiết thành thực.

4. Chánh tâm : Không tồn tại tà niệm. Cho nên :

"Chánh niệm thì Phật tại nhà,

Tà niệm thì ma tại đường".

Người tu đạo không nên nói cười cầu thả, không nên coi thường cử chỉ hành động, phải giữ ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh, không thể đồng lưu hợp ô.

5. Tu thân : Phải thương tiếc thân thể của mình, tôn trọng nhân cách, từ vua cho đến dân, phải lấy việc tu thân làm gốc.

6. Tề gia : Tu thân rồi mới hòa mục gia đình, thuận nghĩa vợ chồng, cha tử con hiếu, huynh hữu đệ kính.

7. Trị quốc : Gia đình là đơn vị cơ bản của quốc gia, gia đình hòa mục thì tự nhiên quốc thái dân an.

8. Bình thiên hạ : Từ trị quốc rồi mới đến bình thiên hạ. Đây là tám điều mục phân minh, là con đường làm người xử thế phải tu. Nhất định phải tại chỗ này mà hạ thủ công phu, cho nên đừng hướng ngoại truy cầu, phải cung hành thực tiễn.
Cho nên :

"Nghĩ muốn thiên hạ tốt,

Trước phải tự làm gương".

Tôi là một phần tử của nhân loại, tự mình chưa làm tốt, làm sao khiến cho toàn nhân loại đều tốt ? Mọi người đừng giống như máy giặt đồ, chỉ biết giặt đồ cho người khác, trong khi đồ của mình dơ mà chẳng chịu giặt. Cũng đừng giống như máy nhiếp ảnh, ánh sáng chỉ chiếu bên ngoài mà không chiếu được bên trong của chính mình. Đó là máy móc, nhưng con người là thú linh trong vạn vật, phải dung thân làm khuôn phép.

Nhan Hồi hỏi chữ nhân, Khổng Tử đáp : "Khắc kỷ phục lễ là nhân". Khắc kỷ tức là luật kỷ, tức là tâm không còn tà niệm, thân không làm việc tà, miệng không nói lời gạt người. Tất phải luật kỷ, mới có thể phục người. Cho nên "thân chánh trực, không bảo mà làm ; thân bất chánh tuy bảo mà không theo". Phải chánh mình rồi sau mới dạy người, giáo hóa người, giúp người.

"Nhân, nghĩa, lễ, trí, là gốc nơi tâm, từ đó mới sinh ra sắc tướng, mặt mày sáng sủa, vai nở rộng giúp cho tứ thể, tứ thể không nói mà bảo rõ". Nhân nghĩa lễ trí là gốc tự nhiên, thiên tính của con người, bạn phải phát dương từ trong nội tâm thì tự nhiên sẽ hiển lộ thứ quang trạch, đây mới là đức quang phổ chiếu, có duyên với mọi người, tùy thời tùy lúc, tùy hình thái, nghị biểu trong lời nói, tịch mặc động tĩnh đều hiển lộ thứ đức quang này. Cho nên có câu :

*"Hữu đức nhân nhân thân,
Hữu đạo người người kính ;
Đạo cao long hổ phục,
Đức trọng quỷ thần khâm".*

Thứ đức tính này hợp với đức của trời đất, hợp với ánh sáng của mặt trời mặt trăng, hợp thuận với bốn mùa, hợp cát hung của quỷ thần. Lại rằng : "Đầy thật gọi là đẹp". Cái đẹp này chẳng phải là tô son đánh phấn mà là đạo đức tràn đầy mới gọi là thật đẹp của con người. "Đầy thật mà có quang chiếu gọi là đại, đại mà hóa gọi là Thánh, Thánh mà bất khả tri chi gọi là thần". Tại sao bạn có kẻ địch ? Vì đức hạnh của bạn chưa sung mãn, trong Phật giáo không có kẻ địch. Người đánh ta, ta không đánh người ; người mắng ta, ta không mắng người. Cho nên :

*"Không tham, không tranh, phước lộc vô biên ;
Tranh tham quá nhiều, tội nghiệp liên thành".*

Lại xem chữ "Đạo", phía dưới là chữ "Tự", tức là đạo tại chính mình, chẳng phải hướng ngoại truy cầu, cũng chẳng phải bằng vàng bạc hoặc thủ đoạn làm được, mà phải tự mình hạ công phu. Sai một ly đi ngàn dặm. Hai phẩy ('), chữ "Nhất" và chữ "Tự" hợp lại là chữ "Thủ", cũng là đầu. Tu

đạo là một việc đại sự đầu tiên, nhưng tiếc thay, người đều quên mất bỏ gốc tìm ngọn.

*"Danh lợi việc nhỏ người người ham,
Sinh tử việc lớn chẳng ai màng ;
Thanh tịnh là phước chẳng ai hưởng,
Phiền não là tội ai cũng tham".*

Bên trái chữ "Đạo" là bộ "Sước" (đi). Ý nghĩa chữ "Đạo" là tự mình đi.

*"Đạo thì phải hành, không hành sao có đạo,
Đức thì phải làm, không làm sao có đức ?"*

Do đó mọi người phải tự mình tạo đức hạnh. Không phải gọi người làm còn mình thì không làm, đây gọi là "xả mình vì người". Lại nữa, không hại người là "Đạo", giúp người là "Đức". Nếu tổn người lợi mình thì thiếu đạo khuyết đức.

Đạo quý tại cung hành thực tiễn. "Giàu nhuận phòng, đức nhuận thân". Bạn có tu hành thì quang diệu mỹ đại Thánh thần, có thể phát ra bên ngoài. Tôi không hiểu cao đàm khoát luận, chỉ giảng những lời lão lão thực thực này.



Chúng ta phải học mô phạm của Đức Phật

H.T Tuyên Hoá

giảng tại Kim Sơn Tự, Canada, ngày 03/07/1989

Người học Phật phải chân chánh nhận thức mục đích của chúng ta là gì ? Người học Phật là vì tương lai muốn thành Phật. Nếu không muốn thành Phật thì đừng học Phật. Học Phật phải học nguyện lực của Phật, phải học hành vi của Phật, phải học tư tưởng của Phật. Nguyện

lực của Phật là không riêng gì mình thành Phật, mà còn phải phổ độ hết thảy chúng sinh đều thành Phật đạo, vì hết thảy chúng sinh đều có Phật tính, đều có thể thành Phật, nhưng vì vọng tưởng chấp trước, cho nên từ bao nhiêu kiếp đến nay, cũng không thể nào thành Phật. Vọng tưởng là gì ? Vọng tưởng là tâm tham. Chúng ta nếu không có tâm tham thì không có vọng tưởng, không có tâm tham thì biết đủ, biết đủ thì khoái lạc, không biết đủ thì thống khổ, người biết đủ thì luôn luôn an lạc, người không biết đủ thì luôn luôn thống khổ. Tại sao không biết đủ ? Vì có tâm tham. Tại sao lại biết đủ ? Vì không có tâm tham. Nói đơn giản "Biển khổ không bờ, quay đầu là bến". Tâm tham của chúng ta so với trời còn cao hơn, so với đất còn dày hơn, hổ không đầy thì không có khi nào lấp đầy được. Tâm tham gọi là gì ? Phàm là những gì bạn nghĩ muốn được, không thể đắc được bạn cũng muốn được, những gì có được bạn lại muốn thêm nhiều. Đây đều là tâm tham. Thú tâm tham này khi sinh ra, thì nào là tâm tham tiền tài, tham sắc đẹp, tham danh vọng, tham ăn ngon, tham ngủ nhiều. Vì có tâm tham cho nên đầu óc suốt ngày không ngừng tạo tội lỗi, luôn luôn đều tính toán quanh co trong đầu não, nhưng tính đi tính lại vẫn cảm thấy không đủ. Cho nên phải nghĩ biện pháp lấp đầy hổ tham dục của chính mình, hổ tham dục mà không đầy, thì thấy cái này cũng cho là thật, thấy cái kia cũng cho là thật, thấy cái gì thì tham cái đó, thậm chí rác rến cũng muốn chất thành đống to, cảm thấy như vậy mới có ý nghĩa. Tại sao phải tham rác rến ? Vì sinh tâm chấp trước, thì vọng tưởng rác rến không thể nào quét sạch. Vọng tưởng tham tài là rác rến, vọng tưởng tham sắc, tham danh, tham ăn, tham ngủ, cũng đều là rác rến. Những thứ này đều là những thứ không trong sạch, cho nên gọi là rác rến, cũng vì thế mới nói "Tài sắc danh thực thù, địa ngục ngũ điều căn", không thể phát tâm bồ đề. Người phát tâm bồ đề thì đối với năm dục này chẳng vướng bận, không tham tài, không tham sắc, không tham danh, không tham ăn, không tham ngủ, vật gì cũng không tham, cũng không chấp trước vật gì. Nhìn xem những người tham tài vật, xem tài như mạng sống, như cha mẹ của họ, thậm chí còn thân hơn so với cha mẹ, có tiền rồi thì không còn biết tới

cha mẹ. Người tham sắc thì diên diên đảo đảo, một không đủ thì tham hai, hai không đủ thì tham ba. Người như thế chết rồi nhất định làm súc sinh, làm rồng. Vì rồng thì tâm dâm dục quá mạnh, cho nên người tham sắc thì đoạ làm rồng, tội nặng thì đoạ địa ngục. Cho đến tham ăn, tham ăn ngon, ăn ngon lại như thế nào ? Bất quá ăn no rồi thì không thể ăn được nữa, hơn nữa ăn đồ ngon khi ăn no rồi thì lại có phiền não. Ngủ thì ngủ nhiều, lại muốn ngủ nhiều, thậm chí ngủ không tỉnh dậy. Người vì chấp trước tài sắc danh thực thù năm dục, cho nên ngày càng không có trí huệ, tự tính ngày càng không trong sạch, tham lam rác rến với pháp nhiệm ô, cho nên tự tính trí huệ quang minh không linh nghiệm. Nghĩ muốn lộ ra trí huệ quang minh thì đừng có tâm tham, đừng tham tài, đừng tham sắc, đừng tham danh, đừng tham ăn, đừng tham ngủ, có thể đoạn được năm dục này thì là nguyện lực của Phật. Phật tu phước tu huệ, tu ba đại A Tăng kỳ kiếp (một tăng một giảm là một kiếp, tuổi thọ con người cứ một trăm năm thì tăng một tuổi, cao thêm một tấc, từ mười tuổi tăng đến tám vạn bốn ngàn tuổi, và một trăm năm giảm xuống một tuổi, lại từ tám vạn bốn ngàn tuổi giảm xuống đến mười tuổi gọi là một kiếp, một ngàn kiếp gọi là một tiểu kiếp, hai mươi tiểu kiếp hợp thành một trung kiếp, bốn trung kiếp hợp lại thành một đại kiếp). A Tăng Kỳ kiếp là nhiều đại kiếp không có số lượng. Tu phước thì tận sức làm việc thiện, tu huệ thì học văn tự Bát Nhã, cũng có thể nói là làm các việc thiện là tu phước, đừng làm các điều ác là tu huệ, cho nên phải phước huệ viên mãn mới có thể thành Phật. Phật trong ba đại A Tăng kỳ kiếp và trong trăm kiếp tu phước tu huệ, việc thiện nhỏ nhất Ngài cũng làm, còn việc ác nhỏ nhất Ngài cũng không làm, trải qua thời gian lâu dài mới thành Phật. Do đó phàm là người tín ngưỡng Phật, tin pháp của Phật nói, cũng tin đệ tử của Phật và hết thảy chư Tăng. Chúng ta học Phật nhất định phải học nguyện lực của Phật. Nguyện lực của Phật là tự mình thành Phật rồi, lại muốn độ hết thảy chúng sinh đều thành Phật, mình đã đắc được quả bồ đề, đắc được đại trí huệ, đại an lạc. Cho nên cũng muốn hết thảy chúng sinh cùng hưởng đại trí huệ và đại an lạc. Chúng ta là người học Phật phải nhớ đừng tranh, đừng tham, đừng ích kỷ, đừng tự lợi, đừng nói dối,

đùng hướng ngoại truy cầu, đây là bước sơ bộ trên đường đạo. Nguyên lực của Phật thì vô lượng vô biên, sâu rộng như biển cả. Nhưng chúng ta không thể nói biển cả quá sâu rộng, chúng ta học không được thì không học. Chúng ta phải học nguyên lực của Phật từng chút, từng chút. Chúng ta phải xả mình vì người, phải học hạnh của Phật Thích Ca, xả thân cứu cạp đói, lóc thịt cứu chim ung, bị vua Ca Lợi chặt chân tay, trong tâm cũng không sinh tâm sân hận, phải có tinh thần nhẫn nhục, trì giới, tinh tấn, bố thí, thiền định, thì có thể sinh trí huệ Bát Nhã, đây là lục độ vạn hạnh, chỉ cần tiến về trước tu thì đồng thời sẽ đầy đủ.

Tuy nhiên nguyên lực của Phật rộng lớn, nhưng nguyên lực của chúng ta cũng không nhỏ. Chỉ cần phát nguyên lực của Phật, thì một ngày nào đó chúng ta cũng sẽ thành công, sẽ đạt được mục đích.

Hành vi của Phật thì không làm các điều ác, mà chuyên làm các việc thiện, luôn luôn chiếu cố mình, không bao giờ phá hoại kẻ khác, đó là hành vi lợi người mà không hại người, là cứu người mà không giết người. Ngài khiến cho chúng sinh khai đại trí huệ, không phải dùng chính sách ngu si để lường gạt chúng sinh.

Cho nên hành vi của Phật tối cao vô thượng. Tư tưởng của Phật là từ bi hỷ xả. Từ là

ban vui cho chúng sinh. Bi là cứu khổ, lợi dụng tâm bi để giải trừ thống khổ của chúng sinh. Hỷ là hoan hỷ đối với hết thảy chúng sinh. Chúng sinh chưởi mắng Ngài cũng hoan hỷ, chúng sinh đánh Ngài cũng hoan hỷ, thậm chí giết Ngài, Ngài cũng hoan hỷ không sinh tâm sân hận. Xả là xả những gì chúng sinh không thể xả. Phần đông xả không đặng nhưng Ngài xả được, phần đông đều tham muốn nhưng Ngài không tham muốn. Cho nên Ngài thì không tranh, không tham, không

cầu, không ích kỷ, không tự lợi, cũng không nói dối. Vì Ngài không muốn lường gạt người, cho nên Ngài hết thảy đều đầy đủ, không hướng ngoại truy cầu, không làm những việc ngu si. Đó là nguyên lực, hành vi và tư tưởng của Phật. Chúng ta mỗi ngày tự suy nghĩ xem, nguyên lực của ta và nguyên lực của Phật như thế nào ? So sánh hành vi, tư tưởng của ta với Phật như thế nào ? Có thể mỗi ngày so sánh như thế, thấy thiện thì bắt chước làm theo, thấy không thiện thì tự cảnh tỉnh ; thấy kẻ tốt, người thiện, người đại trung, đại hiếu, đại tín thì làm theo ; thấy người không thiện thì tự mình hồi quang phản chiếu, mình có làm những việc hợp lý chăng ? Những việc ngu si chăng ? Suy nghĩ như thế thì có thể những gì mình không muốn thì không thí cho người, nếu được như thế thì là bồi phước bồi huệ bắt đầu phát tâm đại bồ đề.

Biết ơn và báo ơn

Thích Chân Tuệ

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Trong bầu không khí trang nghiêm, thanh tịnh và hoan hỷ, nhân dịp kỷ niệm Lễ Vu Lan, vào ngày rằm tháng 7 trung ngươn mỗi năm, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu sơ lược ý nghĩa thực tiễn của ngày đại lễ này.

Theo truyền thống Phật giáo, theo sự tích của Tôn giả Mục Kiền Liên, việc tổ chức ngày đại lễ Vu Lan hằng năm nhằm mục đích nhắc nhở hạnh hiếu thảo đối với Cha Mẹ, tạo cuộc sống an lạc và hạnh phúc. Phàm làm người ai cũng có Mẹ, có Cha. Công lao của Mẹ sanh ra, công ơn của Cha nuôi dưỡng cho đến ngày khôn lớn, có thể sánh như non cao biển rộng, không có cách chi chúng ta báo đền ơn nghĩa lớn lao này một cách trọn vẹn được. Một khi trở thành bậc làm Cha làm Mẹ, chúng ta càng suy nghĩ, càng thấm thía công ơn lớn lao này của Cha Mẹ chúng ta trước đây.

Muốn làm người cho xứng đáng với danh xưng "con người", dù là Phật tử, hay không phải là Phật tử, chúng ta nên "biết ơn" khi nhận sự giúp đỡ về mặt vật chất hay tinh thần, dù lớn hay nhỏ, từ bất cứ ai, và nên nhớ "báo ơn" trong khả năng

*"Quay tâm hướng thiện,
Điều thiện tuy chưa làm,
mà Thiện Thần đã theo sát.

Chuyển tâm về ác,
Điều ác tuy chưa làm,
mà Ác thần đã kề bên."*

và hoàn cảnh của chúng ta. Đối với trọng ơn sanh dưỡng, khi Mẹ Cha còn hiện tiền, chúng ta phải nên "biết ơn và báo ơn" về hai phương diện: vật chất và tinh thần.

Về phương diện vật chất, chúng ta phải nên chăm sóc một cách chu đáo các bậc đã sanh thành và dưỡng dục chúng ta nên người. Từ việc ăn uống, ngủ nghỉ, ốm đau, trước đây Cha Mẹ đã biết bao khổ nhọc, lo lắng cho chúng ta đầy đủ, từ lúc mới sanh ra đời, đến tuổi thơ ấu, và cho đến ngày nay, chúng ta trưởng thành, phải nên biết bốn phận báo đền một cách chân thành, đừng nên lẩn tránh, lơ là, đừng nên giao phó bốn phận này cho người khác làm, dù là giao cho anh chị em, hay giao cho xã hội gánh vác giữ gìn mình. Chúng ta làm như thế nào đối với Cha Mẹ, thì sau này con cái noi gương đó, đối xử với chúng ta tương tự như thế đó. Cô nhân có dạy: Muốn người khác đối xử với mình thế nào, chúng ta nên đối xử với người khác thế ấy. Đối với người khác còn nên cư xử như vậy, huống là đối với Cha Mẹ của chúng ta!

Về phương diện tinh thần, chúng ta phải nên thường xuyên thăm viếng, đừng để cho Cha Mẹ phải trải qua những cảm giác cô đơn, thất vọng, buồn tủi hay lo sợ. Chúng ta nên biết cách sống sao cho được an lạc hạnh phúc với Cha Mẹ lúc hiện tiền và sống sao cho an lạc hạnh phúc với trách nhiệm của bậc làm Cha Mẹ sau này.

Được trực tiếp báo đền ơn sanh dưỡng của Mẹ Cha là phước báu vô lượng của chúng ta, nhất là ở nơi quê người, cuộc sống hết sức bận rộn, thời gian hiếm hoi, nhân tâm điên đảo, lòng người quên mất cội nguồn. Nếu không được diễm phúc này, chúng ta cũng có thể báo đền ơn sanh dưỡng của Mẹ Cha một cách gián tiếp, như gửi tiền tài về quê nhà, để người thân bên cạnh có thêm phương tiện chăm lo cho Mẹ Cha chu tất hơn một chút, và thường xuyên thăm hỏi bằng thư từ hay điện thoại.

Hơn thế nữa, ngoài phương diện vật chất và tinh thần theo thế gian, cách báo đáp theo đúng chánh pháp của người biết tu theo Phật, dù tại gia hay xuất gia, là bản thân tinh tấn tu học và luôn luôn giúp đỡ Cha Mẹ biết tu theo Phật. Tu theo Phật nghĩa là không làm các việc ác, siêng làm các điều lành và giữ tâm ý trong sạch. Do đó, chúng ta đừng nên cung cấp, hay thỏa mãn các nhu cầu theo ý muốn sai trái, hay ý thức vô minh, để tạo

thêm tội nghiệp cho Cha Mẹ.

Những việc ác là các việc lợi mình hại người, các hành động hay lời nói gây thiệt hại cho người về vật chất cũng như tinh thần. Thí dụ như vu oan giá họa, vu khống cáo gian cho người, vì tư thù hay ganh tị đố kỵ, thậm chí vì muốn kiếm tiền bạc triệu! Thí dụ như vì vô tình hay cố ý gièm pha, nói xấu người khác, tuyên truyền những tin đồn có hại thanh danh người khác. Trái lại, chúng ta nên khuyến khích Cha Mẹ làm các việc phước thiện, cứu người giúp đời, tu nhân tích phước, khai ngộ chân lý, và chuyên tâm tinh thức. Tất cả hành động, lời nói, hay tư tưởng đều công minh, chính trực, lợi mình và lợi người, để luôn luôn giữ được bản tâm thanh tịnh.

Chúng ta là những Phật tử, dù tại gia hay xuất gia, đều phải "tu phước và tu tuệ". Cha Mẹ chính là ruộng phước tốt nhất để chúng ta gieo trồng những hạt giống tốt cho chính bản thân và cho thế hệ sau này. Trong kinh sách có dạy: Phụ mẫu hiện tiền như Phật tại thế, hoặc: phụng sự chúng sanh, trong đó có Mẹ Cha của chúng ta, là cúng dường chư Phật, chính là nghĩa đó vậy. Do đó, chúng ta phải "biết ơn và báo ơn", hết lòng chăm sóc Cha Mẹ hiện tiền, trước khi vào chùa tu phước hay cầu phước! Đừng nên đợi đến khi Cha Mẹ qua đời, vào chùa làm lễ cầu siêu, cầu khẩn, vái van Cha Mẹ có linh thiêng về phù hộ cho gia đạo của mình bình an và làm ăn phát tài! Người không "biết ơn và báo ơn" đối với Cha Mẹ, dù bất cứ lý do nào, thì làm sao có thể cư xử tốt với những người khác trong xã hội.

Tuy nhiên, các bậc Cha Mẹ hiện nay nên cảm thông hoàn cảnh của con cái nơi xứ người, đừng nên mong cầu sự hiếu thảo theo quan niệm của thời đại xa xưa trước đây. Các bậc Cha Mẹ nên có tâm bao dung, rộng lượng, tha thứ và hiểu biết, đối xử với con cái với tâm bình đẳng, không phân biệt người con này có hiếu, người con kia bất hiếu, thương người con nào vừa lòng vừa ý, yêu người con nào thành công vinh hiển, ghét bỏ người con nào nghịch ý, chán chê người con nào thất bại nghèo khó. Nếu các bậc Cha Mẹ nhận được sự hiếu thảo như ý nơi con cái của mình, thì biết đó là phước đức của đời mình, và tiếp tục tu phước thêm nữa. Bằng không, các bậc Cha Mẹ nên tu nhân tích đức, biết mình kém phước thiếu đức, đừng nên oán trời trách đất, đừng nên than vãn, bêu riếu, rửa xả, chửi mắng, lên án, kết tội,

hay xa lánh, từ bỏ con cái chính mình. Được như vậy, tâm của chúng ta an nhiên tự tại, bình tĩnh thân nhiên trong mọi hoàn cảnh, dù thuận lòng hay nghịch ý.

Tóm lại, dù hoàn cảnh như thế nào, chúng ta là những Phật tử, dù tại gia hay xuất gia, biết đi chùa làm công quả, biết "tu phước và tu tuệ", đều nên cố gắng tu tập theo đúng chánh pháp để đạt giác ngộ và giải thoát. Thực hành tâm bất tùy phân biệt là chánh pháp, trường dưỡng tâm từ bi để cảm thông và tha thứ đối với mọi người, kể cả với con cái chính mình. Sống hạnh phúc vì mình và vì người, không chứa chấp tâm sân hận, hết lòng với người thân và mọi người, hiện tại không hối hận, ra đi không hối tiếc. Tu tập theo đúng chánh pháp và hồi hướng công đức này cho Cha Mẹ nhiều đời vãng sanh tịnh độ, Cha Mẹ hiện tiền tăng long phước thọ và con cái chính mình an nhiên tự tại. Chúng ta nhất tâm cầu nguyện cho Phật pháp trường tồn, thế giới thanh bình, chúng sanh an lạc. Được như vậy, chúng ta đã báo đền ơn sanh thành dưỡng dục của Cha Mẹ, báo đền ơn Tam Bảo mười phương, báo đền ơn quốc gia và xã hội. Đây mới chính là cốt tủy của đạo Phật, mới là mục đích cứu kính của ngày đại lễ Vu Lan hằng năm.



Ngày xưa, lúc Đức Phật còn tại thế, một hôm, Ngài ngự cùng chư Tỳ kheo gần thành Vương Xá trong vườn tre.

Lúc ấy, trong thành Vương Xá, vua Tần Bà Ta La đương trị vì. Đất nước của vua sung túc, phú cường, dân chúng an cư lạc nghiệp, không tranh chấp, không làm hại lẫn nhau, chẳng hay bệnh hoạn đau đớn. Cây trái thanh mậu, thú vật sanh sôi nảy nở. Vua là bậc minh chúa, ưa đạo đức, mến phong hóa và lấy đức công bình trị dân. Hay Phật ngự đến, vua và quyến thuộc quy y thọ giáo, và nhờ đó thấu đạt chân lý.

Nhằm tiết xuân sang, trăm hoa đua nở. Trong rừng, các loài chim thi nhau ca hát vui mừng.

Vua và Hoàng hậu, có cung phi mỹ nữ theo hầu, xuất hành ngự đến vườn hoa trong Rừng Tre. Cung phi tâu:

- "Tâu bệ hạ, ban ngày chúng tôi không thể đến hầu Phật. Vậy xin bệ hạ cho lập trong cung một ngọn Tháp thờ tóc và móng tay của Đức Thế Tôn. Chúng tôi sẽ được vọng bái thường thường và cúng dường Phật các thứ bông hoa, hương thơm, tàn lọng, cờ phướn".

Vua Tần Bà Ta La bèn đến bạch Phật: "Cúi xin Ngài ban cho chúng con tóc thừa và móng tay dư để thờ. Chúng con định xây một ngọn Tháp trong cung để phụng thờ Thế Tôn. Đức Phật ban tóc và móng tay cho vua. Rồi đó, vua Tần Bà Ta La và các bà phi rất cung kính, cho xây một ngọn Tháp thờ tóc và móng tay của Phật, ở ngay giữa Hoàng cung. Từ đó, các bà phi thường vào Tháp dùng đèn, hương hoa, cúng dường Đức Phật.

Kịp đến khi Thái tử A Xà Thế, vì nghe theo lời xúi biêu của Đề Bà Đạt Đa mà giết cha là Tần Bà Ta La và soán ngôi, thì sự thờ cúng trong Tháp bị cấm ngặt. Tân vương ra chỉ thị: "Không ai được cúng gì trong Tháp thờ Thế Tôn". Từ đó trở đi, đến ngày rằm, không một ai quét dọn trong Tháp cũng chẳng ai đốt đèn, thắp hương và dâng hoa. Trước cảnh điêu hiu lạnh lẽo ấy, những người trong cung, chạnh nhớ đến Tiên vương Tần Bà Ta La, đồng khóc kể rất đau thương: "Bạc phước thay cho chúng ta! Vì đức vua Pháp (chỉ Tần Bà Ta La) mất đi cho nên chúng ta mới chẳng tạo được công đức". Tuy vậy, trong đám cung phi có một cô tên Xơ Ri Ma Ti không kể mạng mình, một lòng niệm nhớ đức Phật, can đảm vào Tháp và dọn quét.

Lúc ấy A Xà Thế, đứng trên nóc đền bằng phẳng, trông thấy ánh sáng rực rỡ, phán hỏi: "Gi lạ thế". Một bà phi đáp: "Ánh sáng ấy do cô Xơ Ri Ma Ti thắp đèn trong Tháp thờ tóc và móng tay Phật ánh ra". Vua cho đòi thể nữ đến: - Sao ngươi dám cãi lệnh ta? Thể nữ đáp: Tôi đành cam cãi lệnh ngài, nhưng tôi làm theo lệnh vua Pháp, đức Tần Bà Ta La. Vua giận giữ, liền ném vào đầu thể nữ một cái đĩa sắt. Thể nữ chết ngay. Trong khi thác, lòng đang hoan lạc tưởng niệm Đức Thế Tôn nên thể nữ được sanh lên cõi tiên, miền Đạo Lợi.

Tiên nữ thấy rằng sở dĩ được phước là nhờ cúng dường Đức Phật. Nàng bèn định đến hầu Phật. Trang điểm thanh tịnh, đeo đồ trân bảo, ướp chiên đàn và trầm thủy, mặc đồ đẹp trên cảnh thượng tiên, lại bọc thêm hoa Mạn Đà La, nàng

hiện thân đến châu Phật. Hào quang Tiên nữ chói khắp cảnh vườn, chỗ Đức Thế Tôn ngồi. Nàng rải hoa mừng Phật và làm lễ ngồi trước Phật nghe thuyết pháp. Đức Thế Tôn giảng cho nghe vừa với sức hiểu biết của nàng. Tiên nữ rất vui mừng, hân hạnh được thêm phước đức, như người buôn bán được lợi. Nàng lạy chào Phật và lui về tiên cảnh.

Đêm ấy, chư Tỳ kheo thức tham thiền, bỗng thấy hào quang chói cả rừng tre. Sáng lại các ngài hỏi Phật. Đức Thế Tôn giải rằng: "Hào quang ấy của một Tiên nữ, nguyên là cung phi trong đền vua Tần Bà Ta La. Chẳng tiếc thân mạng, nàng đã vi phạm lời ngăn cấm của vua A Xà Thế, vào Tháp thấp đèn cúng dường Như Lai, vì lòng niệm nhớ công đức Phật. Vua A Xà Thế nổi giận giết nàng. Trong khi thác, nàng không quên niệm tưởng Phật nên được sanh làm Tiên tịnh lạc nơi miền Đạo Lợi.

Hồi hôm này, Tiên nữ đến hầu ta, được nghe ta thuyết pháp và thấu hiểu chân lý. Xong, nàng mới trở về Tiên cảnh.

- "Này chư Tỳ kheo, vậy các người phải biết điều này: Nên tôn trọng, tán thán, cúng dường Phật, sống đời mà thờ Phật".
Phật thuyết xong, chư Tỳ kheo lấy làm vui mừng, hoan lạc.

tam bộ nhất bài

Hằng Cự và Hằng Do

Tiếp theo kỳ trước

Ngày 24 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Cự viết:

Thời tiết trở nên giá buốt khi chúng tôi lạy từ Olema về hướng bắc, đến một tỉnh lỵ khá lớn Point Reyes Station. Lúc 9 giờ sáng, có ký giả tờ báo địa phương vùng Point Reyes Light đến phỏng vấn, và chúng tôi đã trả lời những gì mình hiểu biết. Có lẽ lúc này đã có nhiều người hiểu thêm phần nào về việc chúng tôi đang làm. Có lần ở trong phố, tôi đang lạy dọc theo lề đường, Thầy Hằng Do ở gần bên nghe được câu chuyện đối thoại khi đi ngang qua tiệm bán máy móc (hardware) như sau:

- Ê, Matha! Nhìn kìa! Mình có nên gọi cảnh sát không?

- Thôi đi George à! Mặc kệ ông ta, ông đâu có làm gì hại đâu!

Sau mười lăm phút dụng công, chúng tôi ra tới ngoại thành thì gặp một nữ cư sĩ Phật giáo tên Katy Powell (Quả Tánh), hiện ở vùng Point Reyes với hai đứa con. Bà ngỏ ý muốn được cùng lễ bái một đoạn đường. Và bà đã lạy theo phía sau cách chúng tôi khoảng hai trăm bước. Lạy được một dặm trên con đường lỏm chỏm đầy sỏi đá thì bà quay trở về nhà. Quả Đôn Schweig và gia đình mang cơm trưa đến, gồm cơm gạo lứt, canh rau, bánh mì, bánh tây và trái cây.

Buổi chiều ông Ben Williams đến cùng với đoàn ký giả San Francisco của đài truyền hình CBS số 5, họ quay phim rất nhiều về cảnh chúng tôi đang lễ lạy dọc theo những dốc đá bờ biển. Tối đến, vừa lúc chúng tôi tìm được một cái chòi bỏ hoang nằm ẩn trong rừng thì cơn mưa bão cũng vừa đổ ập xuống. Tôi mất cả nửa giờ lượm củi khô để nhóm lửa. Giờ đây chúng tôi đang hong khô đồ đạc và nấu nước pha trà.

Ngày 25 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Do viết:

Hôm nay Ưu Bà Tắc Quả Chu Rounds, chủ tờ báo Napa County Record, đem đến cho vài vật dụng và viết một bản tin ngắn về chuyến bái hương này.

*Nàng trước thử, đã toái bồi
Gia phá nhân vong ngữ nan khai
Xuân đảo hoa hương xít xít tú
Sơn hà đại địa thị Như lai.*

Nghĩa là:

*Tay bị nóng, đập vỡ ly
Nhà tan người mất khó nói nên lời
Xuân đến hoa thơm đâu đâu cũng
đẹp
Sông núi đất đai đều là Như lai.*

Kệ của H.T Hư Vân lúc khai ngộ

Chúng tôi khởi sự lạy từ vịnh Tomales, đến cuối ngày lại tìm được một căn nhà hoang. Nhà này dù đã đổ nát, nhưng cũng giúp chúng tôi tránh mưa qua đêm. Tuy nhiên trong đêm tối đen đó, chúng tôi mới nhận ra căn chòi hoang này lại là nơi dung chứa bao loài thú rừng như: chồn, chuột, sóc và nhiều loài bọ rận khác đang ở chung với chúng tôi. Trong đêm tối vắng lặng, tiếng kêu vang rền của bọn chúng như càng được khuếch đại thêm. Có lúc tôi cũng cảm thấy thật sợ hãi. Như rui ở đây có gấu thì sao? Nếu đem tinh thần lý trí ra để hiểu rằng thế gian này là hư ảo, đó là một chuyện, còn sống ở cuộc đời mà thật không lo sợ thì lại là một chuyện khác. Tôi thâm niệm Phật và cố giữ tâm an định lại. Rồi một ý tưởng chợt loé lên khóa lấp sự lo sợ vô lý của tôi: Ô! Tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật, thành người giác ngộ mà! Trong cuộc đời của Hòa Thượng Hư Vân, có nhiều trường hợp các thú hoang tìm đến lễ bái Ngài. Vì đức độ của Hòa Thượng như có quyền lực làm khơi dậy cái khả năng hiểu biết tiềm ẩn ngay cả ở những loài cạp, sói và chồn. Ngài giảng dạy cùng ban truyền Tam Quy, rồi thâm nhận chúng làm đệ tử, chẳng thế mà còn dạy cho chúng thêm về những giới luật, đạo đức nữa. Nhờ vậy mà tánh nết chúng thay đổi tốt hơn, bảo đảm sau này sẽ được tái sanh về cảnh giới khá hơn và sẽ có nhiều cơ hội hơn để tu hành.

Sau khi ngẫm nghĩ như vậy, thì những tiếng động ban đêm trong chòi đã không làm tôi kinh sợ nữa. Tôi ngủ thiếp đi với ý tưởng vui vui, rằng đang có hàng ngàn vị Phật nhỏ nhỏ tương lai hiện đang vất vả lo tích trữ lương thực cho mùa đông sắp tới. (còn tiếp)



Thông báo dọn về Chùa mới

Kính thưa toàn thể quý vị ! Vừa qua Chùa Kim Quang đã chính thức dọn về Chùa mới (gần bảy trăm ngàn Âu kim) đã được hai tháng, toạ lạc tại: 75, Allée Circulaire - 93600 Aulnay Sous Bois – France, phía cực nam Aulnay Sous Bois, giáp với Bondy, Pavillons Sous Bois, khu này rất yên tĩnh. Chùa Kim Quang mới này rộng lớn hơn chùa cũ

nhiều, diện tích đất khoảng 1.000 thước vuông, gồm có căn nhà phía trước khoảng 300 thước vuông là nhà ở của chư Tăng, Ni, Phật tử. Phía sau là cái sân, đậu được vài chiếc xe, và sau cùng là cái xưởng khá lớn, diện tích gần 500 thước vuông, chính giữa sẽ trang trí làm Chánh Điện, hai bên làm Trai Đường, phía sau dùng làm phòng nghỉ. Có gian phòng dùng làm nhà bếp, phòng ăn, nhà kho chứa đồ, nhà vệ sinh .v.v... còn có tầng hầm phía dưới chánh điện.

Nhờ sự phát tâm cúng dường của chư Tôn Đức, và quý vị Phật tử xa gần, và nhất là cho mượn hội thiện không lời, nhờ vậy mà không vay mượn ngân hàng, nên không lo lắng, khi nào có thì từ từ hoàn lại cho Phật tử.

Với một cái xưởng lớn như vậy, trùng tu mới lại tốn kém cũng không ít, đó là chưa nói đến làm đường ống dẫn gaz vào, và bắt các lò sưởi, đây là phần tốn kém nhất. Hiện tại đang làm trần, sơn tường, trải thảm Chánh Điện, và làm thêm bốn nhà vệ sinh, nhà tắm, nhà bếp. Hy vọng sẽ kịp ngày lễ Vu Lan sắp đến, sẽ có chỗ trang nghiêm để chư Tăng, Ni, Phật tử làm lễ.

Sắp tới đây bắt đầu trả nợ hội thiện không lời, vay mượn của Quý Phật tử để thành lập mua Chùa Kim Quang mới. Quý vị nào cần trả trước, xin cho Chùa biết, để Chùa lần lược hoàn lại. Hoặc quý vị nào muốn cúng Chùa luôn, để hồi hướng công đức cho cha mẹ thân bằng quyến thuộc, thì cũng tin cho Chùa biết.

Phật pháp rất nhiệm màu, nhờ sự phát tâm cúng dường ủng hộ, trường kỳ lâu dài tích đức của tất cả

Phật tử xa gần. Hy vọng ngày nào đó gần đây sớm sẽ hoàn thành, làm trung tâm hoằng pháp lâu dài cho thế hệ con cháu của chúng ta, cũng là góp phần duy trì truyền bá Phật pháp, lợi lạc cho tất cả mọi người.

Do đó, hy vọng tất cả Phật tử xa gần, phát Bồ đề tâm, tài bồi phước lành, tu nhân tích đức cho mình và cho con cháu sau này, góp phần để trùng tu ngôi Chùa Kim Quang mới, sớm được hoàn thành, công đức vô lượng.

Thành kính nguyện cầu chư Phật gia hộ cho tất cả Quý vị Phật tử xa gần, thân tâm thường an lạc, Bồ đề tâm tăng trưởng, phước huệ song tu, sở cầu như ý.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát

le sutra du merveilleux Dharma du lotus

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Il me suppliait de lui montrer la voie. Alors je tendis la main et arrachai un bout de cuir chevelu se trouvant sur le sommet de sa tête. Je la jetai par terre. Lorsqu'il la regarda de près, il s'aperçut que c'était la peau d'un cochon. Alors je lui disais, toujours dans le rêve : Maintenant que j'ai enlevé la peau de votre châtiment, vous pouvez cultiver la voie.

Le lendemain du rêve, je me rendis chez lui car je connaissais son oncle, Kuan Chung Hsi. Il dit : Mon oncle, qui est-il ? La nuit dernière, je l'ai vu dans mon rêve qu'il est venu ici et a enlevé la peau de cochon de mon corps.

L'oncle dit : C'est un grand pratiquant du devoir filial. Il est très connu pour sa piété filiale. Le neveu fut enchanté et raconta à son oncle les détails de son rêve. Son oncle, ayant déjà dans son esprit la plus grande considération de la voie, s'en réjouissait lui aussi.

Cet homme a été envoyé pour nous indiquer la voie, dit-il. Nous devons chercher rapidement la voie auprès de lui.

Tous deux se mirent à genoux devant moi et refusèrent de se relever tant que je n'acceptais de devenir leur maître. J'avais 23 ou 24 ans à l'époque.

Je dis : « Je ne peux pas être le maître de quiconque. Moi-même, je n'ai pas encore atteint la voie. Je suis en train de la chercher.

« Soyez compatissant, suppliaient-ils. Nous savons que vous êtes un grand pratiquant et nous demeurerons à genoux jusqu'à ce que vous répondiez à notre requête. »



La première cérémonie de Vesak à la nouvelle Pagode Kim Quang

Je dis : « N'ayez pas peur. Où que j'aille, je vous emmènerai chercher la voie. Quand vous rencontrerez une personne que vous jugerez digne de devenir votre maître, vous pourrez vous prosterner devant lui. Mais ne vous prosternez pas

devant moi. Ne me considérez pas comme votre

maître.

Et j'ai refusé leur requête.

Aujourd'hui, nous allons parler simplement de ce chapitre. Hier, nous avons discuté de la posture assise du plein lotus. Kuan Chung Hsi et son neveu avaient recherché la voie auprès de moi. Kuan Chung Hsi avait plus de trois mille disciples mais il n'avait aucune méthode pour mettre fin au cycle de naissance et de mort. Il allait partout rechercher la voie. Après environ trois ans, il ne l'avait toujours pas trouvée.

Lorsque je me rendais chez lui, son neveu avait fait ce rêve étrange et il savait qui j'étais. Tous les deux s'agenouillaient devant moi et me sollicitaient d'être leur maître.

Je dis : Je n'ai pas encore atteint la voie, mais je peux vous aider à la trouver. Accompagnez-moi et nous irons dans tous les temples et monastères où il y a des pratiquants. Et quand vous rencontrerez quelqu'un qui vous conviendra, vous pourrez le prendre pour votre Maître ». Ils venaient donc avec moi et nous visitions tous les endroits connus où le Bouddhisme était pratiqué. Je les présentais aux pratiquants mais ils n'étaient satisfaits d'aucun d'eux et retournaient à chaque fois chercher la voie auprès de moi.

Finalement, je leur disais : « Je n'ai pas encore atteint la voie. Tout ce que je peux faire est de vous enseigner une méthode de pratique. Il s'agit de la posture assise du plein lotus. Essayez donc pour voir si vous pouvez vous mettre en cette position.

Quand l'oncle tenta de prendre cette position, sa jambe droite se montra récalcitrante et resta suspendue en l'air à plus de six pouces au-dessus du banc. L'oncle descendait d'un peuple de montagnards qui avaient la particularité d'avoir des grandes rotules. On les appelle "les grosses rotules". Malgré de grandes difficultés, il réussit finalement à prendre cette posture. Je lui dis de s'exercer à rester dans cette position lors de sa pratique puis je suis parti.

Une semaine plus tard, je revins chez lui. Ses rotules déjà grosses au départ à présent étaient enflées et avaient grossi davantage. Elles étaient si enflées qu'il ne pouvait même plus marcher.

En Mandchourie, on utilisait des charrettes à roues de fer pour le transport. Ces roues font environ deux pouces de large et laissent leurs empreintes sur les routes sous forme d'ornières larges de deux pouces. Kuan Chung Hsi était incapable de franchir une ornière tellement ses jambes étaient enflées. Voyant cela, je me rendis compte que cette pratique était trop dure pour cet homme. Je lui dis alors :

Cessez donc de suivre cet exercice. Je doute que vous ne puissiez jamais réussir à vous mettre en

position du plein lotus. Vous pouvez arrêter cette pratique si vous voulez.

Il me répondit: Je vous remercie de votre sollicitude. Mais sachez que j'y renoncerai seulement sur mon lit de mort. Tant que je vivrai, peu importe dans quel état sont mes jambes, je poursuivrai mes efforts. Si, pour suivre la voie, je ne suis pas capable de supporter la douleur, comment puis-je jamais espérer réussir. Si je ne peux même pas me discipliner moi-même et me mettre dans la position de parfait lotus, comment pourrais-je poursuivre la voie. Je suis fermement décidé de poursuivre cet exercice.

Je lui dis alors :-Si vous avez pris votre décision, je n'ai plus rien à dire. Si vous choisissez de pratiquer, faites-le. Si vous ne voulez plus pratiquer, ne le faites plus. Vous êtes libre de choisir.

Là dessus, je suis parti.

Cent jours plus tard je revins à nouveau chez lui et vis qu'il pouvait à nouveau marcher. Ses jambes ne présentaient plus d'enflures.

Je lui demandais :

-Avez-vous cessé de pratiquer la position du plein lotus ?

-Absolument pas, répondit-il. Et pourtant, non seulement l'inflammation a disparu, mais je ne souffre même plus de mes jambes. Je suis même parvenu à replier mes deux jambes qui ne restent plus coincées en l'air.

Je dis: Ceux qui agissent avec résolution connaissent le succès. Votre ferme détermination a été la source de votre réussite.

Je lui enseignais ensuite les méthodes pour cultiver le Dhyâna. Il les suivait en pratiquant la technique de la posture assise dans la méditation du Dhyâna.

Auparavant, Kuan Chan Hai et son oncle avaient dû voyager partout à la recherche de la voie. Durant trois ans et demi, ils avaient beau chercher, le résultat était toujours négatif. Aujourd'hui Kuan Chan Hai est bien décidé de me suivre, alors il me faisait offrandes de toutes sortes de présents : Nourritures, friandises etc... à l'occasion des des festivités comme le nouvel an. Je devinais qu'il m'estimait. (à suivre)

le sutra shurangama

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

(La suit

Durant l'assemblée du Dharma je suis déterminé à rechercher et à expliquer le Sutra, à faire tout ce qui est en mon pouvoir pour faire sortir le Sutra au grand air. Mon seul espoir c'est que vous puissiez en tirer des profits. Cependant, vous êtes libres de m'écouter ou de ne pas m'écouter, si vous préférez ne pas m'écouter, je n'y peux rien, parce que je ne suis pas vous et vous n'êtes pas moi.

Vous pouvez aussi dire que nous sommes de la même espèce. Comment ? Nous sommes liés les uns aux autres par le fait que nous respirons le même air, nous possédons tous une substance identique. Par conséquent, nous ne pourrions en aucune façon nous obstruer. Si tout le monde étudie le Bouddhadharma, tout le monde deviendra éveillé. S'il y en a un qui ne le deviendra pas, alors je n'aurai pas rempli ma responsabilité.

Ne vous souciez pas du fait que le Bouddhadharma est profond ou superficiel. Ne dites-vous pas : "Si je comprends, j'étudierai davantage et si je ne comprends pas, j'abandonne". Comprendre un peu, c'est beaucoup mieux que ne rien comprendre du tout. Vous devriez vous dire : "Si je comprends, ne serait-ce qu'un mot du Sutra prêché par le Maître du Dharma, ce mot qui m'a été inconnu jusqu'à présent m'apporte un grand bénéfice : la valeur de ce seul mot est indiciblement grande."

Pourquoi Ananda était-il incapable de résister à l'ancien mantra du ciel du Brahma, même après avoir atteint la première étape de l'état d'Arhat ? C'était parce que dans le passé, en pratiquant le Samadhi, il avait utilisé son esprit conscient. L'esprit conscient est sujet à la production et à l'extinction donc n'est pas ultime. Un Samadhi développé en utilisant le processus de la pensée consciente, telle la méthode de la contemplation de l'école T'ien T'ai implique les huit consciences. Ce Samadhi ne lui a pas permis d'atteindre la nature

qui n'est ni produite ni éteinte. Si on pratique en se basant sur une nature qui n'est ni produite, ni éteinte, on obtient un Samadhi ni produit ni éteint. C'est le véritable Samadhi, celui qui ne peut pas être renversé par les forces hétérodoxes.

Mais Ananda se servait seulement de son esprit conscient dans tous ses actes. Par exemple, quand il récitait les Sutras, il se servait de son esprit pour se rappeler les principes enseignés par le Bouddha. Mais l'esprit conscient qui l'avait aidé à se rappeler ces principes ne pouvait pas le guider vers la solution finale, c'est pourquoi en présence d'un état démoniaque, il ne le reconnaissait pas.

Il est important que les pratiquants de la voie soient clairvoyants afin de reconnaître leur environnement. Si vous êtes capables de voir clair quand surgit un événement, vous n'en seriez pas embrouillé, ni influencé ni entraîné. La force de Samadhi doit vaincre tout événement, qu'il soit bon, mauvais, agréable ou désagréable. Devant n'importe quelle circonstance, soyez totalement impassible, l'esprit à jamais clairvoyant. C'est la véritable force du Samadhi.

Si les bonnes situations vous rendent heureux et les mauvais événements vous rendent tristes, vous êtes influencés par les états. Si vous ne cessez pas de sauter de joie, de colère, de chagrin, de bonheur, vous êtes influencés par les états. Ne soyez pas influencé par les événements extérieurs, soyez comme un miroir qui reflète l'image d'un objet et qui retrouve la pureté quand l'objet disparaît. La substance fondamentale d'un miroir est toujours brillante. Elle ne peut pas être souillée. Possédant la force de Samadhi et ne s'agitant pas on atteint, une profonde compréhension la vraie sagesse. Il est très important de comprendre ceci.

Samatha est un mot sanscrit qui peut être interprété comme « calme et pur ». Cependant, c'est une tranquillité et une pureté forcées. On atteint une sorte de Samadhi en forçant délibérément l'esprit pour obtenir le Samadhi mais on ne détruit pas la fausse réflexion. Ce n'est pas le Samadhi ultime. C'est purement un genre de dispositif pratiqué par ceux du Petit Véhicule. Au début de son enseignement, le Bouddha a enseigné cette méthode à ceux des Deux Véhicules.

Samapatti, un mot sanscrit aussi, interprété comme « contemplation et éveil », de tels Dharmas regroupent les douze liens d'interdépendance et les quatre nobles vérités.

Dhyâna, un mot sanscrit aussi, peut avoir le sens de « la pratique de la pensée ou la considération paisible ». On se sert de l'esprit pour suivre la trace des pensées, il en est de même dans la pratique de la contemplation de l'école T'ien T'ai. Celle-ci enregistre trois contemplations: Le vide, le conventionnel et le milieu. Cet enseignement est au fond un bon enseignement mais il n'est rien comparé au Samadhi Shurangama, le Dhyâna peut être ultime ou non-ultime. Ceux du Petit Véhicule pratiquent en utilisant l'esprit conscient. Ils font des discriminations en utilisant l'esprit conscient. Puisque l'esprit conscient est sujet à la production et à l'extinction, son usage ne mènera pas au vrai et solide Samadhi du Bouddha.

"Que devrions-vous pratiquer ?" Vous vous demandez.

Le Samadhi Shurangama.

"Comment pratiquons-nous le Samadhi Shurangama?" Le texte du Sutra vous le fera comprendre progressivement. Si vous y prêtez attention vous le comprendrez et saurez comment réaliser le Samadhi Shurangama. Vous n'en seriez pas abasourdi. En ce moment, vous ne savez pas par où commencer et êtes comme quelqu'un qui se trouve en plein milieu d'une forêt très dense sur la pente d'une montagne et qui essaye de voir à quoi ressemble l'ensemble de la montagne. Comme le poète Su Teng P'o exprime dans ces vers : Je ne peux pas dire à quoi ressemble la montagne Lu. Étant moi-même sur la montagne.

S'il s'était éloigné d'elle, il aurait pu la voir. Maintenant, nous sommes dans le samadhi Shurangama, vous creusez votre voie dans le Samadhi Shurangama et si vous continuez à vous arriver à le voir progressivement clairement et.

Ensuite, vous saurez que vous aurez obtenu la vraie pierre précieuse. Vous serez capable de grimper sur la montagne ornée de bijoux, empoignerez deux grandes poignées d'or, remplirez vous bras de pierres précieuses et descendrez de la montagne. Vous pourrez en prendre autant que vous voudrez, la réserve ne sera jamais épuisée. C'est une réserve inépuisable, vous pourrez vous en servir toute votre vie. Dans le futur, vous serez capable de réaliser l'éveil du Shurangama et ensuite continuerez à enseigner et à se courir les êtres vivants.

Sutra :

A ce moment, étaient présents : Les Bodhisattvas aussi nombreux que les grains de sable du Gange, les grands Arhats, les Pratyeka-Bouddhas et ceux des dix directions. Heureux de l'opportunité d'écouter, ils quittèrent silencieusement leurs sièges pour recevoir l'instruction du sage.

Commentaire: « CE MOMENT » précise l'instant où Ananda demanda au Bouddha Sakyamuni d'expliquer comment les Tathagathas des dix directions avaient réalisé le Bodhi, c'est-à-dire le parfait Eveil. Il a aussi été mentionné la présence des Bodhisattvas aussi nombreux que les grains de sables du Gange. Le Gange est un fleuve de plusieurs kilomètres de long et son sable est aussi fin que la farine, comme de fins atomes de poussière. Une raffale de vent le long du fleuve est aussi dangereuse que les tempêtes de sable dans les déserts. Maintenant, combien de grains de sable estimeriez-vous qu'il y a dans un fleuve long de 15 kilomètres ? Pourriez-vous le compter ? Absolument impossible, même le meilleur mathématicien du monde serait incapable d'en faire le compte. Puisque les grains de sable du Gange sont incalculables, ils

sont utilisés pour représenter un nombre qui n'existe pas, un nombre qui dépasse tout calcul.

Un Bodhisattva, un être éveillé, est aussi un être vivant d'une grande spiritualité. Même si les mauvais gens lui infligent prises affrants, il n'en tient pas compte. Il ne s'irrite jamais. Sa spiritualité est ferme et immense. Un Bodhisattva est appelé aussi un seigneur dédié puisqu'il est déjà déterminé à être un Bodhisattva.

Les dix directions. Le Sutra Amitabha parle des Bouddhas des six directions mais pas des dix directions. Les six directions sont le nord, le sud, l'est, l'ouest, le dessus et le dessous. Les quatre directions supplémentaires sont le nord-est, le sud-est, le nord-ouest et le sud-ouest. Je les cite, quoiqu'il n'existe au fond aucune direction. Puisque la terre est ronde, alors quelles directions peut-il y avoir ? Mais les Sutras bouddhistes parlent des directions et en plus le rond dont je parle n'est pourtant pas un fait établi. Alors ne comptez pas sur ce que je dis. Comme je le vois, le monde est transformé par une seule source. Tout est dans le trésor de la grande lumière, l'entrepôt du Tathagatha où n'existe aucune direction. C'est ma manière de voir mais peut-être il n'en est pas ainsi.

Il n'y a pas de petits Arhats mais de grands Arhat dont la voie est grande. Cela ne veut pas dire qu'ils étaient grands physiquement, qu'ils étaient particulièrement grands. Mais cela veut dire que la nature de leur Dharma était grande, le pouvoir de leur Dharma était grand, leur pratique de la vertu était grande.

Arhat a trois significations :

1. Digne d'offrandes. Ils étaient dignes d'offrandes des dieux et des humains. Sur le plan de la causalité, un Bhikshu mendie de la nourriture et en résultat en tant qu'Arhat, il est digne d'offrandes.

2. Tueur de voleurs. Le Bouddha enseignait aux gens de ne pas tuer. Le meurtre n'est-elle pas une enfreinte des vœux ? Ici il ne s'agit pas des voleurs de biens matériels mais des voleurs qui existent à l'intérieur de vous.

"Quels sont-ils ces voleurs à l'intérieur de nous ?" Demandez-vous. Ce sont : L'ignorance, les émotions perturbatrices, les six organes des sens

(les yeux, les oreilles, le nez, la langue, le corps et l'esprit). A vrai dire, ils vous volent vos trésors sans que vous vous en rendiez compte, quand vos yeux regardent les choses, vous dépensez énormément votre énergie vitale quand vos cinq sens sont absorbés par les choses environnantes. Vous pouvez que vos organes des sens sont prêts à vous rendre service, mais en réalité, ils vous nuisent, ils vous empêchent de découvrir votre vraie nature.

Ces six voleurs volent dérobent vos vrais et précieux trésors. Ils vous dévalisent sans que vous en rendiez compte. Vous côtoyez sans le savoir à chaque instant ces voleurs mais vous les défendez même comme étant leur protecteur. C'est un point très important. Ne vous trompez pas et ne pensez pas que je plaisante en disant ceci. Car si vous n'aviez pas perdu ces trésors, vous auriez réalisé l'état de Bouddha depuis longtemps. Réfléchissez-y ! Pensez-vous n'avoir rien perdu ? Eh bien, je vous affirme que les trésors que vous avez perdus sont inestimables, qu'aucun argent ne pourrait acheter. Vous les avez perdus et vous persistez de penser encore que marche parfaitement. Vous vous réjouissez parce que vous pouvez voir plus loin et plus claire que les autres. Mais vous ne savez pas que plus vous voyez loin, plus vous dépensez votre énergie vitale.

Sur ce point, vous dites : "Maître du Dharma, ce que vous dites déborde mon intelligence, il n'y a aucun principe, aucune preuve.

Puisque vous n'avez pas encore compris ce que je dis, évidemment vous pensez qu'il manque de principes. Mais une fois que vous aurez compris vous saurez que ce que je dis est basé sur du vrai principe.

3. Plus de renaissance.

Les Arhats ne se réincarnent plus éteints. Ne sont plus sujets à la production ni à l'extinction. Ils ont obtenu le niveau de la non-production des Dharmas. Ils ne doivent pas subir de nouveau la naissance et la mort. C'est-à-dire : ils ont fait ce qui devrait être fait et ne subissent plus aucune existence ultérieure. Ils ne tombent plus dans les trois mondes, quoiqu'ils n'eussent pas encore atteint l'Anuttarasamyaksambodhi, le parfait, suprême, éveil. (à suivre)

le mantra shurangama

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

(La suite)

Mantra :

30. Na mwo pe chye pe di

Poème :

Bhagavan est intraduisible à cause de ses nombreuses significations.

Agréable, éblouissant, avec des ornements merveilleux sublimes.

Favorable partout, une renommée universelle.

Honoré et noble, les dieux aussi bien que les humains le contemplant avec admiration.

Commentaire : PE CHYE PE DI signifie Bhagavan. Bhagavan est l'un des dix titres d'un Bouddha, intraduisible parce qu'il contient six significations. Ce sont :

1. A son aise
2. Eblouissant
3. Juste et embelli
4. Renommé
5. Heureux
6. Honoré et noble.

Il y a cinq sortes de caractères intraduisibles. Ce sont :

1. Les termes qui ont beaucoup de sens
2. Les termes qui ont des sens secrets
3. Les termes qui n'existent pas dans les pays des traducteurs
4. Les termes qui sont honorés sacrés.
5. Les termes qui sont trouvés dans la tradition des anciens.

Ces cinq genres de termes sont intraduisibles. Le premier sens de Bhagavan est « à son aise ». Ceci signifie que le Bouddha est omniscient; partout il n'est ni présent ni non-présent. « Eblouissant » désigne la vertu impressionnante du Bouddha, celle-ci est aussi rayonnante qu'un feu qui flamboie. « Juste et embelli » veut dire que le Bouddha a les trente deux marques divines et quatre-vingt

caractéristiques d'un homme supérieur. Il est renommé parce que le nom du Bouddha est universellement connu; tous les êtres vivants connaissant sa réputation. Il est le porte bonheur, car il apporte le bonheur à tous ceux qui le souhaitent, exauçant tous leurs vœux quels qu'ils soient. Il est noble et honoré dans les trois mondes terrestres et célestes par les dieux et les humains.

Bhagavan est intraduisible à cause de ses multiples sens. Parmi les cinq catégories de termes intraduisibles, le mot Bhagavan en est un qui a plusieurs sens et n'est donc pas traduit.

A son aise, éblouissant, avec des ornements merveilleux et sublime, sa renommée se répand universellement. Partout où l'on entend le nom du Bouddha, on bénéficie de bons augures, tout nous est favorable. Il apporte le bonheur partout et à tout le monde. Honoré et noble, les dieux aussi bien que les humains le contemplant avec admiration. Le Bouddha est comme le soleil. Les dieux aussi bien que les humains le contemplant avec respect. PE CHYE PE DI, transcrit aussi comme PE CHYE FAN, a six significations. Elles vous seront très bénéfiques si vous pouvez les mémoriser.

Mantra :

31. Lu two la ye.

Poème :

La suite des esprits célestes et les immortels qui ne sont jamais tourmentés,

Les divinités terrestres et leurs assemblées offrent leur protection.

Aux fidèles pratiquants qui, d'un cœur absolument fervent, pratiquent la vraie voie ils sont constamment protégés et aidés.

C' est pourquoi, on voit jamais apparaître chez eux, le moindre signe de colère ou l'avidité.

Commentaire : LU TWO LA YE désigne les esprits célestes et leurs suites. Les suites des esprits célestes et les immortels jamais tourmentés, les divinités terrestres et leurs assemblées offrent leur protection. Aux fidèles qui d'un cœur absolument fervent, pratiquent la vraie voie, ils sont constamment protégés et aidés, c'est pourquoi, on voit jamais apparaître chez eux, le moindre signe de colère ou d'avidité; ce faisant on pratique ce Mantra authentiquement. De pareils pratiquants sont assistés par les protecteurs du Dharma les bons esprits, et les quatre-vingt mille esprits de la Trésorerie du Vajra. L'essentiel c'est éloigner toute avidité. Autrement, les esprits et les protecteurs du Dharma vous diront : Ah, vous prétendez être un pratiquant. Quel audace vous avez ! Alors que vous êtes toujours furieux cupide. En réalité vous n'êtes pas un vrai pratiquant.

Résultat ils en seront contrariés. Une fois que les Bodhisattvas qui protègent le Dharma sont tous contrariés, il ne vous sera pas facile de pratiquer la voie. C'est pourquoi il est essentiel pour ceux qui pratiquent de déraciner l'avidité, la haine et les vues fausses.

Mantra :

32. Wu mwo be di

Poème :

Un vent violent fougueux, puissant,
Démolissant les maisons, déracinant les arbres, est
tout à fait redoutable.

Même Dhyâna au troisième degré craint cette
catastrophe.

Boulevardé, ravagé par des sentiments de colère et de
haine, on ressemble à ce vent.

Commentaire : WU MWO BE DI est du sanscrit et signifie: « Extrêmement tout puissant, violent et rapide ». Ces mots caractérisent ce vent violent, redoutable. Ils désignent aussi des gens au tempérament coléreux, querelleur, agressif, il reste aussi des vents doux des vents saisonniers des vents qui ne font de mal à personne, des vents tièdes qui apportent le bien être. Comme on dit à propos de l'âge d'or en Chine :

"Tous les cinq jours, soufflait un vent doux.
Tous les dix jours, tombait une pluie violente.
Le vent ne frôlait pas les cimes des arbres.

La pluie n'emportait pas l'humus.
C'était l'époque des Empereurs Yau et Shun".

Un autre poème écrit à propos du sud de Sung parle aussi du vent :

"Au delà des montagnes sont des montagnes
plus vertes.

Au delà des pavillons se succèdent d'autres
pavillons.

Quand le chant et la danse cesseront-ils au lac
de l'ouest.

Le vent chaud se répand, rendant les gens ivres.

Alors ils confondent Hang Chou avec Pien
Chou".

Au delà des montagnes sont des montagnes plus vertes. Au delà des pavillons se succèdent d'autres pavillons. Les pavillons étaient magnifiques et construits de telle manière qu'ils sont interconnectés. Grands et hauts, ils paraissaient posés les uns sur les autres. Quand le chant et la danse cesseront-ils au lac de l'ouest ? Les gens du lac de l'ouest dégoutaient de la glace, mais ils ne buvaient pas de café. A cette époque, en Chine, le café n'existait pas; le café est une invention récente. Le vent chaud s'y répandait. Les gens commençaient à se sentir ivres. Ils se sentaient réellement bien. Le climat était clément et l'environnement paradisiaque. Les gens s'y sentaient tout à fait heureux. Alors ils confondaient Hang Chou avec Pien Chou. Ils étaient si enchantés qu'ils perdaient le contrôle d'eux-mêmes. Ils étaient comme le général Liu Pei dont on disait jadis : Il était si enchanté, qu'il oublia son propre pays.

WU MWO BE DI. Un vent violent a des pouvoirs incroyables, il peut démolir les bâtiments, fendre les arbres jusqu'aux racines et faire rebondir les voitures sur les routes comme des ballons. Il est donc par conséquent incroyablement. Ne contrariez pas les gens au tempérament agressif, fougueux, vous risquez de provoquer leur colère (comme ce vent violent). Les résultats risquent d'être catastrophiques. (à suivre)



Le mantra de la grande compassion

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français: Bhiksuni Dam Nhu

La suite

ous n'avez pas besoin de réciter le mantra de la grande compassion en entier, vous pouvez réciter seulement "Hu Lu Hu Lu Syi Li". Récitez-le cinq fois et puis fois dans une tasse contenant de l'eau, puis faites boire cette eau à un malade, il en sera guéri.

Parfois il n'en sera pas guéri, car tout dépend de vos affinités avec la personne malade. Si vous avez une affinité avec elle quand elle boit votre eau de la grande compassion, elle en sera guérie. Si vous n'en avez pas et que la personne n'aura pas la foi elle n'en sera pas guérie. En général, plusieurs conditions pourraient vous aider à fonder vos affinités du Dharma.

Si vous pratiquez d'un cœur sincère, vous pouvez la boire et vous en serez guéri. Mais si vous n'êtes pas sincère en pratiquant le Mantra, cette eau sera inefficace et le malade n'en sera pas guéri. Même si le malade ne pratique pas la voie, mais s'il est sincèrement croyant, il en sera guéri aussi.

Elle n'est pas efficace non plus pour ceux qui ont des lourds obstacles karmiques. Par contre, pour ce qui ont de légers karmas, elle aura un grand pouvoir de guérison si la pratique du Mantra est sincère et constante.

Alors quelles que soient les circonstances, la réussite est assurée grâce au concours de causes et de conditions. Ne pensez pas aussi: "J'ai pratiqué la main du bol orné et j'ai récité le mantra de la grande compassion dans l'eau pourquoi ça n'a pas

marché!" "Ce n'est pas l'eau de la grande compassion qui est inefficace, c'est simplement votre manque de sincérité qui a diminué son efficacité.

Certaines religions hétérodoxes utilisent l'eau de la grande compassion pour guérir les malades. Le résultat est très efficace. Pourquoi ? Parce que les démons célestes aident ces pratiquants pour gagner leur confiance et celle des gens ainsi ils peuvent les intégrer dans les rangs des démons célestes. Ils ont utilisés la même méthode, seulement les circonstances environnantes et leur objectif sont différents.

La guérison de la maladie au moyen de l'eau de la grande compassion est une manière de pratiquer la Voie du Bodhisattva. Mais si vous voulez pratiquer la Voie du Bodhisattva, vous devez d'abord pratiquer la conduite et les actions d'un Bodhisattva. Vous devez avoir un cœur qui ne garde pas le "soi" ou "les autres" et qui ne



Les fidèles récitent le Sutra de Vesak

retient pas la réalité du soi, des autres, des êtres vivants et de l'existence humaine. Ne pensez pas ainsi: "Je peux guérir les malades quand je récite le Mantra de la Grande compassion, j'obtiendrai une réponse positive". Nourrissant de telles pensées, vous êtes attachés et ayant un attachement vous êtes obstrués par le pouvoir démoniaque. Même sans ces pensées, il vous est assez facile de rencontrer un obstacle démoniaque en pratiquant cette loi, puisque la

plupart des maladies sont causées soit par le Karma soit par les démons. Si la maladie est causée par le Karma, cela ne pose pas de problèmes si vous la guérissez. Mais si elle est causée par un démon et si vous la guérissez, le démon peut venir vous posséder et vous déclarer la guerre. Si votre pouvoir spirituel de la voie est insuffisant, si vous n'avez personne à qui parler, vous pouvez être guidés dans le milieu du démon. Si votre force spirituelle religieuse est assez suffisante, le démon vous évitera mais il essaiera continuellement de trouver une faille pour venir vous déclarer la guerre.

Autrefois, il m'était arrivé souvent de soigner les malades et les guérir. Et c'était mon bon plaisir. Mais plus tard, j'ai rencontré un grand obstacle démoniaque. En Mandchourie, une fois démons les étranges, des monstres de la mer ont essayé de me faire noyer. Ils n'ont pas réussi mais cinquante ou soixante personnes ont trouvé la morte dans le déluge qu'ils ont créé et plus de huit maisons ont été détruites. Plus tard, lorsque j'étais sur le chemin du Tiensin à Shanghai, les monstres de la mer ont essayé de renverser le bateau où j'étais et j'ai pu à peine y échapper. J'aurai pu être transformé en nourriture pour poisson. Depuis, pendant mon voyageais à l'intérieur du pays je ne guérissais que rarement les malades.

La guérison de la maladie est un bon moyen d'établir des affinités avec les gens. Mais c'est aussi facile de créer l'hostilité parmi les hordes de démons. Elle a ses bons et mauvais côtés. Si vous pouvez vous détacher du moi, des autres, des êtres vivants ou de l'existence humaine, alors vous pourrez agir selon votre bonne foi. Mais si vous ne pouvez pas vous vider de ces quatre réalités, il vous serait facile de tomber dans un obstacle démoniaque. Établir des affinités avec les gens la guérison de la maladie c'est une affaire compliquée.

43. Swo la swo la

Entendez-vous le son ? Swo La Swo La ! Il est très violent n'est ce pas ? Il signifie " le pouvoir solide " tellement solide que rien ne peut l'affliger. Il est si solide qu'il peut détruire et conquérir tous les démons célestes et externalistes. C'est la main et œil du pilon Vajra utilisé pour conquérir et vaincre tous les démons indésirables.

44. Syi li syi li

Cette phrase a trois significations. La première est " volonté ferme " comme en guerre; avec une ferme volonté on est toujours victorieux et jamais vaincu.

La deuxième signification est " suprême "; toujours des victoires jamais de défaites.

Troisièmement, elle signifie " favorable " parce qu'on est déterminé, toujours victorieux et par conséquent tout est de bon augure.

J'ai dit à mes disciples, que partout où ils iront, ils seront autorisés à gagner mais pas à perdre. S'ils perdaient, ils ne reviendraient jamais me voir. A quoi bon d'être perdant ? Ce sont des ratés comme on dit en cantonais, " les peausseries ". Dans le Nord de la Chine, nous les appelons " les sacs d'herbes " qui sont en paille et utilisés pour stocker le riz. Ces sacs sont doux, fragiles mais inutiles. Alors souvenez-vous de ceci : Celui qui veut être mon disciple doit être toujours victorieux et doit avoir le pouvoir aussi solide que le pilon de Vajra. Les peausseries ou les sacs d'herbes ne sont pas permis.

Syi Li Syi Li est « la main des paumes jointes » qui pousse les gens à être aimables et respectueux envers les autres. Vous devez vraiment être victorieux, de bon augure et avoir un cœur déterminé. Les paroles ne suffisent pas, il faut agir.

45. Su lu su lu

Cette phrase veut dire " la rosée sucrée ". C'est « la main et œil de la rosée sucrée ». On a déjà beaucoup parlé des bienfaits de cette rosée.

Elle peut rassasier les spectres affamés et leur apporter de bonnes qualités. Elle chasse la faim et la soif, apporte beaucoup d'avantages très favorables.

La rosée sucrée est aussi appelée le remède d'immortalité. Administrée à des personnes agonisantes elle peut les faire revenir à la vie continuer à vivre. Mais, il n'est pas facile d'obtenir la rosée sucrée. Si vous en êtes en possession et que vous la buviez même si vous êtes en agonie, vous ne mourrez pas. (à suivre)

Le Sutra du Vajra Prajna Paramita

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua

Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

VAJRA est une analogie. PRAJNA PARAMITA est une loi. Ainsi le Titre du Sutra est établi par la référence de la Loi et de l'analogie.

Il y a trois sortes de Prajna : Le Prajna littéraire; le Prajna contemplatif; et le Prajna de la réalité. Le Prajna littéraire se reporte aux Sutras. Avec le Prajna littéraire vous pouvez faire engendrer le Prajna contemplatif, qui vous permet de pénétrer à travers le Prajna de la réalité. La vraie réalité est la réalité inexistente, elle n'est pas sans réalité.

Bien qu'essentiellement il n'y ait qu'un Prajna, il peut être divisé en trois aspects, littéraire, contemplatif et vraie réalité.

Prajna est désigne une substance qui fondamentalement est lui-même vide, lui-même faux, et qui est lui-même la voie du milieu. Sans attachement au vide, ni au faux, c'est la voie du juste milieu.

Le terme PRAJNA n'est pas traduit parce qu'il comporte beaucoup de significations.

PARAMITA signifie « arriver à l'autre bord ». Ce qui veut dire accomplir parfaitement tout acte quel qu'il soit. Par exemple, un profane se doit de pratiquer de telle façon qu'il parvienne à la position du Bouddha. On dit qu'il est arrivé à l'autre bord. L'autre bord est opposé à ce bord. Si ce côté n'existe pas l'autre côté n'existerait pas non plus. Ce bord se reporte à la naissance et à la mort, et l'autre bord se reporte au Nirvana. Partant de ce bord où existent la naissance et la mort, traversant la mer des souffrances et des calamités, pour arriver en fin de compte à l'autre bord du Nirvana. Cela s'appelle Paramita.

Subhuti, « le né vide », vous devriez honorer le Sutra du Vajra Prajna Paramita témoigner le plus grand respect, à l'égard de ce Sutra comme si vous le teniez toujours au dessus de votre côté.

Vous devriez protéger et respecter le Sutra du Prajna exactement comme si vous respecter

Bouddha lui-même. Pourquoi? Car il a été dit dans le Sutra : « Partout où se trouve le Sutra du Prajna Paramita, y sont présents le Dharma du Bouddha, l'enseignement du Bouddha et le Sangha. C'est pourquoi vous devriez le vénérer.

“Subhuti, le Bouddha a-t-il parlé du Prajna

SERVIR UN BON PROFESSEUR

“Ne vous laissez pas si vous voulez chercher un bon et sage conseiller. Soyez persévérant et patient. A la demande d'un bon et sage conseiller, n'esquivez pas le travail ou souffrance qu'il pourrait vous infliger. En vous dirigeant vers un bon et sage conseiller, n'ayez pas de pensée de retraite. En faisant des offrandes à un bon et sage conseiller, n'inversez pas ses enseignements.

En étudiant les principes d'un bon et sage conseiller, ne vous exposez pas aux doutes. En écoutant un bon et sage conseiller expliquer les portes de l'échappatoire, ne soyez pas hésitant. En voyant un bon et sage conseiller accepter les activités des affligées, abstenez-vous de critiques et de plaintes.

Envers un bon et sage conseiller, ayez une fois et une vénération profondes et absolues.”

Paramita ?”

Pour se conformer et répondre aux besoins des êtres vivants, le Bouddha, parlait de l'existence du Prajna Paramita. Mais ceux qui ne voient pas plus loin que la vérité ordinaire, développe un attachement pour le Prajna Paramita, ce qui est fondamentalement faux.

“...L'inexistant Prajna Paramita « Au sein de la réelle vérité, le nom n'existe pas. Puisque la vérité est séparée du langage parlé de l'écriture et quand on coupe le langage et l'écriture, la vérité c'est le vide. »

Le Prajna Paramita c'est la vérité réelle donc « c'est le vide, l'inexistant ».

Quand le langage et les mots sont coupés, que resterait-il du Prajna Paramita? Rien. Le lieu où votre cœur pense est parti donc pas de mots pas de langage c'est le vide.

“...Par conséquent il est appelé le Prajna Paramita”. Prajna Paramita ne sont que des mots, rien de plus. Par conséquent, ne vous y attachez pas, ne vous attachez pas à l'existence, ni aux gens, ni aux lois. Si vous dites qu'il y a certainement le Prajna Paramita, cela est un attachement; alors que le Bouddha disait qu'il n'y a pas de Prajna Paramita, il n'y a qu'une vérité.

« Né vide », Subhuti dit le Bouddha, quelle est votre opinion à propos de la doctrine que j'ai expliquée? Il est possible que vous n'avez pas compris ce que je disais à propos du Prajna Paramita. Nous allons éclaircir ce concept.

“Y a-t-il quelque Dharma parlé par le Tathagata ?” Subhuti répondit, “rien n'a été parlé par le Tathagata.” Qu'est-ce que vous dites à propos de cela ? Le Bouddha parlait du Dharma et en même temps il demandait à Subhuti s'il avait parlé du Dharma. Comment devrait-il répondre ? Subhuti lui répondit qu'il n'avait pas parlé du Dharma. Jetant un regard sur Subhuti, Bouddha sut que celui-ci a compris le principe du vide. Il était appelé « Né vide » parce qu'il était le premier qui a compris la doctrine du « vide », il a compris aussi que la vérité, le vrai Prajna, est aussi vide donc ne peut s'exprimer: “Il n'y a rien à parler. Le Tathagata n'a rien parlé.”

La plupart des gens sont incapable de comprendre ce passage du texte. Le Bouddha parlait du Dharma clairement et cependant il demandait s'il avait parlé du Dharma, Subhuti, en plus, répondit qu'il n'avait pas parlé du Dharma. Quelle en est la signification?

Le Bouddha Sakyamuni et Subhuti ont parlé du vrai, réel Prajna. Puisque le vrai, réel Prajna ne réside pas dans la charpente du langage. Qui peut-être exprimée la réalité du vide dans toutes les lois est au delà des mots et du discours. Le Bouddha parlait du Dharma depuis quarante neuf ans et au moment de son départ dans le Nirvana, il dit qu'il

n'en avait pas parlé. Il dit “Celui qui dit que le Tathagata a parlé du Dharma, calomnie le Bouddha parce qu'il est incapable de comprendre ce que j'ai dit.”

“Puisque le Bouddha n'avait pas parlé du Dharma, pourquoi existe-t-il beaucoup de Sutras parlés par le Bouddha?” On peut logiquement se demander. La réponse repose sur la doctrine du Dharma de inconditionné et des êtres vivants qui restent encore dans conditionné.

Le Sutra Vajra dit: « Même les Lois devraient être abandonnées, combien de plus. »

Le Bouddha dit qu'il n'avait pas parlé du Dharma parce qu'il craignait que les gens s'attachent à la réalité du Dharma. Or s'attacher au Dharma est pareil que s'attacher au soi. Résultat même l'attachement au vide doit être brisé. Quand s'ouvre la porte du Dharma du Prajna, même l'attachement au vide doit être aboli.

“Subhuti, qu'en pensez-vous? Les atomes de poussières sont-ils nombreux dans les trois milliers de milliers de grands mondes? Les atomes de poussières se reportent aux particules de poussières invisibles à l'œil nu qui touchent au vide. Si on divise un atome de poussière en sept parties, chacun de ces sept parties est appelée une particule de poussière.”

Dans l'espace vide il existe de multitudes d'atomes de poussières invisibles à l'œil nu. Ce sont des exemples de particules d'atomes qui s'assimilent au vide. Ainsi, le Bouddha demanda si ces particules microscopiques aussi bien que les atomes de poussières invisibles sont-ils nombreux beaucoup dans trois milliers de milliers de grands mondes.

(à suivre)



Les enfants chantent pour offrande à la Fête de Vesak

le Bouddha parle du Sutra d'Amitabha

UNE EXPLICATION GÉNÉGALE PAR
LE VÉNÉRABLE MAÎTRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

Les quatre contemplations de l'esprit

1. La contemplation du corps comme impur :
Vous considérez votre corps comme un objet précieux. Parce que vous pensez qu'il est réel, alors vous en prenez soin puis égoïstement, vous cherchez des profits personnels pour le satisfaire, le combler. C' est pourquoi, sans ce corps, plus d' égoïsme plus d' intérêts personnels.

Nous pensons que notre corps est réel. Égoïstement, nous créons des offenses et commettons de mauvaises actions. Toute la journée, nous n' arrêtons pas de courir dans tous les sens, de calculer, cherchant de la bonne nourriture, des beaux habits, de belles demeures. Un petit bonheur pour satisfaire le corps. Puis arrive le jour où nous mourrons, nous resterons encore dans l' obscurité. « Mon corps meurt », gémissons-nous. Pourquoi et comment cela m' est-il arrivé ? A ce moment là, nous réaliserons que notre corps est irréel mais ce serait trop tard.

Finalement, le corps est-il réel ? Les gens stupides pensent qu' il l' est, mais les sages n' y voient qu' une combinaison pure et simple de quatre éléments: Terre, air, feu et eau. Il n' y a aucune réalité fondamentale.

« Alors, » demandez-vous, « qu'est-ce qui est fondamental ? »

Notre essence naturelle est réelle brillante et illuminante,

Elle est parfaite et non entravée.

Elle n'est nulle part et nulle part elle ne l'est;

A l'extrémité de l'espace vide,

Elle épuise le monde du Dharma.

Notre corps est une demeure temporaire où notre essence naturelle vient habiter pendant un certain temps. Mais le voyageur séjournant dans un hôtel

n'est pas l'hôtel et de la même manière, votre corps n'est pas votre vrai moi. Le voyageur qui pense qu'il est lui-même l'hôtel, se trompe. Si vous comprenez que votre corps n' est simplement qu' un hôtel, vous devriez chercher celui qui habite dedans, une fois que vous l'aurez trouvé, vous reconnaîtrez votre vrai moi.

Dès la naissance, le corps est impur. Une combinaison de sperme du père et du sang de la mère. L'enfant grandit dans la cupidité, la haine, la stupidité, la fierté et le doute. Il commet des offenses, créant le karma de la tuerie, du vol, de l'adultère, du mensonge et de la consommation des produits alcooliques et de la drogue. Le karma de l'offense est donc créé à cause du corps. Mais le corps est-il une chose précieuse, après tout ? Non.

Un bijou précieux est pur et sans souillure, sans tache ni la moindre trace de saleté. Or, notre corps possède neuf orifices qui sécrètent constamment des matières impures : les larmes viennent des yeux, le cérumen vient des oreilles, la mucosité vient du nez...

Il y a des religions dont les adhérents mangent les mucosités ; Ils disent qu'elles ont « l'odeur du cinabre ». Ils mangent aussi les larmes et le cérumen pensant que ces matières sales sont des bijoux précieux. Qu' ils sont pitoyables n' est-ce pas ?

Deux oreilles, deux yeux et deux narines font six orifices. La bouche pleine de phlegme et de salive. Ajoutez à cela l'anus et l'appareil urinaire cela fait neuf orifices. Penseriez-vous que toutes ces sécrétions sont pures ? Tout le monde sait que l'excrément et l'urine sont impurs et si vous ne le croyez pas, mettez-en une pincée dans votre nourriture. Je suis sûr

que personne n' y touchera, que tout le monde va vomir, tellement qu' elle est dégoûtante. Appelleriez-vous ce corps un trésor ? Si c'est un trésor, pourquoi secrètent-ils de pareilles saletés ?

Si vous ne vous lavez pas pendant une semaine, vous éprouvez des démangeaisons et êtes mal à l'aise et une croûte épaisse se forme sur votre corps. D'où vient-elle ? Très bientôt, vous puez d'une odeur que même un chien trouve répugnante. Néanmoins quel est l'avantage d'avoir un corps ? Contemplez le corps comme impur. Si vous voyez comment il est sale, l'aimerez-vous encore ? Y êtes-vous toujours attaché ? A quoi bon d'aimer une pareille saleté ?

« Alors je dois me tuer ? Me suicider ? ». Vous vous demandez. Non, cela n'est pas nécessaire. Vous devez emprunter ce faux corps et s' en servir pour pratiquer la voie. La nature de votre essence demeure dans le corps. Vous êtes entré dans votre corps des cinq skandhas et le yin et le yang vous immergeaient dans une combinaison de pureté et d' impureté (qui est votre corps). Si vous pratiquez, la voie vous pourrez vous surmonter et atteindre la pureté. Si vous ne la pratiquez pas, vous descendrez, créerez le karma de l'offense, vous vous lierez à l' impureté et changerez en fantôme.

Montez, devenez un Bouddha. Pratiquer la voie ou non, cela ne tient qu'à vous, c' est à vous d' en décider. Personne ne peut vous forcer à pratiquer.

Le vénérable Ananda pensait qu' étant cousin du Bouddha, il n'avait pas besoin de pratiquer. Il pensait que le Bouddha lui donnerait le Samadhi. Mais le Bouddha ne pouvait pas faire cela. Après le départ du Bouddha dans le Nirvana, Ananda allait rédiger les Sutras, c' était seulement à ce moment-là qu' il se rendit compte qu'il ne pouvait négliger la pratique. Finalement, il a réalisé la quatrième étape d' Arhaship. Votre corps est impur, souvenez-vous- en ne l' aimez pas trop, ne le considérez pas comme un trésor !

On me frappe, j' ai mal; on me critique, on m' insulte, je ne peux pas supporter.

Vraiment ? Si vous déposez vos attachements et les observez, il n'y aurait ni douleur ni non-douleur. Qui souffre ? Qui vous fait mal exactement ? Ou vous frappe, faites comme si on vous chante une chanson ou vous parle japonais, espagnol ou portugais ou allemand. En tout cas, vous n' y comprenez rien, donc ces insultes ne vous toucheront pas, donc

n' arriveront pas à vous affecter, encore moins à vous mettre en colère, une fois que vous commencez à y voir clair, vous briserez tout attachement à votre corps, vous vous libérerez totalement.

Considérez votre corps comme impur. Ne lui accordez pas beaucoup d'importance. Rien n' est important.

Considérez comme impurs également, même les sentiments, les pensées et les dharmas.

2. Considérez les sentiments comme la souffrance : Les sentiments peuvent être agréables, désagréables ou neutres, les sentiments désagréables résultent de la souffrance dans la souffrance, les sentiments agréables donnent naissance à la souffrance de la déchéance et les sentiments neutres suivent la souffrance du processus. Réveillez-vous ! Tout ce dont vous vous réjouissez est une forme de souffrance. Si vous savez que tout plaisir est une forme de souffrance, vous n' y serez pas attaché. Je dis souvent :

Subir la souffrance met fin à la souffrance;
Jouir les bénédictions détruit les bénédictions.

Si vous arrivez à surmonter votre souffrance, elle passera. De même si vous vous réjouissez de vos bénédictions, elles passeront aussi. Contemplez les sentiments comme la souffrance.

Le corps, la pensée et les dharmas aussi sont la souffrance. Chacune des quatre contemplations de l'esprit, comporte quatre caractères : l'impureté, la souffrance, l'impermanence et l'absence du moi qui peuvent être appliquées sur le corps, les sentiments, les pensées et les dharmas, faisant seize contemplations en tout. (à suivre)

Le Sutra en Quarante Deux Chapitres Parlé par le Bouddha

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

**Traduit par Kashyapa Matanga et Gobharana a
la fin de la dynastie Han.**

Commentaire :

Kashyapa Matanga et Gobharana étaient deux Maîtres du Dharma de l'Inde. Ils traduisaient ensemble ce Sutra sous la dernière Dynastie des Hans.

La Dynastie des Hans était divisée en deux : Les Hans de l'Est et les Hans de l'Ouest. Ici, il s'agit des Hans de l'Est.

Dans les Hans de l'Est, à la troisième année sous le règne de Yung P'ing (62 A.D.), l'Empereur Ming avait fait un rêve. Il rêvait d'un homme en or portant une couronne brillante de lumière, il flottait dans le vide du palais où trônait l'empereur. Le lendemain, il fit venir un officier astrologue pour s'informer à propos de ce rêve.

Celui-ci lui disait : "J'ai entendu dire qu'en Inde, il existe un Saint unique que les gens appellent Bouddha. Celui que vous avez vu dans votre rêve majesté, est certainement Bouddha."

Un savant nommé Wang-Tsun disait aussi à l'empereur : "Sous la dynastie de Chon, il y avait un livre où étaient enregistrés, tous les événements étranges.

Notamment, il a été écrit:

Le Bouddha était né sous la Dynastie de Chon pendant

les vingt-six années du règne du Roi Chao (C.1025 B.C.).

Durant ce temps, les ruisseaux et les rivières débordaient les rives, la terre entière tremblait et une lumière de cinq-couleurs perçait dans le ciel.

A l'époque, un astrologue, devin nommé Su-Yu. Consultait le I Ching avait l'hexagramme Chien, neuf dans le cinquième endroit voyant, "les dragons voler dans les cieux," il en déduit qu'un grand sage serait né à l'Ouest, en Inde. Ce Sage

transmettrait un enseignement en Chine mille ans après. C'est ce qu'a prévu l'astrologue Su-Yu.

A cette époque, le Roi Chao de Chon ordonnait que tous les détails de l'événement soit sculptés dans la pierre et que la pierre soit ensuite enterré à un certain endroit au Sud de la ville pour voir si l'événement se passerait réellement, dans mille années à venir, et si l'enseignement du Bouddha serait réellement transmis en Chine.

Mille ans plus tard, sous la Dynastie des Chon, pendant le règne du Roi Ming, survint un grand tremblement de terre qui secouait le ciel et la terre. Un arc-en-ciel blanc avec douze raies arçait à travers le soleil.

A cette époque, il y avait un autre astrologue nommé Hu-to qui utilisait aussi le I Ching pour calculer les hexagrammes, d'après son calcul, il prévoyait qu'un grand sage apparaîtrait à l'Ouest en Inde, pendant la Dynastie de Chon en Chine, durant les vingt-six années de règne du Roi Chao, ce grand sage était venu au monde et maintenant, il est entré dans le Nirvana." Quoique le Bouddha ait apparu dans le monde et qu'il soit entré dans le Nirvana en Inde, et pourtant en Chine, on l'avait su déjà bien longtemps auparavant. Donc, l'apparition du Bouddha dans le monde n'était pas un événement du hasard.

De la dynastie du Roi Chao à la dynastie des Ming fin de la dynastie des Han, environ mille ans, s'étaient coulés l'Empereur Ming des Hans fit le rêve à propos du Bouddha, il ordonna T'sai-Yin, Ch'in-Ching, Wang-tsun, et bien d'autres de se rendre en Inde à la recherche l'enseignement du Bouddha. En Inde, ils ont rencontré Kashyapa Matanga et Gobharana et ces deux grands disciples du Bouddha les suivirent en Chine. Ils arrivèrent à Loyang dans la dixième année du règne de Yung-P'ing (69 A.J). Ils apportèrent les Sutras sur un cheval blanc, par la suite l'Empereur des Hans construisait un monastère qu'il nommait Monastère du Cheval Blanc. Là, ils traduisaient le Sutra en Quarante-deux Chapitres parlés par le Bouddha, ce fut, le premier Sutra transmis en Chine.

A cette époque en Chine, le Taoïsme était florissant. Les maîtres Taoïstes furent jaloux quand arriva le Bouddhisme en Chine, les maîtres du Taoïsme devenaient jaloux. Dès la quatorzième année du règne de Tung-P'ing, ils en

avaient assez. Le jour du nouvel an, ils rencontrèrent l'empereur et lui dirent que le Bouddhisme était une religion barbare, inconnue et que par conséquent, elle ne devrait pas séjourner, encore moins, se répandre en Chine.

"Vous devriez abolir le Bouddhisme," conseillaient-ils fortement. Ou, au moins, faites organiser une compétition entre le Bouddhisme et le Taoïsme et on verrait lequel l'emporterait.

- Comment suggérez-vous que la compétition soit organisée. Demanda le roi.

- Que les textes parlés par le Bouddha et ceux du Taoïsme soient mis en tas, et qu'on y mette le feu. Ceux qui ne seront pas brûlés, gagneront la compétition. Car ce sont les véritables Sutras.

Au quinzième jour du nouvel an, le Maître Taoïste et le chef Ch'u Shan-hsin et les cinq-cents autres Maîtres Taoïstes se rassemblèrent à la porte du Sud du Monastère du Cheval Blanc. Ils mettaient les textes Taoïstes et les textes Bouddhistes ensemble et puis prièrent le Vieil Homme Mont T'ai, en disant, "Seigneur Divin, le Seul Vertueux de la Voie, s'il vous plaît, accordez-nous une réponse efficace faites que nos textes Taoïstes ne soient pas brûlés et que les Sutras Bouddhistes le soient."

À l'époque, plusieurs maîtres Taoïstes possédaient des pouvoirs spirituels. Ils pouvaient monter dans le brouillard et se cacher sous la terre, se volatiliser. Ils utilisaient les sortilèges et les formules magiques de la religion Taoïste pour obtenir les pouvoirs spirituels. Mais quand le feu était allumé, devinez ce qui s'est passé ? Non seulement les Sutras Bouddhistes ne furent pas brûlés mais lancèrent de la lumière, une lumière aux cinq couleurs aussi brillante que le soleil, illuminant le monde entier. La lumière brillait dans l'espace vide et formait un grand dais qui couvrait toute l'assemblée de la grande réunion.

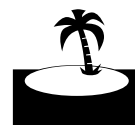
Dès qu'on a mis le feu les textes Taoïstes furent brûlés. Et ceux qui avaient pu auparavant monter sur les nuages disparaître dans le brouillard ne pouvaient plus rien faire. Ils perdaient tous leurs pouvoirs spirituels. Ils ne pouvaient plus ni voler, ni se cacher sous la terre, ni disparaître, alors qu'auparavant, ils pouvaient voler, se cacher sous la terre ou disparaître selon leur volonté, même leurs magies n'étaient plus efficaces, plus aucune réponse. Les textes Taoïstes furent brûlés vivement et les maîtres Taoïstes Ch'u Shan-hsin et Feu Cheng-Ching moururent de rage.

Au milieu de la fureur des maîtres, deux ou trois cents de leurs disciples se rasaient la tête sur place et devenaient des moines Bouddhistes. C'était la première fois que le Taoïsme et le Bouddhisme en venaient aux prises, les Taoïstes étaient vaincus.

Après que les livres aient été brûlés, seuls les deux Vénérables Kashyapa Matanga et Gobaharana montèrent dans l'espace vide et manifestèrent les dix-huit transformations d'un Arhat. La partie supérieure de leur corps jetait de l'eau, la partie inférieure lançait du feu; le haut de leur corps lançait du feu, le bas jetait de l'eau; dans l'espace vide ils marchaient; s'allongeaient se couchaient librement, selon leur volonté.

Émerveillés par ces manifestations, l'empereur et tous ceux qui étaient présents se mirent tous à croire au Bouddhisme.

Ainsi, le Bouddhisme était transmis en Chine, et c'était Le Sutra en Quarante-deux Chapitres parlés par le Bouddha qui était traduit en premier. (à suivre)



le sutra du sixième fondateur

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

La transmission de l'esprit à l'esprit s'est réalisée, à part le langage, l'écriture à la caractéristique de l'esprit conditionné, toutes les apparences physiques. Seuls les sages étaient capables de comprendre; les profanes n'ont aucune idée de ce qui se passe. C'est une connaissance mutuelle de l'incarnation du principe de la vraie vérité.

Près de huit ans après, en mai 1968, le Maître Vénérable Yün envoya au maître un document intitulé « Le Trésor de l'œil du Dharma orthodoxe : L'origine des Bouddhas et des Patriarches. » Le document portait les cachets du monastère de Yün-chu et du Vénérable Yün. Il

servait de certification tangible et publique de la transmission de l'esprit à l'esprit depuis le Vénérable Yün jusqu'au Maître, cela se passait pendant leur première rencontre en 1948.

En 1950, Le Maître donnait sa démission du poste de directeur de l'Institut Nan Hua au monastère Nan Hua pour se consacrer à l'étude du Vinaya et séjournait à Hong Kong où il vivait dans une grotte dans la montagne dans les nouveaux territoires. Il restait dans la grotte jusqu'à l'arrivée de la grande affluence des membres de Sangha qui s'enfuyaient de leur pays natale et qui avaient besoin de son aide pour établir les nouveaux monastères et temples partout à Hong Kong. Il construisait personnellement deux temples et une salle de conférence et aidait les autres dans la construction de beaucoup d'autres. Il restait à Hong Kong pendant douze ans, durant lesquels, beaucoup de gens étaient influencés par sa pratique assidue et sa manière impressionnante, ce qui les a poussés à prendre refuge auprès du Triple Joyaux, à pratiquer la porte Dharma de la récitation du nom du Bouddha et à soutenir la propagation du Dharma du Bouddha.

En 1962, le Maître portait la bannière du Dharma du Bouddha loin à l'ouest vers les rivages de l'Amérique où il s'établissait dans une résidence à San Francisco, pratiquait la méditation et attendait que les causes passées soient mûries pour récolter leurs fruits. Au début de l'année 1968, le Maître a déclaré que la fleur du Bouddhisme allait s'épanouir cette année en Amérique avec cinq pétales; l'été de cette année, le Maître présidait un séminaire de pratique sur le Sutra SHARANGAMA qui durait 96 jours. Parmi les gens qui assistaient à cette session, cinq d'entre eux ont quitté la vie de famille pour devenir des bhikshus et Bhikshunis sous la direction du Maître. Depuis ce moment, plus de vingt personnes ont quitté la vie de famille pour la vie monastique sous sa direction.

Depuis 1968, le Maître a fait des commentaires complets sur le Sutra du COEUR, le Sutra du DIAMANT, le Sutra du SIXIEME PATRIARCHE, le Sutra AMITABHA, le Sutra des SERMENTS PASSES DU BODHISATTVA DE L'ENTREPÔT DE LA TERRE, le Sutra DE LA GRANDE COMPASSION DU CŒUR DHARANI, Le Sutra DU DHARMA DE LA FLEUR, Le Sutra en QUARANTE DEUX CHAPITRES, le VINAYA

SHRAMANERA et beaucoup d'autres. Juin 1971, le Maître réunissait une Assemblée de Dharma pour discuter sur le roi des Sutras, l'AVATAMSAKA. Avec une telle vigueur infatigable, le Maître a fermement planté les racines de Dharma dans la terre de l'occident afin que le Dharma du Bouddha puisse y rester éternellement. Il a passé plusieurs heures chaque

CHAMPS DES BENEDICTIONS

La vertu commence avec les pratiques filiales envers nos parents.

Nos parents sont comme le soleil et la lune,

Comme le ciel et la terre.

Ils représentent les champs domaines de bénédictions,

Dans lesquels nous pouvons planter les graines de la bonté,

Qui rapportent des récoltes abondantes.

jour pour expliquer les enseignements et leur application dans la pratique, qui dant ainsi ses disciples pas à pas dans le nectar du Dharma afin qu'ils puissent poursuivre les enseignements du Bouddha.

Les évènements miraculeux qui ont eu lieu dans la vie du Maître étaient trop nombreux pour raconter dans ce court exposé. Ce court résumé nous apprend seulement comment le Maître avait pratiqué la voie. Dans le but de fonder l'enseignement du Bouddha sur le sol occidental, il pratiquait d'un cœur absolument dévoué, désintéressé.

L'INTRODUCTION DU MAITRE TRIPITAKA HUA

Tous les Sutras sont des guides pour aider les gens dans la vie pratique. Ils peuvent être enseignés par les Bouddhas, les Bodhisattvas, les Patriarches ainsi que les Arhats, et les dieux. Bien qu'ils servent tous le même but, les doctrines elles-mêmes se diffèrent.

Les Sutras enseignés par le Bouddha étaient traduits en Indien et en chinois. En Chine, tous les Sutras sont des traductions excepté « Le Sutra du SIXIEME PATRIARCHE », enseigné par lui-même LE SIXIEME PATRIARCHE », était Grand Maître chinois. Le sixième patriarche. Le Grand Maître était à l'origine un paysan analphabète. Dès qu'il a entendu la phrase du Sutra du Vastra qui dit « on devrait produire cette pensée qui est nulle part soutenue » il éprouvait une désillusion et allait à Huang Mei pour se rapprocher du Cinquième Patriarche, le Grand Maître Hung Jen. Celui-ci lui transmettait le merveilleux Dharma, « se servant de l'esprit pour cacheter l'esprit », selon la succession respectée patriarcale. Le Sixième Patriarche héritait cette porte-Dharma du sceau de l'esprit et continuait à mettre en pratique la vie de la sagesse du Bouddha dans son œuvre du Sutra du SIXIEME PATRIARCHE.

Maintenant, il a été traduit en Anglais et la Porte du Dharma du Sceau de l'esprit du Bouddha était de ce fait transmis à perpétuité à l'ouest. Il est souhaitable que les occidentaux le lisent, le récitent et l'étudient ainsi tous deviendront des Bouddhas, des Bodhisattvas ou des Patriarches. C'est l'objectif principal de cette traduction. Que tous ceux qui le voient, l'entendent, accomplissent rapidement la voie de Bouddha.

Partout où se présente ce Sutra, le Dharma orthodoxe est présent poussant les êtres vivants à accomplir rapidement la Bouddhité ; telle est l'importance de cette nouvelle traduction. Le Sutra est en effet un trésor ; c'est le vrai corps du Bouddha, le père et la mère compatissants de tous les êtres vivants. Il peut faire naître des Bouddhas, des Bodhisattvas et des Patriarches illimités ! Que tous ceux qui, à l'ouest, lisent maintenant ce Sutra réalisent le Bodhi et accomplissent la Voie de Bouddha !

Les Sutras contiennent la précieuse sagesse du Bouddha. Pourtant, certains savants (permettons-nous de les appeler « des mangeurs d'ordures ») prétendent que LE SUTRA SHURANGAMA n'était pas enseigné par le Bouddha. C'est absolument faux, et j'ai fait le vœu suivant : si le SUTRA SHURANGAMA est faux, je sombrerai pour toujours dans les enfers.

Ch'ang Pai-shan Seng

San Francisco Août 1977 (à suivre)

Garder et Repenser ses richesses

Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

Il était une fois deux frères orphelins de père et de mère qui héritaient d'une grande fortune. Ils étaient désolés de ne pas pouvoir exprimer leur pitié filiale envers les parents.

Le temps passait vite. Les deux frères n'avaient pas les mêmes aspirations ni les mêmes goûts et désirs. L'aîné aimait les principes moraux, pratiquait la charité et épuisait progressivement l'héritage parental. Le cadet, par contre, c'était fasciné par la richesse, déployait ses efforts dans le commerce, grossissant ainsi sa fortune. Désolé devant la manière de vivre de son aîné, le cadet s'était adressé en ces termes à son frère : "Jeunes, nous perdions nos parents qui nous ont légué une fortune. Notre devoir c'est de conserver et faire fructifier cette fortune, ce qui rassurerait nos parents dans l'autre monde ; c'est un signe de pitié filiale. Au contraire de cela, tu ne fais que courir après les moines Bouddhistes, écouter les Sutras, ce n'est pas cela qui te rapporte quelque argent. Ta famille s'appauvrit de jour en jour, ta fortune fond comme neige au soleil, ce qui pourrait attrister les âmes de nos parents et provoquer la risée de nos voisins".

"Je conçois bien tes propres, dit l'aîné. Ce sont des pensées à courte vue. Tu penses que conserver et développer notre héritage est un signe de pitié. Mais à mon avis, cela ne profite qu'à nous-même et non aux âmes de nos parents. J'observe scrupuleusement les cinq interdits du Bouddhisme, pratique les dix actes bons, prend refuge dans les Trois Joyaux, prie pour la libération samsarique des âmes de nos parents ; c'est cela la véritable pitié filiale. Voie religieuse et vie mondaine s'opposent. Ce que Bouddha nous enseigne comme bonheur et vertu, l'homme de la rue considère comme peu valorisant et méprisable. Le plaisir d'aujourd'hui est à l'origine des passions néfastes. Je ne cours pas après ces plaisirs éphémères. L'homme d'esprit recherche le bonheur éternel" !

Le frère cadet, constatant sa différence de vue envers son aîné, acquiesça sans être convaincu. L'aîné, de son côté, connaissait l'hédonisme incorrigible de son frère ; retournait à ses occupations spirituelles religieuses. Bientôt, il quittait le foyer familial, revêtait l'habit de moine Bouddhiste, pratiquait la vertu et la Dhyana avec persévérance, contrôlait minutieusement paroles, pensées et gestes, acquérait finalement l'état d'Arhat.

Le frère cadet ne montrait aucune allégresse devant la réussite spirituelle de son aîné, continuait ses activités matérielles et commerciales comme avant jusqu'à plus soif ; ne s'intéressait aucunement aux questions religieuses. Finalement, la fortune ne peut prolonger la vie terrestre ; l'homme meurt les mains vides ; seul persiste le karma qui le suit dans le Samsara.

Ainsi, le cadet des deux frères s'était réincarné dans le corps d'un buffle vendu à un négociant comme bête de trait d'une voiture transportant du sel. Il s'agissait d'une besogne pénible demandant beaucoup d'effort de la bête qui n'arrêtait pas de recevoir des coups de fouet. Spectacle pitoyable ! Pendant ce temps, le frère aîné passait qui

POURQUOI LE DESACCORD SURGIT-IL ?

La raison qui provoque des guerres et des conflits,
Des querelles dans les familles,
Des divorces, des séparations et des enfants malheureux,
C'est parce que les gens oublient leurs racines,
Et négligent leurs devoirs filiaux.
Si nous "retournons à notre origine et solidifions nos racines,"
Les familles seront harmonieuses.
Les gens s'entendront bien,
Et le monde ne sera pas harcelé de combats.

reconnaissait, grâce à son don de vue, son frère cadet sous la peau du bovidé.

L'aîné dit au buffle : "Frère ! Tu avais ramassé beaucoup d'argent dans ta vie antérieure. Où est cet argent maintenant ? Tu avais méprisé la

religion et affectionné les richesses matérielles prétendues t'apporter toutes sortes de plaisirs. Cet argent ne peut te faire t'évader de ton état de bovidé et te réincarner en homme".

Alors, l'aîné par sa force spirituelle d'Arhat, permettait au buffle de revoir sa précédente kalpa d'homme cupide négligeant les conseils judicieux de son frère . . . Mais il est trop tard !

Pour sauver son frère, l'aîné proposait au propriétaire du buffle de lui revendre la bête après lui avoir raconté toute l'histoire entre les deux frères depuis le début. Le propriétaire écoutait, secoué par des tremblements de peur, et proposait d'offrir le buffle au moine.

Ce dernier conduisit le buffle au temple Bouddhiste, le libéra, lui apprenait à prier et à prendre refuge dans les Trois Joyaux. Peu de temps après, le buffle mourait et gagnait le monde des Trente Trois Cieux (Trayastrimsa).

Le négociant propriétaire du buffle, ainsi convaincu de l'existence de la réincarnation, s'adoptait à la religion, pratiquait la vertu en se débarrassant des passions originelles.

Conclusion : Faire beaucoup d'efforts pour gagner des richesses d'ordre personnel est éphémère et illusoire. A l'inverse, l'argent dépensé pour apporter bonheur et aide aux autres constitue nos vraies richesses. Toute cause produit son effet, c'est une loi immuable.

Prosternons-nous du fond du cœur devant Bouddha

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

« Toute pensée, toute prière arrêtées, apparaît
la vraie richesse,
Tout désir disparu, apparaît le vrai champ de
mérites. »

Tous les jours, nous pratiquons la Voie Bouddhiste sans connaître le vrai Bouddha. Nous nous attachons à une apparence extérieure au lieu de rechercher Bouddha dans sa vraie nature originelle. La vraie nature du Bouddha, la clarté de la sagesse originelle apparaît au moment où disparaissent tout désir et tout attachement. La

sagesse est absente là où sont présents des désirs personnels, et là où se présente la sagesse, disparaissent les désirs personnels. Et pourtant, la sagesse est inséparable des désirs personnels, et les désirs personnels ne se détachent pas de la sagesse. L'affliction c'est l'esprit Bodhi, tandis que la naissance et la mort sont le Nirvana. Si vous arrivez à surmonter vos afflictions, vous atteindrez l'esprit Bodhi ; et si vous voulez mettre fin à la naissance et la mort, vous ne les créez plus, alors vous parviendrez au Nirvana. Tout le monde subit la loi de la naissance et la mort, mais si vous arrivez à éliminer tous vos désirs et vos attachements, vous en êtes libérés. Tant que vos désirs et vos attachements ne sont pas totalement éliminés, subsiste toujours la loi de la naissance et la mort.

« Tu » (personnel) signifie : propre à chaque personne, connu seulement par soi-même. « Tu Dục » (désirs personnels) signifie : montrer le bon côté pour que tout le monde voie et cacher le mauvais côté, espérant ainsi sympathiser avec les autres. C'est pourquoi, vous êtes esclaves de vos désirs personnels. Ils vous poussent à mentir, à tromper, à confondre le bien et le mal, le noir et le blanc. Si vous êtes libérés de tout désir, tout attachement, alors apparaîtra la lucidité de votre sagesse originelle préexistante, vous n'aurez pas besoin d'aller la chercher ailleurs. Nous sommes nés en ce monde, à travers tous nos faits et gestes, nos paroles, nos tâches, nous devrions toujours réfléchir, faire l'introspection.

Vous devriez vous dire : « Ne donne pas aux autres ce que je n'aime pas ». Autrement dit : si cela vous déplaît, n'en faites pas l'aumône aux autres. Ainsi disaient les anciens : « Les gens même extrêmement stupides sont très clairvoyants devant les défauts des autres, mais ne voient pas leurs propres défauts ». Cela veut dire : il existe des gens même extrêmement stupides qui pourtant voient très clairement le moindre défaut, la moindre maladie des autres, d'une façon bien ordonnée, et qui sont capables de les raconter de long en large, d'en discuter indéfiniment ; mais quand il s'agit de leurs propres fautes, ils sont tolérants, indulgents, essayant de les camoufler, les cacher. Ce sont précisément « ces sentiments personnels » qui vous poussent à commettre des erreurs, qui vous aveuglent et qui vous pardonnent finalement.

Un sage, au lieu de reprocher les autres, se reproche lui-même, au lieu de se pardonner, pardonne aux autres, agissant ainsi, comment ne peut-il pas parvenir au niveau des Saints et des Sages ? Si vous êtes sage, intelligent, sachant se reprocher au lieu de reprocher les autres, vous devriez toujours réfléchir, faire votre examen de conscience ; faites preuve d'indulgence, pardonnez aux autres comme vous vous pardonnez vous-même, ce que vous détestez, n'en faites pas l'aumône aux autres ; devant une bonne action, investissez-vous totalement, ainsi vous parviendrez certainement à la position des Saints, et si vous agissez toujours aussi correctement et justement, vous obtiendrez même le fruit de la Bouddhité.

C'est pourquoi, au lieu de vous prosterner devant la statue du Bouddha, vous feriez mieux de vous prosterner devant votre propre Bouddha, c'est-à-dire : vous respectez vous-même, à chaque instant considérez vous comme un Bouddha, comme BodhiSattva Avalokitecvra. Ainsi, vous auriez fait de réelles prosternations, de réelles pénitences, de réelles récitations du nom du Bouddha. Si vous n'agissez pas ainsi, mais vous pratiquez : « la méditation verbale », en imitant les autres : je fais ce que font les autres, ils se prosternent devant Bouddha, j'en fais autant, ils récitent le nom du Bouddha, j'en fais autant, ils mangent, j'en fais autant, finalement vous ne pourrez jamais vous libérer du cycle de la naissance et la mort.

Vous devriez avoir les pieds sur terre, agir selon la vérité. A Taïwan, vivait une Bhiksuni, elle portait un nom bouddhiste : Phước-Huê (mérite et sagesse). A vingt ans, elle était mariée, avait deux enfants, puis est devenue veuve à vingt cinq ans ; ayant vu et bien compris le caractère éphémère et non permanent de ce monde, elle s'est convertie. Pas de beaux habits, pas de bonnes nourritures, pas de belle maison, elle venait à la pagode, offrait ses services, cachait son nom bouddhiste, guérissait les malades au moyen de son « eau compatissante », sans dire un mot, n'acceptant aucune reconnaissance, ainsi elle pratiquait la Voie. Vous aussi, devriez pratiquer la Voie de cette façon honnête, sinon même les offrandes de grandes pagodes, de grosses fortunes ne serviront à rien, vous subirez toujours la loi de la naissance et la mort. Par conséquent, vous devriez pratiquer

la Voie de toutes vos forces, vous examiner constamment pour voir si votre cupidité est-elle éliminée ? Ainsi que votre colère et votre stupidité ?

En tant que moines, nous devons pratiquer assidûment : les règles, la méditation et la sagesse. Avez-vous réussi à éliminer votre cupidité, votre colère et votre stupidité ignorante ? Si oui, vous n'auriez pas vécu inutilement, vous ne vous seriez pas fait moines inutilement, vous n'auriez pas été disciples de Bouddha inutilement. Nous devons tourner nos regards vers l'intérieur, prier nous-mêmes, cultiver nous-mêmes :

« Reconnaître nos erreurs

Ne pas dévoiler les fautes d'autrui

Considérer les fautes des autres comme nos propres fautes

Reconnaître que nous avons tous la même nature

C'est là où réside l'immense compassion »

Pourquoi vous ai-je dit tout cela ? Car beaucoup de gens en ce monde attrapent des maladies étranges. Les malades n'arrêtent pas de reprocher Dieu et les autres, disant que Dieu n'est pas juste, pourquoi suis-je malade ? Mais pas les autres ? Alors, ils se mettent à haïr Dieu, à haïr tout le monde, ne sachant pas que c'est la conséquence des causes qu'ils ont semées dans le passé.

Dans les vies antérieures, ils avaient probablement commis beaucoup d'actes meurtriers : attraper des souris, pêcher des poissons, tuer des bœufs, des moutons, des chiens, des poules, etc ... Ils en avaient beaucoup tués, c'est pourquoi cette vie présente, ils contractent ces maladies étranges.

Lors de mon séjour à Hongkong, j'ai rencontré une malade, âgée de soixante ans, la plus âgée parmi mes disciples, illettrée, malentendante mais aimait bien écouter mes causeries sur les Sutras. Comme elle voulait absolument écouter tout en étant sourde, à chaque fois, elle a dû grimper les trois cents marches d'escalier pour écouter.

Le 02-05 d'une certaine année, je présidais l'ouverture d'une conférence sur le Sutra d'Amitaba, soudain, elle a pu entendre : « Nam Mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát ». Pourquoi était-elle sourde ? Parce que, dans une vie antérieure, elle avait bien aimé écouter furtivement les conversations des autres ; résultat, cette vie présente, elle subissait les mauvaises

conséquences, mais heureusement, malgré sa surdité, elle aimait tant écouter les Sutras, touché par tant d'ardeur et de sincérité, Bodhisattva lui rendit son ouïe. Néanmoins, cette vieille dame devait encore subir un autre mauvais karma. Dans une vie antérieure, elle ne croyait pas qu'on puisse attraper des maladies étranges. Résultat : cette vie présente, elle devait goûter la souffrance d'une maladie étrange. Qu'est-ce c'est que cette maladie ? Elle avait toujours faim, même en mangeant plusieurs repas par jour. Ni les médecins occidentaux, ni les médecins orientaux n'arrivaient à la guérir.

A l'époque, tous les samedis, je transportais de Tây-Lạc-Viên à la montagne Đại-Tu : trente kilos de riz et de l'huile pour approvisionner ceux qui vivaient sur la montagne. Et lundi matin je descendais ; le 14-02 de cette année là, je revenais à l'assemblée un peu plus tôt. Me voyant arriver, elle m'appela : « Maître, maître, quelqu'un parle dans mon ventre », disait-elle. C'est étrange n'est-ce pas ? Je lui répondis : « Vous êtes trop âgée pour être enceinte ; d'ailleurs, il n'est pas encore né, comment peut-il parler ? Et qu'est-ce qu'il a dit ? » Et elle m'a raconté : « Dès le matin, de très bonne heure, j'ai pris de la farine de riz, de blé, j'en ai fait un gâteau, n'ajoutant rien d'autre, même pas de l'huile, j'ai fait cuire le gâteau et je le mangeais ; aussitôt, dans mon ventre, la voix me disait : « Je ne veux pas de ce gâteau ». Je lui disais : « Qu'est-ce que tu veux manger ? Tu as déjà une chance d'avoir à manger, qu'est-ce tu réclames encore ». Il ne disait plus rien ».

Je lui disais : « Bien, rentrez chez vous. Ce soir, avant de dormir, regardez bien s'il y a quelque chose d'insolite ».

Effectivement, avant de dormir, elle a vu une apparition anormale : Bodhisattva Skanda (génie protecteur de la doctrine) apparut, tenant dans sa main un bol de soupe chinoise, il renversa le contenu par terre, la vieille dame vit alors trois petits enfants bien gros sortir de son ventre, ils se précipitèrent sur le bol de soupe et essayèrent de se l'arracher. Profitant de la dispute, Bodhisattva Skanda tira leurs oreilles les emporta. Le ventre de la vieille dame redevint normal. A partir de ce moment, elle n'avait plus faim constamment comme auparavant.

Comment a-t-elle contracté cette maladie étrange ? Une nuit, elle a rêvé et dans son rêve elle a vu trois petits enfants courir vers elle et entrer dans son ventre. Et à partir de ce moment, elle a contracté cette maladie de la faim. Ces trois petits enfants peuvent être, ou bien des esprits affamés, ou bien des démons. Pourquoi a-t-elle contracté cette maladie ? Parce que dans le passé lointain, elle n'avait pas cru à la parole d'une personne atteinte de cette maladie et en était guérie. Non seulement, elle ne l'avait pas crue, mais disait que c'était un pur mensonge. A cause de cette incrédulité, cette vie présente, elle a contracté cette maladie.

Nous devons apprendre la méthode pédagogique du Bouddha

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua
à la pagode Kim-Sôn, Canada le 03/07/1989
Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

Apprendre le personnage du Bouddha implique de connaître clairement notre objectif. Si nous apprenons le personnage du Bouddha c'est parce que nous voulons dans le futur devenir Bouddhas. Si vous ne voulez pas devenir Bouddhas, ne prenez pas la peine d'apprendre son personnage. Et si vous voulez apprendre le personnage du Bouddha, vous devriez apprendre la force de ses vœux, ses actions et ses pensées.

La force des vœux du Bouddha consiste à réaliser non seulement sa propre bouddhité, mais aussi celle de tout être vivant, car tout être vivant possède la nature du Bouddha, et peut devenir Bouddha. Mais puisqu'il était depuis d'innombrables générations, enchaîné par ses illusions, ses attachements, il n'a pas pu Le devenir.

En quoi consistent ces illusions ? Elles se résument en un seul mot : la cupidité. Sans la cupidité, il n'aurait pas d'illusions, il se contenterait de ce qu'il a, il s'en serait satisfait, n'en serait pas malheureux car celui qui accepte son sort est heureux et celui qui n'accepte pas son sort est toujours malheureux. Pourquoi on ne se contente pas de ce qu'on a ? A cause de sa cupidité. Et

pourquoi on se contente de son sort ? Parce qu'on est dépourvu de cupidité. Disons simplement que « la mer des souffrances est immense, mais si nous retournons la tête, nous verrons le rivage ». Or, notre cupidité, plus élevée que le ciel, plus épaisse que la terre, plus profond qu'un gouffre sans fond, comment voulez-vous le combler ?

Qu'est-ce la cupidité ? Vous voulez obtenir tout ce que vous souhaitez, une fois obtenu ce que vous avez souhaité, vous désirez encore davantage. Ce sont des pensées cupides. Cette cupidité est innée chez l'être humain. Elle est présente dans tous les domaines : il y en a qui sont cupides de richesse, de fortune, d'autres de forme, de célébrité, de nourriture, de sommeil. A cause de ces pensées cupides, l'être humain est toujours préoccupé, jour et nuit, à calculer, à comploter afin d'obtenir davantage, créant sans cesse de mauvais Karmas et pourtant, se sent toujours insatiable, inassouvi. C'est pourquoi cherchons un moyen pour combler notre propre gouffre de cupidité. Tant que ce gouffre n'est pas comblé, à nos yeux, tout a une vraie valeur, on veut tout accaparer y compris les ordures, on veut tout ramasser, tout accumuler et on pense qu'il n'y a que ça qui compte. Pourquoi ramasse-t-on même des ordures ? Comme on ne peut pas se débarrasser des attachements, on ne peut jamais se débarrasser de ses illusions. Or, les illusions d'argent ainsi que celles de la forme, de la célébrité, de la bonne nourriture, du sommeil sont toutes des ordures. Elles ne sont pas pures, c'est pour cela qu'on les appelle ordures et c'est pourquoi, on dit que : « La fortune, la forme, la célébrité, la nourriture et le sommeil sont les cinq sources qui nous plongent dans les enfers » et qui nous rendent incapables d'engendrer l'esprit Bodhi. Celui qui a produit l'esprit Bodhi ne s'intéresse plus à ces cinq passions ; plus envie de fortune, de forme, de célébrité, de nourriture, de sommeil, plus de passions, plus d'attachements à rien.

Regardez ces gens cupides, ils considèrent leurs fortunes et leurs biens matériels comme leur propre vie, supérieurs à leurs parents. L'argent, une fois empoché, plus de parents, plus de famille. Celui qui se passionne de beauté féminine, se sent comme halluciné, une femme ne lui suffit pas, il en désire deux, puis trois, un tel individu, après la mort, se réincarnerait en

animal, en dragon. Car la passion sexuelle chez les dragons est très forte, donc celui qui se passionne de beauté féminine se réincarnerait en dragon, et si le péché est trop grave, il sombrera en enfer.

Regardons maintenant celui qui aime de la bonne nourriture : il déguste avec plaisir des plats délicieux. Quelle impression vous donne le fait de bien manger ? Tout au plus ceci : vous n'avez plus faim, donc plus envie de manger. Parfois le fait de trop manger vous donne même des problèmes de santé.

Celui qui aime le sommeil, dort beaucoup, n'a jamais envie de se réveiller. Celui qui s'attache à ces cinq passions de fortune, de forme, de célébrité, de nourriture, de sommeil, au fil du temps perd peu à peu sa sagesse, souille son essence naturelle, se familiarise avec le Dharma pollué de la cupidité d'ordures, ainsi la lumière de sa sagesse et de son essence naturelle perd sa merveilleuse efficacité. Pour récupérer cette lumière, éloignons cet esprit de cupidité de fortune, de forme, de célébrité, de nourriture, de sommeil ; une fois ces cinq passions disparues, vous récupérerez la puissance des vœux du Bouddha.

Bouddha avait pratiqué parallèlement les mérites et la sagesse et ce faisant durant trois AsamKhyas. Un Kalpa comprend une augmentation d'années puis une diminution d'années. C'est-à-dire, la vie humaine augmente d'une année et d'un décimètre tous les cent ans. Cette augmentation se produit à partir de dix ans jusqu'à quatre vingt quatre mille ans ensuite commence la diminution. Le même processus se produit mais en sens inverse, la durée de l'existence humaine diminue d'une année tous les cent ans jusqu'à l'âge de dix ans. Un Kalpa est formé d'une augmentation d'années et d'une diminution d'années. Un Petit Kalpa est formé de mille Kalpas ; vingt Petits Kalpas forment un Moyen Kalpa ; quatre Moyens Kalpas forment un Grand Kalpa ; une infinité de Grands Kalpas forment un AsamKhya.

Pratiquer les mérites consiste à accomplir, de toutes ses forces, tout acte bienveillant, et pratiquer la sagesse consiste à étudier la théorie du Prajna. On peut aussi dire : accomplir tout acte bienveillant c'est pratiquer le mérite et s'interdire tout acte malveillant c'est pratiquer la sagesse. C'est pourquoi, il faut pratiquer parallèlement et à la perfection le mérite et la sagesse pour pouvoir devenir Bouddha. Bouddha, durant trois Infinités

de Grands Kalpas et cent Kalpas n'avait cessé de pratiquer des actions méritantes et la sagesse, sans oublier la moindre action bienveillante, ni commettre la moindre action malveillante avant d'atteindre la bouddhité. C'est pourquoi, étant profanes, nous devrions avoir foi en Bouddha, en sa doctrine, en ses disciples et en la communauté des moines.

Apprenant le personnage du Bouddha, nous devrions absolument apprendre la puissance de ses vœux. Ceux-ci consistent à devenir Bouddha soi-même, puis aider tout être vivant à devenir aussi Bouddha afin de bénéficier, comme soi-même, du fruit de la Bouddhité, de la béatitude et de l'immense Sagesse. Par ailleurs, nous devrions également bannir toute rivalité, toute cupidité, tout égoïsme, tout intéressement, tout mensonge, tout désir. Ce sont les premiers pas sur le chemin de la Bouddhité. La puissance des vœux du Bouddha est incommensurable, immense et profonde comme l'océan. Pourtant, nous ne pouvons pas dire que l'océan est si profond et si immense, qu'il est impossible d'atteindre donc inutile d'apprendre. Nous devons apprendre la force des vœux du Bouddha petit à petit. Nous devons être toujours prêts à nous sacrifier et apprendre la conduite du Bouddha Sakyamuni qui s'est sacrifié pour sauver une tigresse affamée, qui s'est découpé un morceau de chair pour sauver un faucon. Et quand le roi Ca Lõi lui avait coupé ses membres, il n'en avait pas gardé la moindre haine, ni la moindre colère, il avait fait preuve de sacrifice, d'endurance, de l'observation des préceptes moraux, de la persévérance, de la donation et de la méditation contemplative (Dhyana). Ainsi, en pratiquant les six Paramitas, Bouddha avait atteint la Sagesse du Prajna. Vous n'avez qu'à pratiquer aussi consciencieusement, toujours en progression, un jour vous pourriez les réaliser pleinement.

Quoique la force des vœux du Bouddha soit immense, la vôtre ne l'est pas moins. Il vous suffit de formuler des vœux aussi grands que ceux du Bouddha, un jour vous réussirez et atteindrez votre but.

La conduite du Bouddha consiste à s'abstenir de faire tout acte malveillant, à accomplir toute bonne action, être toujours vigilant à l'égard de soi-même, ne jamais nuire à autrui. C'est une

conduite qui profite aux gens sans jamais leur nuire, qui sauve les gens sans jamais les tuer. Il les aide à ouvrir leur immense Sagesse, n'utilisant jamais de subterfuge afin de les tromper. C'est pourquoi, la conduite du Bouddha peut-être qualifiée de la plus divine suprématie.

Les pensées du Bouddha groupent les quatre vertus cardinales suivantes : La miséricorde, la compassion, la joie, le sacrifice. La miséricorde consiste à apporter à tout être vivant le bonheur. La compassion consiste à le sauver hors des souffrances, à dissiper ses misères. La joie consiste à accepter avec joie tout acte venant de l'être humain, y compris ses coups et blessures. Autrement dit, il n'éprouve jamais la moindre haine à l'égard de ses insultes, ses coups, même jusqu'à ses intentions de le tuer. Le sacrifice consiste à se détacher, se séparer de tout ce dont la plupart des êtres vivants ne peuvent se séparer, se détacher. Il se débarrasse de tout, ne désire plus rien. C'est pourquoi, plus de rivalité, plus de cupidité, plus de désirs, plus d'égoïsme, plus d'intéressement, plus de mensonges. Ne voulant pas tromper les gens, n'espérant plus rien de la vie, satisfait de son sort, alors, plus d'actes stupides. C'est là où résident la force des vœux, la conduite et la pensée du Bouddha.

Si vous réfléchissez bien, que pensez-vous de vos vœux comparés à ceux du Bouddha ? Votre conduite à celle du Bouddha ? Votre pensée à celle du Bouddha ? Faites comme Bouddha, ne refusez aucune bonne action, évitez toute mauvaise action, imitez les actes des braves gens, doués de grande compassion, de loyauté, de fidélité, de piété filiale et d'immense croyance ; face à une personne malveillante, faites votre introspection pour voir si vous avez commis d'actes stupides ou si ce que vous avez fait est juste ? Réfléchissant de cette façon, peut-être vous ne pourriez plus faire don aux autres ce que vous ne voulez pas ; ainsi, vous accumulerez vos mérites et votre Sagesse, vous développeriez votre immense esprit Bodhi.

QUAND JE SERS MES PARENTS

Quand je sers mes parents dans la pitié filiale,
Je formule le vœu que les êtres vivants
Serviront habilement les Bouddhas
Protègent et respectant toute chose.

Quand vous êtes pieux envers vos parents, vous devez.

Formuler le vœu que tous les êtres vivants servent les Bouddhas

Habilement, et qu'ils leur soient reconnaissants.

S'il n'y avait pas la présence de Bouddha en ce monde,

Vos parents seraient des Bouddhas vivants dans la maison,

Vous devez leur témoigner votre reconnaissance. Puisqu'ils vous ont donné votre corps physique,

Vous devriez être pieux envers eux et leur payer les bienfaits qu'ils vous ont procurés.

Comme il est dit:

Les bienfaits de nos parents sont immenses, illimités comme les cieux.

Pour eux, nous devrions, si possible, nous épuiser dans le travail.

Imaginez toutes les peines que votre mère a dû supporter pendant neuf mois de grossesse.

Le Cardinal Yu Pin a déclaré qu'il était contre l'avortement. Aujourd'hui, beaucoup de gens acceptent cet acte inhumain. Qu'on soit jeunes ou vieux, qu'on ait des idées modernes ou arriérés, on ne devrait pas tolérer l'avortement.

Parce qu'il n'est pas en accord avec la nature de l'être humain.

Le Cardinal Yu Pin a dit : "L'avortement tue le germe de la race humaine." C'est vrai, les bébés sont les germes de la race humaine. L'avortement tue ces germes humains.

Je suis absolument du même avis que lui.

Si vous êtes pieux envers vos parents, vous devriez l'être également envers les Bouddhas. Autrement dit, lorsque vous protégez et soutenez le Bouddhadharma, vous témoignez de la reconnaissance envers vos parents. Quand vous êtes reconnaissants envers vos parents, vous l'êtes envers les Bouddhas.

Par conséquent, entre les Bouddhas et vos parents, il ne devrait pas y avoir de distinction. Quand une personne est reconnaissante envers ses parents, les Bouddhas l'apprécieront beaucoup. Ils lui feront sûrement des louanges, en disant "Quel bonheur ! Quel bonheur !".

Une prosternation tous les trois pas

Heng Cu et Heng Do

Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

La suite

Le 19 octobre 1973. Hăng-Do écrit :

Durant les trois premiers jours de vie en plein air, j'ai croisé des millions d'espèces vivantes telles : des plantes, des insectes, des animaux domestiques. Je me suis rendu compte que : malgré cette grande quantité innombrable, malgré la différence d'aspects physiques, tous, tôt ou tard mourront. J'ai réalisé que : toute existence doit se plier à la règle suivante : la naissance, l'existence, la dégradation et la vacuité. La naissance est formée à partir de concours de circonstances réunissant tous les éléments constituant notre corps. L'existence est la période où ces éléments restent encore en harmonie. La dégradation est le moment où ces éléments se disloquent. La vacuité est le moment où ces éléments disparaissent complètement et notre corps n'existe plus.

Devant cet espace immense qui s'étend jusqu'à l'infini, mes pensées ne sont plus limitées par les quatre murs et mon esprit s'envole librement très haut à perte-de-vue dans le ciel et fusionne avec les étoiles. Je continue à réfléchir à ces éternelles questions concernant l'existence humaine. Qui suis-je ? Où vais-je ? Les sages disaient que la réponse est cachée à l'intérieur (de moi). Ce pèlerinage de prosternation est donc un pèlerinage spirituel. Lorsque j'arrive à casser la coquille de mon égo, disparaissent également toutes les barrières qui séparent l'intérieur de l'extérieur et alors je verrai que ce monde est précisément :

« moi ». C'est pourquoi Bouddha nous a enseigné la Compassion. Car une fois que vous avez compris que vous êtes réellement tout le monde alors vous serez bon envers tout le monde.

Le 20 octobre 1973. Hăng-Do écrit :

Il pleuvait abondamment. Nous descendîmes lentement la colline, puis nous prîmes l'autoroute 1, nous nous dirigeâmes vers le nord, au bord de la mer Stinson, soudain, un ivrogne, s'adressant au Bhiksu Hăng-Cụ, cria : « Eh ! Espèce de clown, disparaissez ! »

Après une journée de prosternations, exténués, nous campions dans une prairie, orientant notre tente vers le bord de la mer. A cet instant précis, j'écrivais en regardant fixement la petite flamme que nous avions eue tant de mal à allumer. Y-aurait-il quelqu'un qui, voyant la fumée se dégager des bûches humides, viendrait nous arrêter pour avoir campé sans autorisation ? Mais non, il n'en serait jamais ainsi ! La vent de la mer soufflait tellement fort qu'il a tout balayé ! A l'aide de quelques bâches de nylon, nous dressions notre tente pour passer une longue nuit glaciale. Une distance de cinq pieds est longue pour celui qui pratique des prosternations. Bhiksu Hăng-Cụ me disait qu'il aimait beaucoup voyager, mais à mon avis, ce pèlerinage a beaucoup plus de valeur que d'errer sans but précis. Car, en ce moment, nous accomplissons un acte pour une raison et un but bien précis. Et je pense que notre présence ici est absolument juste. En pensant à ma vie passée, je me rends compte que j'ai gaspillé beaucoup d'énergie, de temps et je jure que dorénavant, je progresserai. (à suivre)

**Ủng hộ báo Phật Pháp dài hạn, góp phần vào việc truyền bá Phật pháp
Je fait un don pour la revue Bouddhadharma.**

Họ và Tên / Nom et prénom :

Địa Chỉ / Adresse :

Điện Thoại / Téléphone :

Cúng dường ủng hộ tùy hỷ :

Votre don :

Lối về Chùa Kim Quang mới

75, Allée Circulaire
93600 Aulnay Sous Bois

Xe hơi :

- Từ **Paris, vùng phụ cận đến**, lấy Autoroute A3, sortir Bondy/Meaux route N.3, qua khỏi Conforama, Darty, đến đèn đỏ ngã tư queo trái, hướng Hopitale Verdier, đến đèn đỏ thứ 3, queo phải, chạy thẳng đến rond point queo trái hướng Pont de Union/ Aulnay, chút xíu sẽ thấy Allée Circulaire, chạy thẳng tí nữa sẽ đến Chùa : 75, Allée Circulaire.

- Từ **Lille xuống**, lấy Autoroute A3, sortir hướng Bondy/Meaux, qua cầu queo trái theo route N.3, qua khỏi Conforama, Darty, đến đèn đỏ ngã tư queo trái, hướng Hopitale Verdier, đến đèn đỏ thứ 3, queo phải, chạy thẳng đến rond point queo trái hướng Pont de Union/ Aulnay, chút xíu sẽ thấy Allée Circulaire, chạy thẳng tí nữa sẽ đến Chùa : 75, Allée Circulaire.

Đi Métro, xe Bus :

- Từ Paris lấy **RER B**, xuống **Gare Aulnay Sous Bois** (phía nam) "Sud Aulnay" (Nếu đi bộ khoảng 1,5 cây số, tức khoảng 12 phút), hoặc có thể lấy xe **Bus số 637**, xuống trạm **Condé Circulaire**, queo trái đi về Chùa (Khoảng vài chục mét).

- Hoặc lấy xe **Bus số 234**, xuống **trạm Robert Schuman**, queo trái đi về Chùa (khoảng hơn 100 mét).

- Hoặc lấy **Métro M5**, xuống terminus Bobigny, lấy xe **bus số 234 hướng Bondy/Livry Gargan**, xuống **trạm Robert Schuman**, queo trái đi về Chùa (khoảng hơn 100 mét).



Chùa/Pagode Kim Quang
75, Allée Circulaire
93600 Aulnay Sous Bois-France
Tel./Fax : 01.48.69.01.24
e-mail: kimquangtu@hotmail.com



Sự an vui chân chính thì chẳng mong cầu gì. Khi tới chỗ không còn mong cầu, thì sẽ chẳng còn âu lo. Khi chẳng mong cầu điều gì, thì đó mới là sự vui sướng chân chính, cũng là sự an vui yên ổn thật sự của tự tánh.

Hãy đem sự thông minh, trí huệ nhỏ bé để qua một bên. Đừng nên nghĩ rằng chuyện gì mình cũng biết, cũng hiểu. Nếu bạn nghĩ rằng việc gì mình cũng biết, thì bạn không phải là người chân chính hiểu Phật pháp.

Bạn chớ nên quá chấp trước, cứ đeo trên người mấy thứ gồng gánh mãi. Gồng gánh gì? Tức là những thứ thói hư tật xấu. Nếu bạn có những thứ luộm thuộm đó, thì chẳng thể nào rút chân ra khỏi bùn lầy, chẳng thể nào tới đặng bờ bên kia.

Hễ ai không nổi nóng tức giận, thì người ấy sẽ tương ứng với đạo lý Phật dạy, và sẽ thành Phật rất dễ dàng.

C'est que nous dédaignons notre puissance spirituelle qui notre noble esprit véritable. Bouddha a dit : "Tous les êtres humains possèdent du Tathagata". Si nous ne pratiquons pas la vertu, nous perdrons l'occasion de développer cet esprit véritable ; nous ne sommes pas dignes d'être un homme noble.

A supposer que l'on vive jusqu'à cent ans, l'on verra que les jours et mois filent comme une étincelle qui s'éteint en un laps de temps très court.

"**D**urant la vie, le corps est comparable à une écume".

Depuis la naissance jusqu'à la mort, cela s'appelle une vie. Le corps est comme une écume sur la surface de l'eau, ballottée, sans consistance, comme une illusion, qui disparaît en un Ksana (le plus court instant). Dans ces conditions, pourquoi s'y attacher ?

Posséder or et argent même en quantité colossale ne permet pas d'acheter la mort. La mort est juste, impartiale, ne parle pas d'amour, n'accepte aucune offrande.